FUJI Xerox

DocuPrint M275 z
DocuPrint M285 z
Hướng dẫn sử dụng trực tuyến

Mục lục

Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox 1
Định nghĩa các mục lưu ý 2
Các nhãn hiệu 3
Lưu ý quan trọng 4
Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn 5
Tổng quan về bảng điều khiển 6
Tổng quan về giao diện 7
Tổng quan về màn hình cảm ứng LCD 8
Cách Điều hướng Màn hình cảm ứng LCD 10
Tổng quan về màn hình thiết đặt 12
Truy cập Fuji Xerox Utilities (Windows®) 13
Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Fuji Xerox (Windows®) 15
Xử lý giấy 16
Nạp giấy 17
Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy 18
Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP) 21
Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay 28
Thiết đặt giấy 35
Thay đổi khổ giấy và loại giấy 36
Chọn khay giấy được sử dụng để in. 37
Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy 38
Nạp tài liệu 39
Nạp tài liệu vào Bộ nạp tài liệu tự động (ADF) 40
Nạp tài liệu trên kính máy quét 41
Vùng không thể quét và vùng không thể in 42
Sử dụng giấy đặc biệt 43
Xử lý sự cố 44
Thông báo lỗi và bảo trì 45
Kẹt tài liệu 49
Tài liệu bị kẹt ở đầu bộ ADF 50
Tài liệu bị kẹt dưới nắp tài liệu 51
Lấy các mảnh giấy nhỏ bị kẹt ra khỏi ADF 52
Kẹt giấy 53
Giấy bị kẹt trong khay giấy 54
Giấy bị kẹt trong khay MP 56
Giấy bị kẹt ở khay giấy đầu ra 57
Giấy bị kẹt ở phía sau máy 58
Giấy bị kẹt bên trong máy 60
Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt 62
Vấn đề khi in 64
Cải thiện chất lượng in 67
Vấn đề về điện thoại và fax 73
Thiết đặt Phát hiện âm quay số 77
Thiết đặt tương thích đường dây điện thoại cho hệ thống can nhiễu và VoIP 78

Vấn đề về mạng ... 79
Thông báo lỗi cho Sự cố mạng ... 80
Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Fuji Xerox ở đâu? ... 81
Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây ... 82
Máy Fuji Xerox của tôi không thể in, quét hoặc nhận PC-FAX qua mạng. ... 83
Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không. ... 85
Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google ... 86
Các vấn đề về AirPrint ... 87
Các vấn đề khác ... 88
Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn ... 90
Truyền Fax đến máy Fax khác ... 91
Truyền fax đến máy tính của bạn ... 92
Truyền báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác ... 93
Thông tin về máy ... 94
Kiểm tra số sê-ri ... 95
Kiểm tra phiên bản firmware ... 96
Tổng quan về Chức năng Đặt lại ... 97
Thiết đặt lại máy Fuji Xerox của bạn ... 98
Bảo trì thường lệ ... 99
Thay thế vật tư. ... 100
Thay Hộp mực ... 102
Thay Bộ trống mực ... 105
Vệ sinh máy ... 107
Vệ sinh máy quét ... 109
Vệ sinh màn hình cảm ứng LCD ... 110
Vệ sinh Dây Corona ... 111
Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực ... 113
Vệ sinh trục cuộn lấy giấy ... 116
Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận ... 117
Thiết đặt máy ... 118
Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển ... 119
Trong trường hợp mất điện (Lưu trữ bộ nhớ) ... 120
Thiết đặt chung ... 121
Lưu thiết đặt ưa thích của bạn dưới dạng lối tắt ... 140
In báo cáo ... 143
Bảng thiết đặt và tính năng ... 146
Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn ... 163
Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web ... 164
Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa ... 169
Phục lục ... 180
Thông số kỹ thuật ... 181
Cách nhập văn bản trên máy Fuji Xerox của bạn ... 188
Vật tư ... 189
Liên hệ Fuji Xerox ... 190

Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox

- Định nghĩa các mục lưu ý
- Các nhãn hiệu
- Lưu ý quan trọng

Định nghĩa các mục lưu ý

Chúng tôi sử dụng các ký hiệu và quy ước sau xuyên suốt Hướng dẫn sử dụng này:

⚠ CẢNH BÁO	CẢNH BÁO cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến chết người hoặc thương tích nghiêm trọng.
⚠ THẬN TRỌNG	THẬN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc ít nghiêm trọng.
QUAN TRỌNG	QUAN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thiệt hại cho tài sản hoặc hỏng chức năng sản phẩm.
LƯU Ý	LƯU Ý quy định môi trường hoạt động, điều kiện lắp đặt hoặc điều kiện sử dụng đặc biệt.
	Các biểu tượng gợi ý sẽ chỉ ra những gợi ý hữu ích và thông tin bổ sung.
	Biểu tượng Nguy hiểm điện cảnh báo bạn về khả năng bị điện giật.
	Biểu tượng Nguy hiểm hỏa hoạn cảnh báo bạn về nguy cơ hỏa hoạn.
	Biểu tượng Bề mặt nóng cảnh báo bạn không được chạm vào bộ phận máy đang nóng.
	Biểu tượng Cấm cho biết hành động mà bạn không được thực hiện.
In đậm	Chữ in đậm xác định các nút trên bảng điều khiển của máy hoặc màn hình máy tính.
In nghiêng	Chữ in nghiêng nhấn mạnh điểm quan trọng hoặc giới thiệu với bạn chủ đề liên quan.
`Courier New`	Phông chữ Courier New xác định thông báo hiển thị trên màn hình LCD của máy.

Thông tin liên quan

- Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox

Các nhãn hiệu

Microsoft, Windows, Windows Server, SharePoint, Internet Explorer, Outlook, PowerPoint, Excel và Active Directory là các nhãn hiệu thương mại đã đăng ký hoặc các nhãn hiệu thương mại của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Apple, Mac, Safari, iPad, iPhone và iPod touch là các nhãn hiệu của Apple Inc., đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

AirPrint và macOS là các thương hiệu của Apple Inc.

App Store là nhãn dịch vụ sửa chữa của Apple Inc.

PostScript và PostScript 3 là các nhãn hiệu đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Android, Gmail, Google Cloud Print, Google Drive, Google Chrome, Chrome OS và Google Play là các nhãn hiệu của Google Inc. Việc sử dụng các nhãn hiệu này phải tuân theo Giấy phép của Google.

Tất cả các tên sản phẩm/nhãn hiệu là nhãn hiệu thương mại hoặc nhãn hiệu thương mại đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

(Các) hình ảnh chụp màn hình về sản phẩm của Microsoft được in trước với sự cho phép của Microsoft Corporation.

Xerox, Xerox và Design, cũng như Fuji Xerox và Design là các nhãn hiệu thương mại đã đăng ký hoặc nhãn hiệu thương mại của Xerox Corporation tại Nhật Bản và/hoặc các quốc gia khác.

Thông tin liên quan

- Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox

Lưu ý quan trọng

- Không sử dụng sản phẩm này bên ngoài quốc gia mua máy vì điều này có thể vi phạm quy định về viễn thông và truyền điện không dây của quốc gia đó.
- Một số model không sẵn có ở một số quốc gia.
- Windows® 10 trong tài liệu này đại diện cho Windows® 10 Home, Windows® 10 Pro, Windows® 10 Education và Windows® 10 Enterprise.
- Windows Server® 2008 trong tài liệu này đại diện cho Windows Server® 2008 và Windows Server® 2008 R2.
- Các màn hình trong Hướng dẫn Sử dụng này chỉ nhằm mục đích minh họa và có thể khác với màn hình thực tế.
- Màn hình trong sách hướng dẫn sử dụng này được lấy từ Windows® 7 và macOS v10.11.x. Màn hình trên máy tính của bạn có thể thay đổi tùy theo hệ điều hành của bạn.
- Nội dung của hướng dẫn này và các thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể thay đổi mà không báo trước.
- Không phải tất cả tính năng đều khả dụng ở các quốc gia có áp dụng hạn chế xuất dữ liệu.

Thông tin liên quan

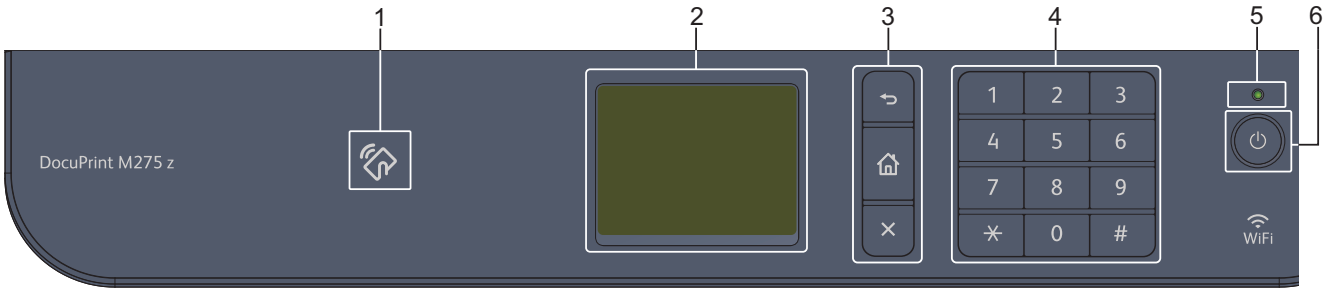
- Trước khi bạn sử dụng máy Fuji Xerox

Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn

- Tổng quan về bảng điều khiển
- Tổng quan về giao diện
- Tổng quan về màn hình cảm ứng LCD
- Cách Điều hướng Màn hình cảm ứng LCD
- Tổng quan về màn hình thiết đặt
- Truy cập Fuji Xerox Utilities (Windows®)

Tổng quan về bảng điều khiển

Bảng điều khiển có thể thay đổi tùy theo model của bạn.



1. **Giao tiếp tầm ngắn (NFC)**

   Nếu thiết bị Android™ của bạn hỗ trợ tính năng NFC, bạn có thể in từ thiết bị của bạn hoặc quét tài liệu vào thiết bị của bạn bằng cách chạm vào biểu tượng NFC trên bảng điều khiển.
2. **Màn hình cảm ứng tinh thể lỏng (LCD)**

   Truy cập các menu và tùy chọn bằng cách bấm trên màn hình cảm ứng.
3. **Nút menu**

   (Quay lại)

   Bấm để quay lại menu trước đó.

   (Chính)

   Bấm để trở về màn hình Chính.

   (Hủy)

   Nhấn để hủy bỏ một thao tác.
4. **Bàn phím quay số (Nút số)**

   Bấm số trên Bảng điều khiển cảm ứng để quay số điện thoại hoặc số fax và để nhập số lượng bản sao.
5. **Đèn LED chỉ báo nguồn**

   Đèn LED sáng phụ thuộc vào trạng thái nguồn của máy.
6. **Bật/Tắt nguồn**

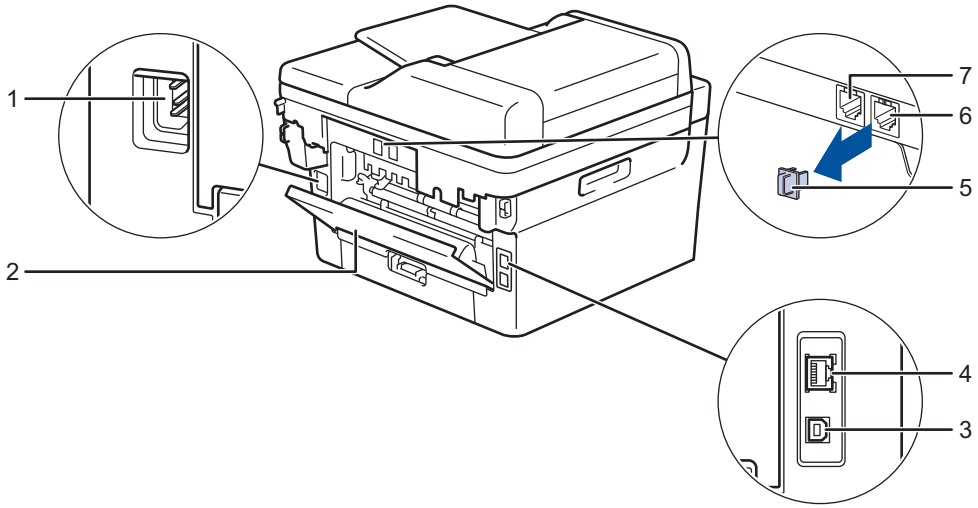
   - Bật máy bằng cách bấm .
   - Tắt máy bằng cách bấm và giữ . Màn hình cảm ứng LCD hiển thị `[Shutting Down (Đang tắt máy)]` và duy trì bật trong vài giây trước khi tắt. Nếu bạn có điện thoại hoặc TAD gắn ngoài đang kết nối, các thiết bị này luôn sử dụng được.

Thông tin liên quan

- Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn

Tổng quan về giao diện

Các giao diện kết nối có sẵn thay đổi tùy thuộc vào model.



1. Đầu nối Nguồn AC
2. Nắp sau (Khay đầu ra)
3. Cổng USB
4. Cổng Mạng
5. CAP Đầu nối Điện thoại
6. Đầu nối Điện thoại
7. Đầu nối có Giắc cắm Tường

Thông tin liên quan

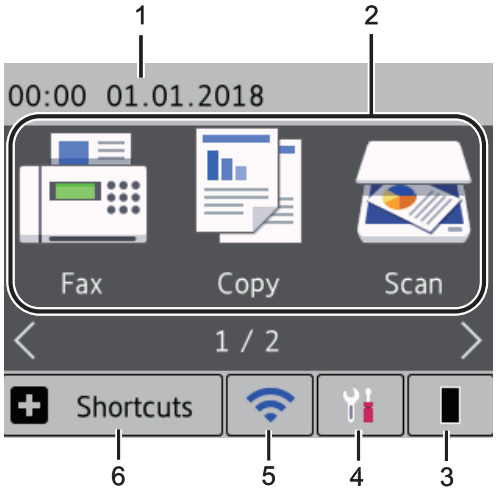
- Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn

Tổng quan về màn hình cảm ứng LCD

Khi màn hình Trang chủ được hiển thị, nhấn ◀ hoặc ▶ để hiển thị các màn hình Trang chủ khác.

Màn hình Trang chủ hiển thị trạng thái của máy khi máy ở chế độ nghỉ. Khi được hiển thị, màn hình này chỉ báo rằng máy của bạn sẵn sàng thực hiện lệnh tiếp theo.

Các tính năng có sẵn có thể thay đổi tùy theo model của bạn.



1. **Ngày & thời gian**

   Hiển thị ngày và thời gian được thiết lập trên máy.

2. **Chế độ**

   - **[Fax]**

     Bấm để truy cập chế độ Fax.

   - **[Copy (Bản sao)]**

     Bấm để truy cập chế độ Sao chép.

   - **[Scan (Quét)]**

     Bấm để truy cập chế độ Quét.

   - **[Secure Print (In bảo mật)]**

     Bấm để truy cập tùy chọn [Secure Print (In bảo mật)].

3. **Mực in**

   Hiển thị tuổi thọ mực in còn lại. Bấm để truy cập menu [Toner (Hộp mực)].

   Khi Hộp mực gần hết tuổi thọ hoặc có vấn đề, biểu tượng lỗi xuất hiện trên biểu tượng Mực in.

4. **[Settings (Thiết đặt)]**

   Bấm để truy cập menu [Settings (Thiết đặt)].

   Nếu đã bật Secure Function Lock hoặc Khóa thiết đặt, biểu tượng khóa xuất hiện trên màn hình LCD. Bạn phải mở khóa máy để sử dụng Thiết đặt.

5. WiFi hoặc

   (Trạng thái không dây cho các model không dây)

   Nhấn để cấu hình cài đặt không dây.

   Nếu bạn đang sử dụng một kết nối không dây, đèn chỉ báo bốn mức trong mỗi màn hình Trang chủ hiển thị cường độ tín hiệu không dây hiện tại.



Mạng LAN không dây bị ngắt kích hoạt

6. [Shortcuts (Lối tắt)]

Tạo Biểu tượng tắt cho các thao tác thường sử dụng, như gửi fax, sao chép và quét.

- Ba màn hình Lối tắt này có sẵn với tối đa bốn Lối tắt trên mỗi màn hình Lối tắt. Có sẵn tổng cộng là 12 Lối tắt.
- Để hiển thị màn hình Lối tắt khác, bấm ◀hoặc▶.

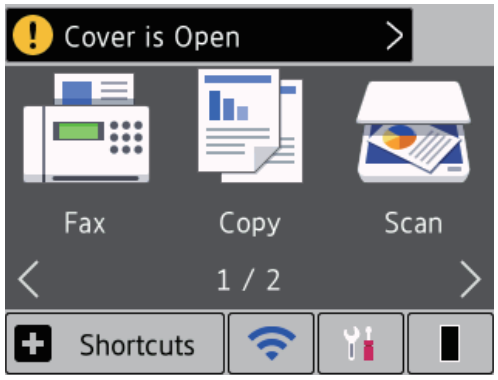
Fax được lưu trữ



Số fax nhận được trong bộ nhớ xuất hiện ở trên cùng của màn hình.

Nhấn , và sau đó nhấn [Yes (Có)] để in fax.

Biểu tượng cảnh báo



Biểu tượng cảnh báo xuất hiện khi có thông báo lỗi hoặc bảo trì; nhấn vào vùng thông báo để xem, và sau đó nhấn để trở lại Chế độ sẵn sàng.

LƯU Ý

- Sản phẩm này áp dụng font của ARPHIC TECHNOLOGY CO., LTD.

Thông tin liên quan

- Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn

Cách Điều hướng Màn hình cảm ứng LCD

Bấm ngón tay của bạn lên LCD để điều khiển nó. Để hiển thị và truy cập tất cả các tùy chọn, hãy bấm ◀▶ hoặc ▲▼ trên LCD để cuộn qua chúng.

Các bước sau đây giải thích cách điều hướng bằng cách thay đổi thiết đặt máy. Trong ví dụ này, thiết đặt đèn nền LCD được thay đổi từ `[Light (Sáng)]` sang `[Med (Trung bình)]`.

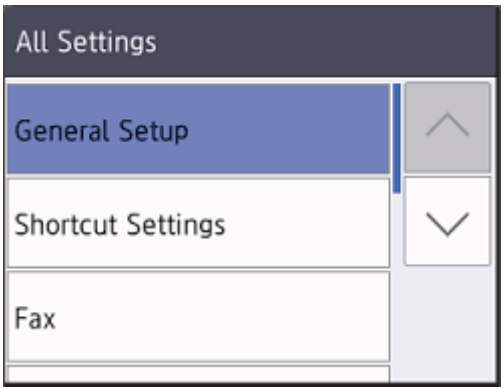
QUAN TRỌNG

KHÔNG bấm LCD bằng vật sắc nhọn như bút hoặc bút khắc. Nó có thể làm hỏng máy.

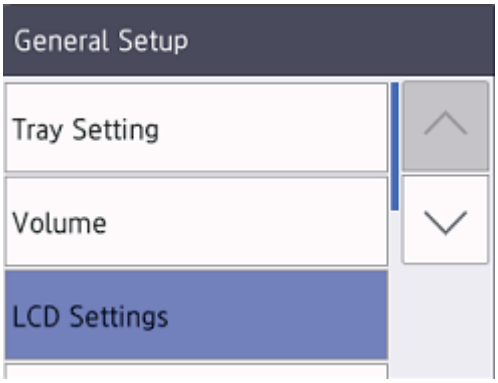
LƯU Ý

KHÔNG chạm ngay vào LCD sau khi cắm dây nguồn hoặc bật máy. Làm vậy có thể gây ra lỗi.

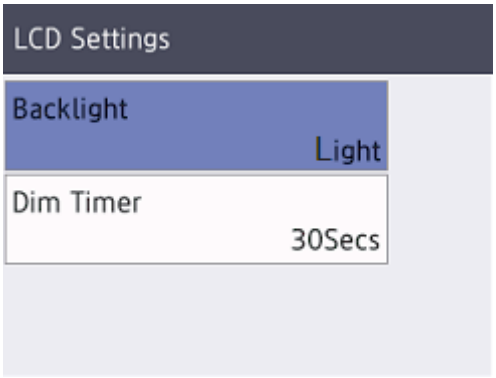
1. Bấm (`[Settings (Thiết đặt)]`).
2. Bấm `[All Settings (Tất cả thiết đặt)]`.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị `[General Setup (Cài đặt chung)]` tùy chọn, rồi bấm `[General Setup (Cài đặt chung)]`.



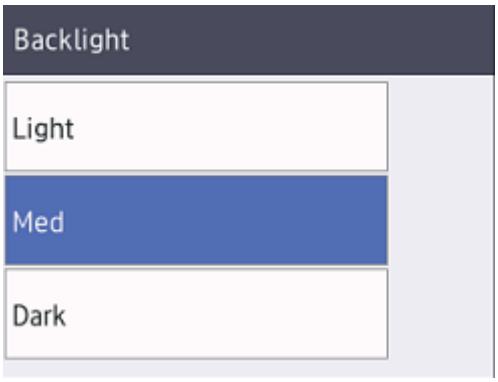
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị `[LCD Settings (Thiết đặt LCD)]` tùy chọn, rồi bấm `[LCD Settings (Thiết đặt LCD)]`.



5. Bấm `[Backlight (Đèn nền)]`.



6. Bấm [Med (Trung bình)].



7. Bấm .

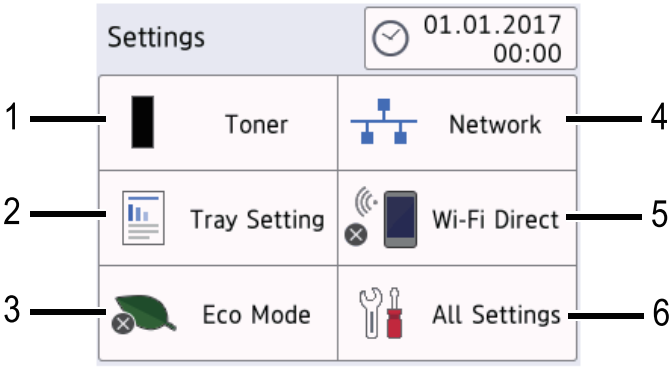
Thông tin liên quan

- Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn

Tổng quan về màn hình thiết đặt

Bấm để xem trạng thái máy hiện tại trên màn hình LCD.

Sử dụng menu Cài đặt để truy cập tất cả các cài đặt của máy Fuji Xerox của bạn.



1. **Mực in**
   - Hiển thị tuổi thọ mực in còn lại.
   - Bấm để truy cập menu `[Toner (Hộp mực)]`.
2. **Thiết đặt khay**

   Bấm để thay đổi các thiết đặt khổ giấy và loại giấy.
3. **Chế độ Tiết kiệm**

   Bấm để truy cập menu `[Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)]`.
4. **Mạng**
   - Bấm để cài đặt kết nối mạng.
   - Bộ chỉ báo bốn mức trên màn hình sẽ hiển thị cường độ tín hiệu không dây hiện tại nếu bạn đang sử dụng kết nối không dây.
5. **Wi-Fi Direct**

   Bấm để cài đặt kết nối mạng Wi-Fi Direct™.
6. **Tất cả các thiết đặt**

   Bấm để truy cập vào menu của tất cả các thiết đặt máy.

Thông tin liên quan

- Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn

Truy cập Fuji Xerox Utilities (Windows®)

Fuji Xerox Utilities là trình khởi chạy ứng dụng giúp bạn truy cập một cách tiện lợi vào tất cả các ứng dụng của Fuji Xerox được cài đặt trên máy tính của bạn.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:
   - (Windows® 7)

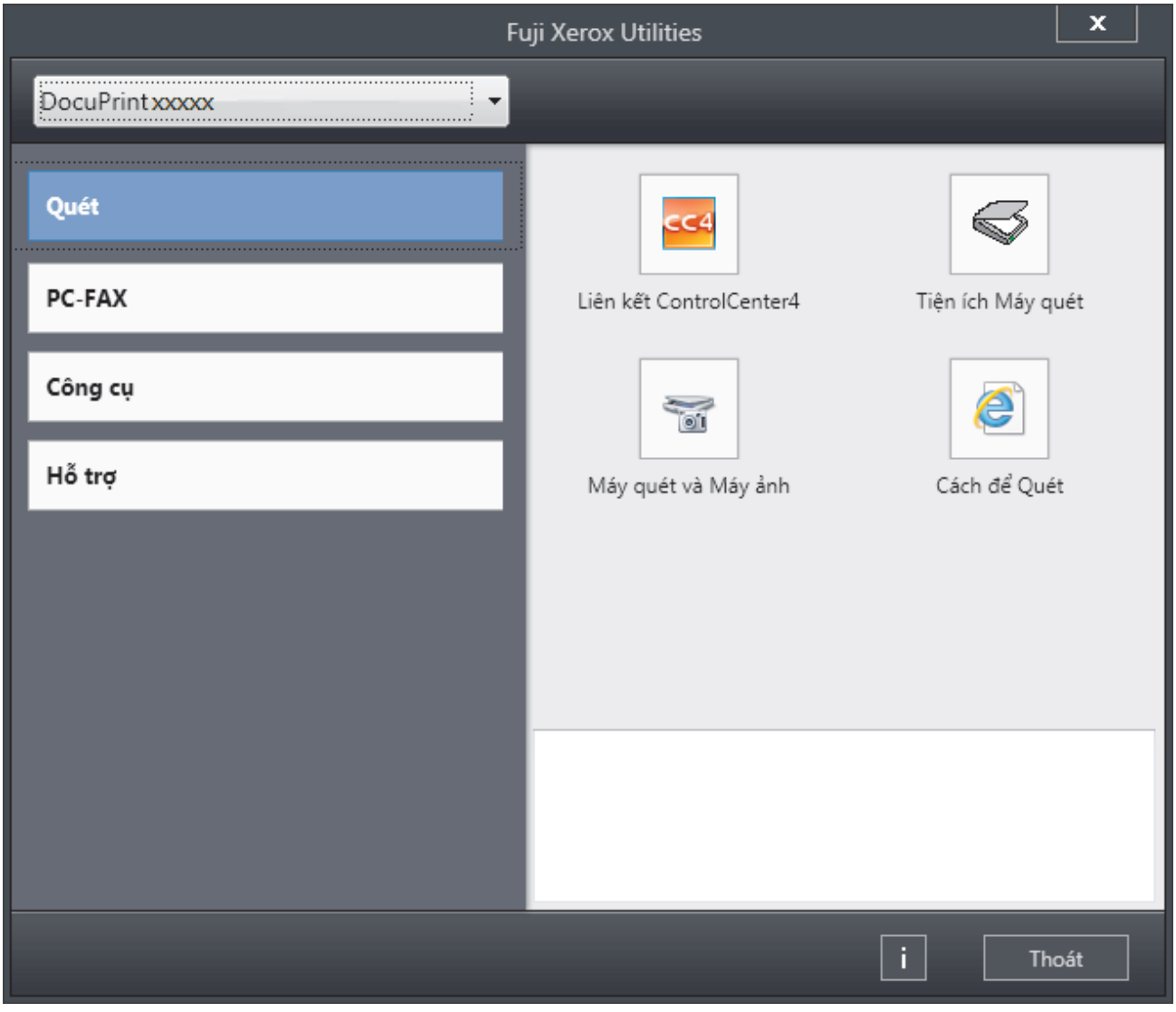
     Bấm **(Start) ((Bắt đầu))** > **Tất cả các chương trình** > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.
   - (Windows® 8)

     Chạm hoặc bấm (**Fuji Xerox Utilities**) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.
   - (Windows® 8.1)

     Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).

     Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc bấm (**Fuji Xerox Utilities**).
   - (Windows® 10)

     Nhấp vào > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.
2. Chọn máy của bạn (trong đó XXXXX là tên model của bạn).



3. Chọn thao tác bạn muốn sử dụng.

Thông tin liên quan

- Giới thiệu máy Fuji Xerox của bạn
- Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Fuji Xerox (Windows®)

Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Fuji Xerox (Windows®)

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:
   - (Windows® 7)

     Bấm **(Start) ((Bắt đầu))** > **Tất cả các chương trình** > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.
   - (Windows® 8)

     Chạm hoặc bấm (**Fuji Xerox Utilities**) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.
   - (Windows® 8.1)

     Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).

     Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc bấm (**Fuji Xerox Utilities**).
   - (Windows® 10)

     Nhấp vào > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.
2. Nhấp vào danh sách thả xuống, rồi chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Nhấp vào **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi nhấp vào **Gỡ Cài đặt**.

   Thực hiện theo các hướng dẫn trong hộp thoại để gỡ cài đặt phần mềm và các trình điều khiển.

Thông tin liên quan

- Truy cập Fuji Xerox Utilities (Windows®)

Xử lý giấy

- Nạp giấy
- Thiết đặt giấy
- Nạp tài liệu
- Vùng không thể quét và vùng không thể in
- Sử dụng giấy đặc biệt

Nạp giấy

- Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy
- Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP)
- Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay

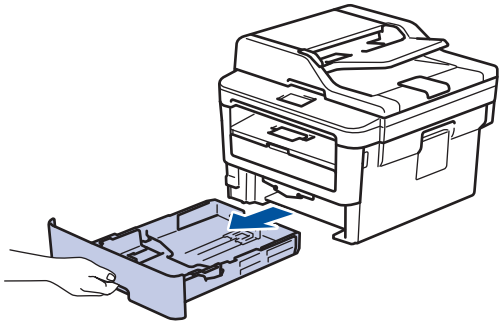
Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy

- Nạp giấy vào Khay Giấy

Nạp giấy vào Khay Giấy

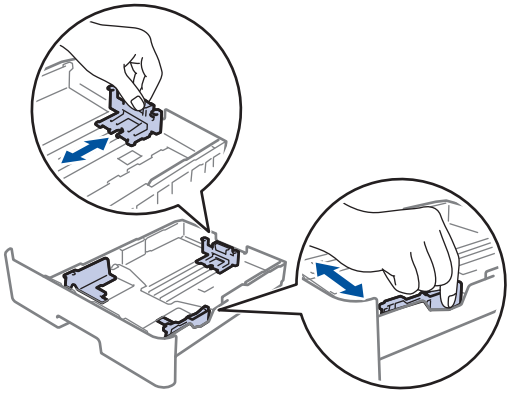
- Nếu thiết đặt Kiểm tra Khổ giấy được đặt thành Bật và bạn kéo khay giấy ra khỏi máy, một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình LCD hỏi xem liệu bạn có muốn thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không. Thay đổi thiết đặt khổ giấy và loại giấy nếu cần, thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình LCD.
- Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.

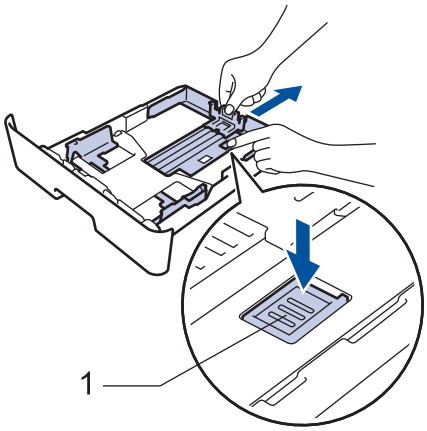


2. Bấm và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với giấy.

   Bấm cần nhả màu xanh lá cây để trượt thanh dẫn giấy.

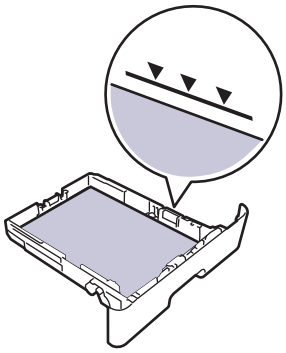


Đối với giấy khổ Legal hoặc Folio, bấm nút nhả (1) ở đáy khay giấy, rồi kéo mặt sau của khay giấy ra. (Giấy khổ Legal và Folio không có ở một số khu vực).

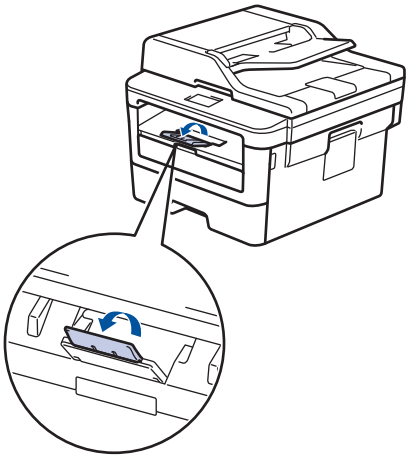


3. Tải đều chồng giấy.
4. Nạp giấy vào khay giấy với *bề mặt in hướng xuống*.

5. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).
   Nạp quá nhiều giấy vào khay giấy sẽ gây ra kẹt giấy.



6. Từ từ đẩy khay giấy hoàn toàn vào trong máy.
7. Mở nắp lật đỡ ra để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra.



Thông tin liên quan

- Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy

Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP)

Bạn có thể nạp giấy mỏng, giấy dày, giấy tài chế, giấy bông, nhãn, tối đa 30 tờ giấy thường, hoặc tối đa 2 phong bì trong khay MP.

- Nạp giấy vào khay đa năng (Khay MP)
- Nạp và In nhãn bằng Khay MP
- Nạp và In phong bì bằng Khay MP
- Vấn đề khi in

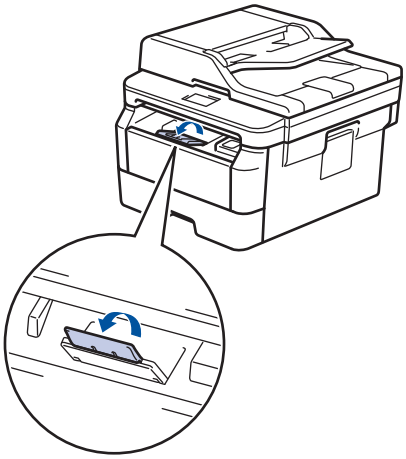
Nạp giấy vào khay đa năng (Khay MP)

Model: DocuPrint M285 z

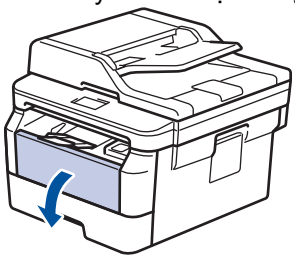
Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

- Giấy thường
- Giấy mỏng
- Giấy dày
- Giấy tái chế
- Giấy bông

1. Nâng nắp lật đỡ lên để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra hướng xuống.

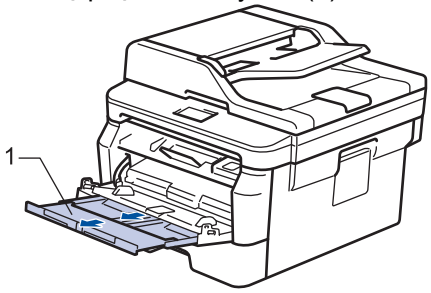


2. Mở khay MP và hạ xuống nhẹ nhàng.

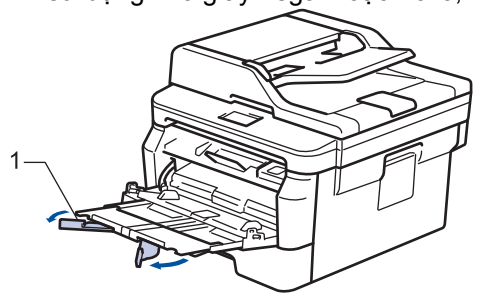


Khi sử dụng giây nhỏ hơn A6/A5 (Cạnh dài), bạn có thể bỏ qua bước tiếp theo.

3. Kéo bộ phận đỡ khay MP (1) ra.



Khi sử dụng khổ giấy Legal hoặc Folio, hãy kéo phần đỡ giấy ra (1).

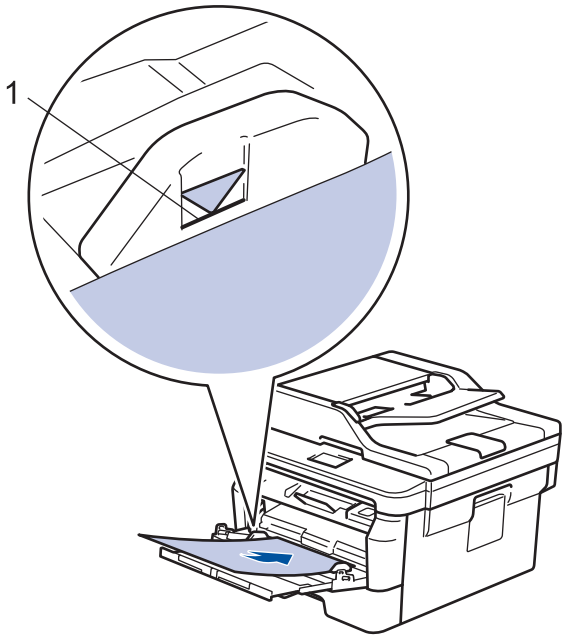


4. Trượt thanh dẫn giấy khay MP để khớp với độ rộng của giấy bạn đang dùng.



5. Nạp giấy vào khay giấy MP với bề mặt in *hướng lên*.

- Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (1).



Thông tin liên quan

- Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP)

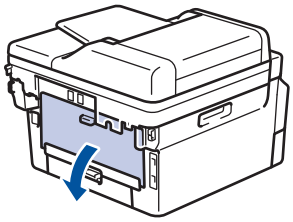
Nạp và In nhãn bằng Khay MP

Model: DocuPrint M285 z

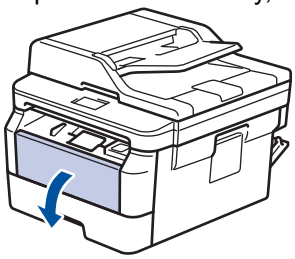
Khi nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) được kéo xuống, máy có đường dẫn giấy thẳng xuyên suốt từ khay MP đến phía sau của máy. Sử dụng bộ nạp giấy này và phương thức đầu ra khi bạn in trên nhãn.

Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

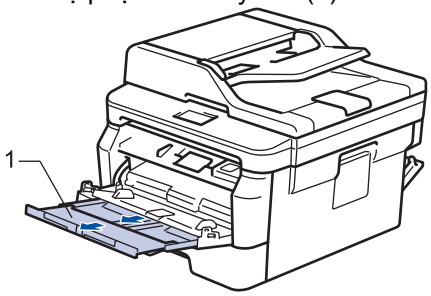


2. Ở phía trước của máy, hãy mở khay MP va hạ xuống nhẹ nhàng.

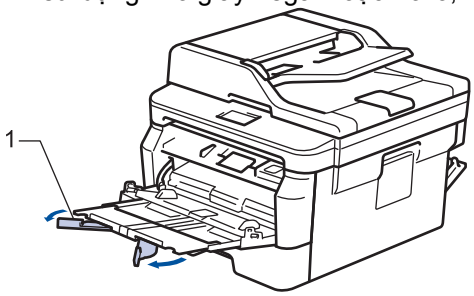


Khi sử dụng giây nhỏ hơn A6/A5 (Cạnh dài), bạn có thể bỏ qua bước tiếp theo.

3. Kéo bộ phận đỡ khay MP (1) ra.



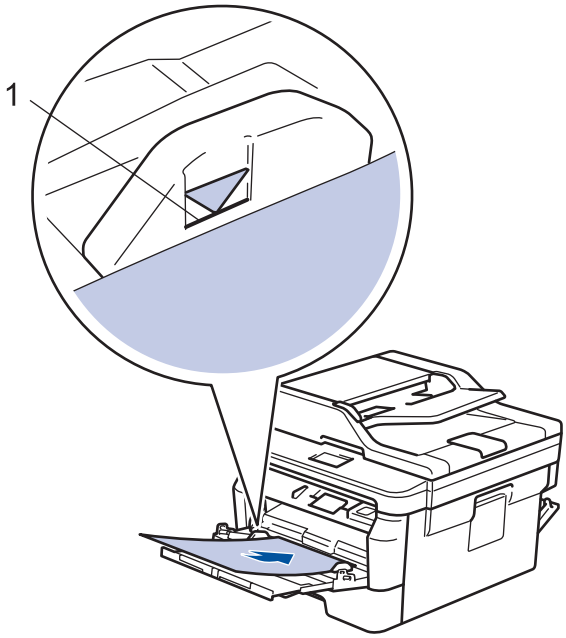
Khi sử dụng khổ giấy Legal hoặc Folio, hãy kéo phần đỡ giấy ra (1).



4. Trượt thanh dẫn giấy khay MP để khớp với độ rộng của giấy bạn đang dùng.



5. Nạp giấy vào khay giấy MP với bề mặt in *hướng lên*.



- Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (1).

6. Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.
7. Gửi lệnh in của bạn đến máy.
8. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.

Thông tin liên quan

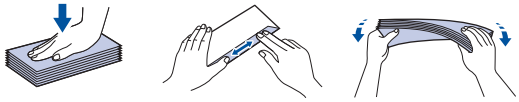
- Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP)

Nạp và In phong bì bằng Khay MP

Model: DocuPrint M285 z

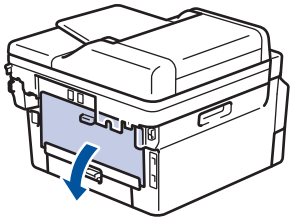
Bạn có thể nạp tối đa hai phong bì trong Khay MP.

Trước khi nạp giấy, hãy ấn các góc và cạnh của phong bì xuống để làm cho chúng phẳng nhất có thể.

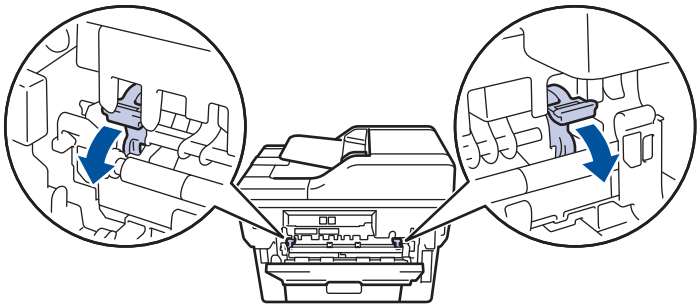


Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

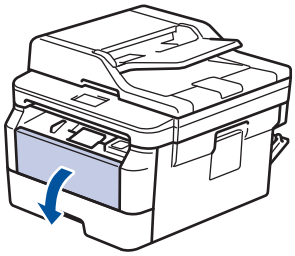
1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).



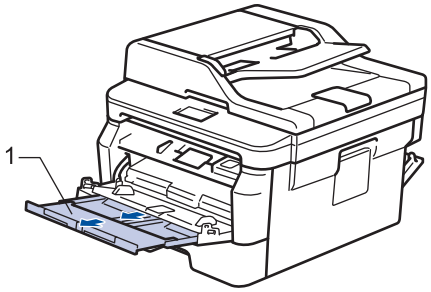
2. Kéo hai cần màu xanh lá cây xuống, một cần bên trái và một cần bên phải như trong hình minh họa.



3. Ở phía trước máy, hãy mở khay MP va hạ thấp nhẹ nhàng.



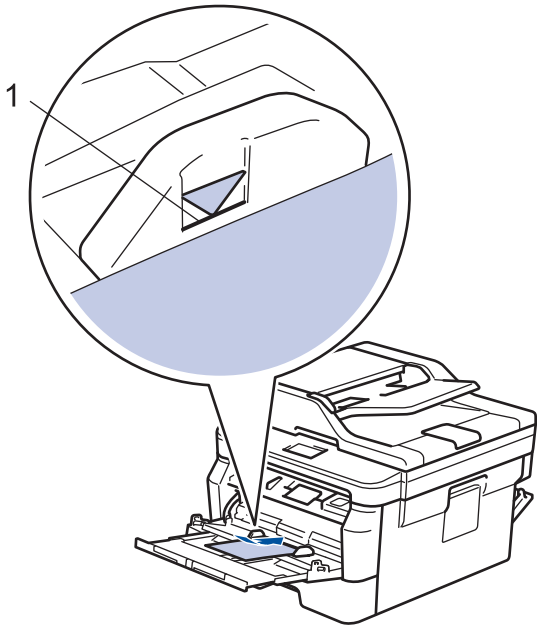
4. Kéo phần đỡ khay MP ra (1).



5. Trượt thanh dẫn giấy của khay MP cho vừa với độ rộng của phong bì mà bạn đang sử dụng.



6. Nạp giấy vào khay giấy MP với bề mặt in *hướng lên*.



- Nạp lên đến hai phong bì vào khay MP với bề mặt in ngửa lên. Đảm bảo rằng phong bì nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (1). Nạp nhiều hơn hai phong bì có thể gây kẹt giấy.

7. Thay đổi tùy chọn in của bạn trong hộp thoại In trước khi gửi công việc in từ máy tính của bạn.

Thiết đặt	Tùy chọn cho phong bì
Khổ giấy	**Com-10** **DL** **C5** **Monarch**
Loại vật liệu in	**Bao thư** **Bao thư Dày** **Bao thư Mỏng**

8. Gửi công việc in của bạn đến máy.
9. Khi bạn đã in xong, hãy đưa hai cần màu xanh lá mà bạn đã điều chỉnh ở bước trước đó về vị trí ban đầu.
10. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.

Thông tin liên quan

- Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP)

Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay

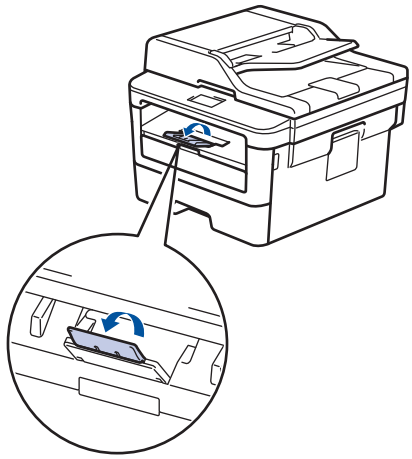
- Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay
- Nạp và in trên Giấy dày và Nhãn trong Khe nạp bằng tay
- Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay

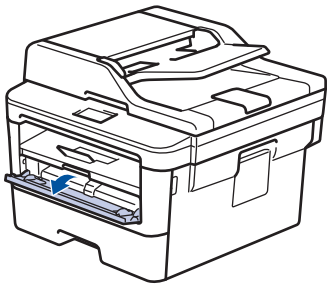
Model: DocuPrint M275 z

Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

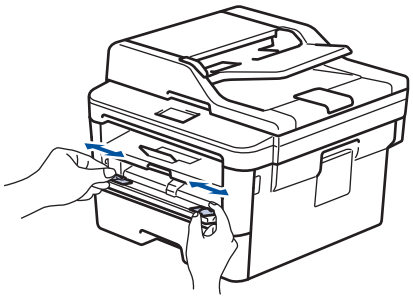
1. Nâng nắp lật đỡ lên để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra hướng xuống.



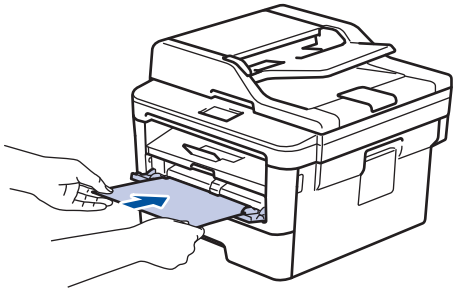
2. Mở nắp khe nạp bằng tay.



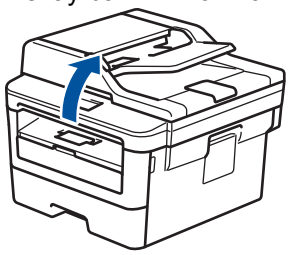
3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



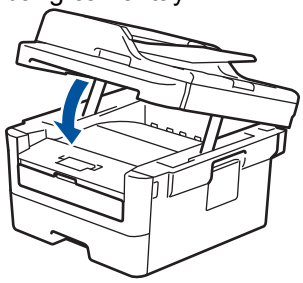
4. Dùng cả hai tay, nạp hoàn toàn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
- Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.
- Để lấy bản in nhỏ khỏi khay đầu ra, sử dụng cả hai tay nâng nắp máy quét lên.



- Bạn vẫn có thể sử dụng máy trong khi nắp máy quét mở lên. Để đóng nắp máy quét, kéo nắp xuống bằng cả hai tay.



5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.

Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi máy, hãy nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.

Thông tin liên quan

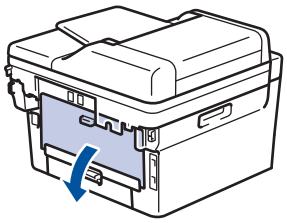
- Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay

Nạp và in trên Giấy dày và Nhãn trong Khe nạp bằng tay

Model: DocuPrint M275 z

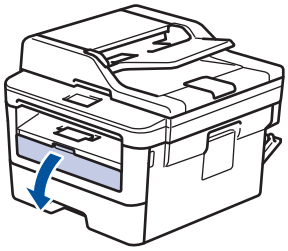
Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

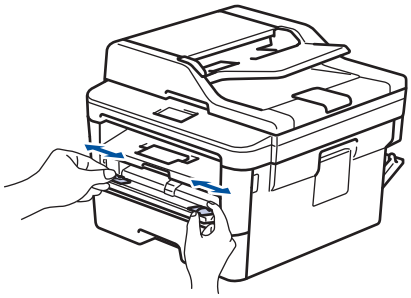


Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

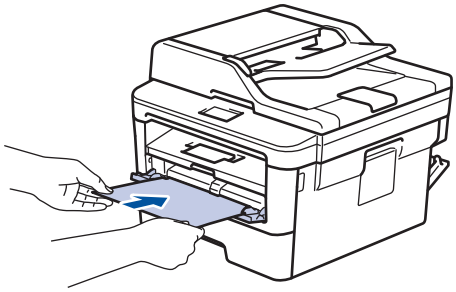
2. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.



3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



4. Dùng cả hai tay, nạp hoàn toàn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
- Kéo giấy ra hoàn toàn khi bạn phải nạp lại giấy vào khe nạp bằng tay.
- Không đặt nhiều hơn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
- Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.

Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi mặt sau của máy, nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.
7. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.

Thông tin liên quan

- Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay

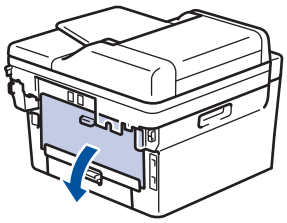
Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

Model: DocuPrint M275 z

Trước khi nạp giấy, hãy ấn các góc và cạnh của phong bì xuống để làm cho chúng phẳng nhất có thể.

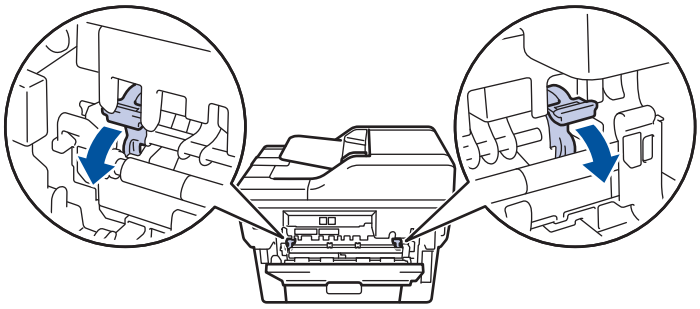
Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

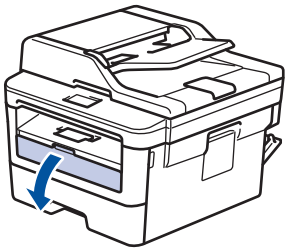


Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

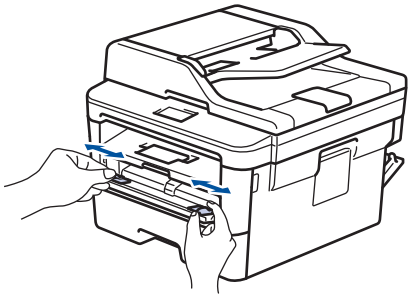
2. Kéo hai cần màu xanh lá cây xuống, một cần bên trái và một cần bên phải như trong hình minh họa.



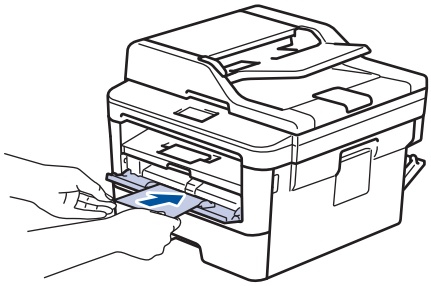
3. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.



4. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



5. Dùng cả hai tay, đưa một phong bì vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- Nạp phong bì vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
- Kéo phong bì ra hoàn toàn khi bạn nạp lại phong bì vào khe nạp bằng tay.
- Không đặt nhiều hơn một phong bì vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
- Đảm bảo rằng phong bì nằm thẳng và đúng vị trí trên khe nạp bằng tay. Nếu không, phong bì có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

6. Gửi công việc in của bạn đến máy.

Thay đổi tùy chọn in của bạn trong hộp thoại In trước khi gửi công việc in từ máy tính của bạn.

Thiết đặt	Tùy chọn cho phong bì
Khổ giấy	**Com-10** **DL** **C5** **Monarch**
Loại vật liệu in	**Bao thư** **Bao thư Dày** **Bao thư Mỏng**

7. Sau khi phong bì đã in xuất ra khỏi máy, hãy đặt phong bì kế tiếp vào. Lặp lại với mỗi phong bì mà bạn muốn in.
8. Khi bạn đã in xong, hãy đưa hai cần màu xanh lá mà bạn đã điều chỉnh ở bước trước đó về vị trí ban đầu.
9. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.

Thông tin liên quan

- Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay

Thiết đặt giấy

- Thay đổi khổ giấy và loại giấy
- Chọn khay giấy được sử dụng để in.
- Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy

Thay đổi khổ giấy và loại giấy

Khi bạn thay đổi khổ giấy và loại giấy mà bạn nạp vào khay, bạn đồng thời phải thay đổi thiết đặt khổ giấy và loại giấy trên màn hình LCD.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [Tray Setting (Thiết đặt khay)] > [Paper Type (Loại giấy)].

(Dành cho các model có Khay MP) Chọn tùy chọn khay giấy mà bạn muốn.

2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Thin (Mỏng)], [Plain Paper (Giấy trơn)], [Thick (Dày)], [Thicker (Dày hơn)] hoặc [Recycled Paper (Giấy tái chế)], rồi bấm vào tùy chọn mà bạn muốn.

Loại giấy có thể thay đổi tùy theo model của bạn.

3. Bấm [Paper Size (Khổ giấy)].
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [A4], [Letter], [A5], [A5 L], [A6], [Executive], [Legal], hoặc tuỳ chọn [Folio (Khổ hai)] rồi bấm vào tùy chọn mà bạn muốn.

Khổ giấy có thể thay đổi tùy theo model của bạn.

5. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt giấy

Chọn khay giấy được sử dụng để in.

Model: DocuPrint M285 z

Thay đổi khay giấy mặc định mà máy sẽ sử dụng để in bản sao, nhận fax và các lệnh in từ máy tính của bạn.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [Tray Setting (Thiết đặt khay)].
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tray Use (Sử dụng Khay): Copy (Sao chép)], [Tray Use (Sử dụng Khay): Fax], hoặc [Tray Use (Sử dụng Khay): Print (In)], rồi bấm vào tùy chọn mà bạn muốn.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn mà bạn muốn, rồi bấm vào đó. Ví dụ: khi bạn chọn tùy chọn [MP>T1], máy sẽ kéo giấy từ khay MP cho đến khi nó trống, và sau đó từ Khay 1.
4. Bấm .

- Khi bạn tạo bản sao bằng ADF và đặt ưu tiên cho nhiều khay, máy sẽ tìm kiếm khay giấy chứa loại giấy phù hợp nhất và kéo giấy ra khỏi khay giấy.
- Khi bạn tạo bản sao bằng kính máy quét, tài liệu của bạn sẽ được sao chép từ khay giấy có độ ưu tiên cao hơn ngay cả khi loại giấy phù hợp hơn nằm trong khay giấy khác.
- (DocuPrint M285 z) Hãy sử dụng các loại giấy sau để in bản fax: Letter, A4, Legal, Folio. Các kích cỡ giấy áp dụng có thể khác nhau tùy theo quốc gia của bạn. Khi không có kích cỡ giấy phù hợp trong tất cả các khay, máy sẽ lưu lại các bản fax nhận được và [Size mismatch (Kích thước không trùng khớp)] sẽ xuất hiện trên màn hình cảm ứng.
- (DocuPrint M285 z) Nếu khay giấy đã hết giấy và các bản fax nhận được nằm trong bộ nhớ của máy, [No Paper (Không có giấy)] sẽ xuất hiện trên màn hình cảm ứng. Nạp giấy vào khay giấy trống.

Thông tin liên quan

- Thiết đặt giấy

Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy

Khi bạn bật thiết đặt Kiểm tra Khổ giấy của máy, máy sẽ hiển thị một thông báo khi bạn lấy khay giấy ra hoặc nạp giấy bằng khay MP để hỏi xem bạn có thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không.

Thiết đặt mặc định là Bật.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [Tray Setting (Thiết đặt khay)] > [Check Size (Kiểm tra cỡ)].
2. Bấm [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)].
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt giấy

Nạp tài liệu

Bạn có thể gửi fax, tạo bản sao và quét từ Bộ nạp tài liệu tự động (ADF) và từ kính máy quét.

- Nạp tài liệu vào Bộ nạp tài liệu tự động (ADF)
- Nạp tài liệu trên kính máy quét

Nạp tài liệu vào Bộ nạp tài liệu tự động (ADF)

Sử dụng ADF khi sao chép hoặc quét tài liệu nhiều trang, có khổ chuẩn.

- ADF có thể chứa tối đa 50 trang và nạp từng tờ.
- Sử dụng giấy chuẩn 80 g/m^2.
- Đảm bảo tài liệu có dung dịch xóa hoặc được viết bằng mực đều khô hoàn toàn.

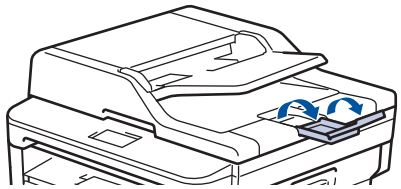
QUAN TRỌNG

- KHÔNG đặt tài liệu dày trên kính máy quét. Nếu làm vậy, ADF có thể bị kẹt.
- KHÔNG sử dụng giấy bị quăn, nhăn, xếp gấp, đứt rách, dập ghim, gắn kẹp giấy, dán dính bằng keo hoặc băng dán.
- KHÔNG sử dụng bìa cứng, giấy báo hoặc vải.
- Để tránh làm hỏng máy của bạn trong khi sử dụng ADF, KHÔNG kéo tài liệu trong khi tài liệu đang nạp.

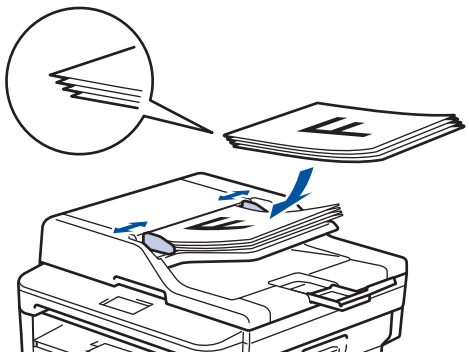
Khổ tài liệu được hỗ trợ

Chiều dài:	147.3 đến 355.6 mm
Chiều rộng:	105 đến 215,9 mm
Trọng lượng:	60 đến 105 g/m^2

1. Lật nắp lật đỡ đầu ra tài liệu ADF.



2. Tãi đều giấy.
3. Xếp các trang tài liệu của bạn theo kiểu chữ chi và nạp tài liệu *ngửa lên* và *cạnh trên cùng vào trước* vào bộ nạp ADF như trong hình minh họa.



4. Điều chỉnh thanh dẫn hướng giấy để vừa với chiều rộng của tài liệu.

Thông tin liên quan

- Nạp tài liệu

Nạp tài liệu trên kính máy quét

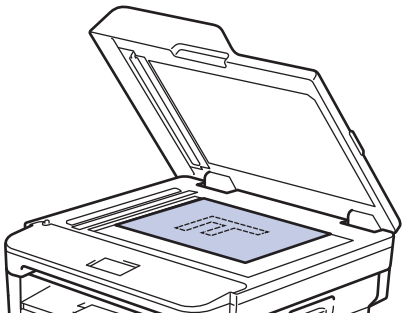
Sử dụng kính máy quét để gửi fax, sao chép hoặc quét lần lượt từng trang.

Khổ tài liệu được hỗ trợ

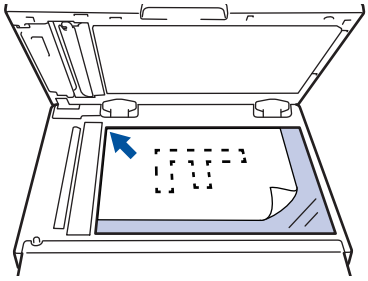
Chiều dài:	Lên đến 300 mm
Chiều rộng:	Tối đa 215,9 mm
Trọng lượng:	Lên đến 2 kg

Để sử dụng kính máy quét, ADF phải để không.

1. Nâng nắp tài liệu lên.
2. Đặt tài liệu *úp xuống* trên kính máy quét.



3. Đặt góc của trang ở góc trái trên của kính máy quét.



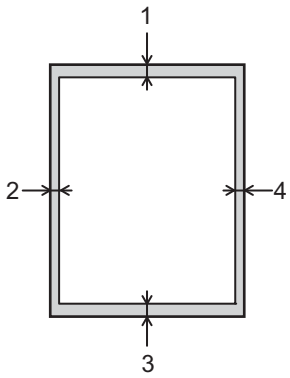
4. Đóng nắp tài liệu.
   Nếu tài liệu là quyển sách hoặc tài liệu dày, ấn nhẹ lên nắp tài liệu.

Thông tin liên quan

- Nạp tài liệu

Vùng không thể quét và vùng không thể in

Các giá trị đo trong bảng bên dưới cho thấy số vùng không thể in và không thể quét tối đa từ các cạnh của khổ giấy thường dùng nhất. Các kích thước này có thể khác nhau tùy thuộc vào khổ giấy hoặc thiết đặt trong ứng dụng bạn đang sử dụng.



Không cố quét, sao chép hoặc in vào các vùng này; bản in ra sẽ không hiển thị gì ở vùng này.

Sử dụng	Khổ tài liệu	Trên cùng (1) Dưới cùng (3)	Trái (2) Phải (4)
Fax (gửi)	Letter, Legal	3 mm	4 mm
	A4	3 mm	(ADF) 1 mm (Kính máy quét) 3 mm
Sao chép [1]	Letter, Legal	3 mm	4 mm
	A4	3 mm	3 mm
Quét	Letter	3 mm	3 mm
	A4	3 mm	3 mm
	Legal	3 mm	3 mm
In	Letter, Legal	4,2 mm	4,2 mm
	A4	4,2 mm	4,2 mm

Thông tin liên quan

- Xử lý giấy

[1] a 1 trong 1 bản sao và bản sao có cùng kích thước tài liệu (100%)

Sử dụng giấy đặc biệt

Luôn kiểm tra mẫu giấy trước khi mua để đảm bảo hiệu quả mong muốn.

⚠ CẢNH BÁO

- Không sử dụng giấy dẫn điện như giấy origami, giấy cacbonic hoặc giấy phủ dẫn điện. Khi xảy ra kẹt giấy, nó có thể gây chập mạch và thậm chí gây hỏa hoạn.

- KHÔNG sử dụng giấy in phun; giấy này có thể gây kẹt giấy hoặc làm hỏng máy của bạn.
- Nếu bạn sử dụng giấy bông, giấy có bề mặt thô nhám hoặc giấy nhăn hoặc nhàu, giấy này có thể làm giảm hiệu suất in.

Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu và đóng kín. Giữ giấy phẳng và tránh xa độ ẩm, ánh nắng mặt trời trực tiếp và nguồn nhiệt.

QUAN TRỌNG

Một số loại giấy có thể không hoạt động tốt hoặc có thể làm hỏng máy của bạn.

KHÔNG dùng giấy:

- có họa tiết dày đặc
- rất trơn hoặc bóng
- quăn hoặc cong
- được bao phủ hoặc có lớp phủ hóa học
- bị hỏng, nhàu hoặc bị gập
- vượt quá thông số kỹ thuật về trọng lượng được khuyến nghị trong hướng dẫn này
- có móc và ghim
- có tiêu đề ghi bằng phương pháp nhuộm nhiệt độ thấp hoặc in nhiệt
- có nhiều lớp hoặc không lót giấy than
- được thiết kế để in phun

Nếu bạn sử dụng bất kỳ loại giấy nào được liệt kê phía trên thì giấy đó có thể làm hỏng máy. Hỏng hóc này không nằm trong phạm vi của bất kỳ thỏa thuận bảo hành hoặc dịch vụ nào của Fuji Xerox.

Thông tin liên quan

- Xử lý giấy

Xử lý sự cố

Sử dụng phần này để giải quyết các vấn đề điển hình mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy Fuji Xerox. Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các vấn đề.

QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải gọi tới bộ phận dịch vụ khách hàng của Fuji Xerox hoặc đại lý bán hàng của Fuji Xerox tại địa phương.

Sử dụng vật tư không phải của Fuji Xerox có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy.

Trước hết, hãy kiểm tra những điều sau đây:

- Dây nguồn của máy được kết nối đúng và nguồn máy đang bật. ➤➤ *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Tất cả các vật liệu bảo vệ đã được tháo. ➤➤ *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Giấy được nạp đúng vào khay giấy.
- Cáp giao diện được kết nối chắc chắn với máy và máy tính hoặc kết nối không dây được cài đặt trên cả máy và máy tính của bạn.
- Thông báo lỗi và bảo trì

Nếu bạn không giải quyết được vấn đề bằng các lần kiểm tra, hãy xác định vấn đề rồi ➤➤ *Thông tin liên quan*

Thông tin liên quan

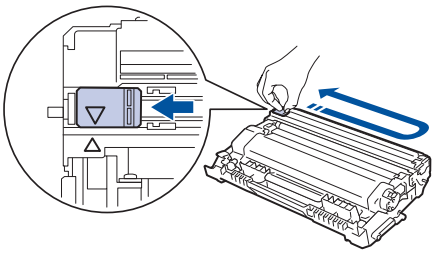
- Thông báo lỗi và bảo trì
- Kẹt tài liệu
- Kẹt giấy
- Vấn đề khi in
- Cải thiện chất lượng in
- Vấn đề về điện thoại và fax
- Vấn đề về mạng
- Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google
- Các vấn đề về AirPrint
- Các vấn đề khác
- Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn
- Thông tin về máy

Thông báo lỗi và bảo trì

Như với bất kỳ sản phẩm văn phòng phức tạp nào, lỗi có thể xảy và vật tư có thể phải thay thế. Nếu điều này xảy ra, máy của bạn sẽ xác định lỗi hoặc bảo trì thường lệ bắt buộc và hiển thị thông báo thích hợp. Các thông báo lỗi và bảo trì thường gặp nhất được trình bày trong bảng sau.

Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các lỗi và thực hiện bảo trì thường lệ.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
2-sided Disable (Vô hiệu 2 mặt)	Nắp lưng của máy không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp lưng của máy cho đến khi nắp khớp vào vị trí đóng.
	Khay in 2 mặt không được lắp vào hoàn toàn.	Lắp đặt chắc chắn khay in 2 mặt vào máy.
Access Denied (Truy cập bị từ chối)	Chức năng bạn muốn sử dụng bị hạn chế bởi Secure Function Lock 3.0.	Gọi cho người quản trị của bạn để kiểm tra Thiết đặt Secure Function Lock của bạn.
Cartridge Error (Lỗi hộp mực) Put the Toner Cartridge back in. (Lắp lại Hộp mực.)	Hộp mực không được lắp đúng.	Kéo cụm bộ trống mực và hộp mực ra, lấy hộp mực ra, rồi lắp lại vào bộ trống mực. Đặt lại cụm bộ trống mực và hộp mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của Fuji Xerox hoặc đại lý bán hàng của Fuji Xerox tại địa phương.
Comm.Error (Lỗi liên lạc)	Chất lượng đường dây điện thoại không tốt do lỗi liên lạc.	Gửi fax lại hoặc kết nối máy với đường dây điện thoại khác. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ công ty điện thoại và yêu cầu họ kiểm tra đường dây điện thoại của bạn.
Cooling Down (Làm nguội)	Nhiệt độ bên trong máy quá nóng. Máy sẽ tạm dừng công việc in hiện tại của máy và đi vào chế độ làm nguội. Trong khi ở chế độ làm nguội, bạn sẽ nghe tiếng quạt làm nguội đang chạy trong khi màn hình LCD hiển thị Cooling Down (Làm nguội).	Hãy chờ cho đến khi máy đã hoàn thành làm nguội. Đảm bảo tất cả các cửa thông gió trên máy không có vật cản. Khi máy đã nguội, máy sẽ khôi phục lại công tác in. Nếu quạt không quay, ngắt kết nối máy khỏi nguồn điện trong vài phút, rồi kết nối lại.
Cover is Open. (Nắp đang Mở.)	Nắp phía trước không được đóng hoàn toàn.	Mở, rồi đóng chặt nắp phía trước của máy.
	Nắp bộ sấy mực không được đóng hoàn toàn hoặc giấy bị kẹt ở phía sau máy khi bạn bật nguồn.	Đóng nắp bộ sấy mực bên trong nắp lưng của máy.
	Nắp ADF không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp ADF. Nếu vẫn còn thông báo lỗi, bấm .
Disconnected (Đã ngắt kết nối)	Người hoặc máy fax đầu dây bên kia dừng cuộc gọi.	Thử gửi hoặc nhận lại. Nếu cuộc gọi bị dừng nhiều lần và bạn đang sử dụng hệ thống VoIP (Truyền giọng nói trên giao thức IP), thử thay đổi Tương thích sang Cơ bản (đối với VoIP).
Document Jam (Kẹt tài liệu)	Tài liệu không được đưa vào hoặc nạp đúng cách hoặc tài liệu đã quét từ ADF quá dài.	Loại bỏ giấy bị kẹt khỏi bộ ADF. Lấy mọi mảnh nhỏ hoặc mảnh giấy vụn ra khỏi đường dẫn giấy của bộ ADF.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
		Bấm .
Drum ! (Trống !)	Dây corona trên bộ trống mực phải được vệ sinh.	Làm sạch dây corona trên bộ trống mực. 
	Bộ trống mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Lắp hộp mực vào bộ trống mực. Sau đó lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.
Drum End Soon (Trống sắp hỏng)	Bộ trống mực gần hết tuổi thọ.	Đặt mua bộ trống mực mới trước khi bạn nhận được thông báo Replace Drum (Thay trống).
Jam 2-sided (Kẹt 2 mặt)	Giấy bị kẹt trong khay giấy 2 mặt.	Kéo khay giấy và khay in 2 mặt ra hẳn, mở nắp lưng, rồi lấy toàn bộ giấy bị kẹt ra. Đóng nắp lưng và lắp chắc chắn khay giấy và khay 2 mặt trở lại máy.
Jam Inside (Kẹt giấy trong máy)	Giấy bị kẹt bên trong máy.	Mở nắp phía trước và tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Kéo giấy bị kẹt ra. Đóng nắp phía trước.
Jam Rear (Kẹt phía sau máy)	Giấy bị kẹt trong bộ phận phía sau của máy.	Mở nắp bộ sấy mực và lấy giấy bị kẹt ra. Đóng nắp bộ sấy mực. Nếu vẫn còn thông báo lỗi, bấm Retry (Thử lại).
Jam Tray (Kẹt giấy trong khay)	Giấy bị kẹt trong khay giấy được chỉ báo.	Kéo hẳn khay giấy ra và loại bỏ toàn bộ giấy kẹt. Lắp chắc chắn khay giấy trở lại vào máy.
Limit Exceeded (Vượt quá giới hạn)	Đã đạt đến giới hạn in được thiết đặt trong Secure Function Lock 3.0.	Gọi cho người quản trị của bạn để kiểm tra Thiết đặt Secure Function Lock của bạn.
Manual Feed (Nạp bằng tay)	**Bằng tay** được chọn làm nguồn giấy trong trình điều khiển máy in, nhưng không có giấy trong khe nạp bằng tay.	Đưa giấy vào khe nạp bằng tay.
No Paper (Không có giấy)	Máy hết giấy hoặc giấy không được nạp đúng vào khay giấy.	• Nạp lại giấy lại vào khay giấy. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy. • Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy. • Không nạp quá nhiều giấy vào khay.
No Response/Busy (Không có phản hồi/Bận)	Số bạn đã quay không trả lời hoặc bận.	Xác nhận số và thử lại.
No Toner (Không có hộp mực)	Hộp mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay hộp mực mới vào.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Out of Memory (Hết bộ nhớ)	Bộ nhớ của máy đầy.	**Nếu thao tác gửi fax hoặc sao chép đang được xử lý** Thực hiện một trong các thao tác sau: • Bấm hoặc Quit (Thoát), và chờ đến khi các thao tác đang thực hiện khác hoàn tất, rồi thử lại. • Bấm Send Now (Gửi ngay) để gửi các trang đã quét đến thời điểm hiện tại. • Xóa dữ liệu trong bộ nhớ. Để tăng dung lượng bộ nhớ, bạn có thể tắt Nhận vào bộ nhớ. • In fax trong bộ nhớ. **Nếu thao tác in đang được xử lý** Thực hiện một trong các thao tác sau: • Giảm Độ phân giải. • Xóa các bản fax khỏi bộ nhớ.
Print Data Full (In toàn bộ dữ liệu)	Bộ nhớ của máy đầy.	Bấm và xóa dữ liệu in bảo mật được lưu trữ trước đó.
Print Unable (Không thể in) XX	Máy có vấn đề về cơ khí.	• Bấm và giữ để tắt máy, chờ vài phút, rồi bật lại máy. • Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên lạc Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của Fuji Xerox.
Replace Drum (Thay trống)	Đã đến lúc thay bộ trống mực.	Thay bộ trống mực.
	Bộ đếm của bộ trống mực đã không được đặt lại khi trống mực mới được lắp.	Đặt lại bộ đếm của bộ trống mực.
Replace Toner (Thay hộp mực)	Hộp mực hết tuổi thọ. Máy dừng tất cả các thao tác in. Khi bộ nhớ còn dung lượng thì fax được lưu trữ trong bộ nhớ.	Thay hộp mực mới vào.
Scan Unable (Không thể quét)	Tài liệu quá dài để quét 2 mặt.	Bấm . Sử dụng giấy có khổ phù hợp để quét 2 mặt.
Scan Unable (Không thể quét) XX	Máy có vấn đề về cơ khí.	• Bấm và giữ để tắt máy, rồi bật lại máy. • Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên lạc Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của Fuji Xerox.
Self-Diagnostic (Tự chẩn đoán)	Nhiệt độ của bộ sấy mực không tăng đến nhiệt độ đã quy định trong thời gian quy định.	Bấm và giữ để tắt máy, chờ vài giây, rồi bật lại máy. Vẫn để nguồn bật, để máy ở chế độ nghỉ trong 15 phút.
	Bộ sấy mực quá nóng.	
Size Error 2-sided (Lỗi kích thước in 2 mặt)	Khổ giấy được chỉ định trong trình điều khiển máy in và cài đặt khổ giấy của máy không sử dụng được với in 2 mặt tự động.	Bấm . Chọn khổ giấy được hỗ trợ cho in 2 mặt. Khổ giấy sử dụng được với in 2 mặt tự động là A4.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
	Khổ giấy trong khay không đúng và không sử dụng được với in 2 mặt tự động.	Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khay phù hợp với khổ giấy đó. Khổ giấy sử dụng được với in 2 mặt tự động là A4.
`Size mismatch (Kích thước không trùng khớp)`	Khổ giấy trong khay không đúng.	Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khổ giấy đó phù hợp với khay.
`Toner Ended (Hộp mực đã hết tuổi thọ)`	Hộp mực hết tuổi thọ.	Thay hộp mực mới vào.
`Toner Low (Hộp mực gần hết tuổi thọ)`	Nếu màn hình LCD hiển thị thông báo này, bạn vẫn có thể in. Hộp mực gần hết tuổi thọ.	Đặt hàng hộp mực mới ngay để hộp mực thay thế sẽ sẵn có khi màn hình LCD hiển thị `Replace Toner (Thay hộp mực).`
`Touchscreen Initialisation Failed (Không khởi tạo màn hình cảm ứng)`	Màn hình cảm ứng đã được bấm trước khi quá trình khởi tạo bật nguồn hoàn tất.	Đảm bảo không có thứ gì đang chạm vào hoặc nằm trên Màn hình cảm ứng.
	Có thể có mảnh nhỏ nằm kẹt giữa phần dưới Màn hình cảm ứng và khung màn hình.	Chèn một mảnh giấy cứng giữa phần dưới màn hình cảm ứng và khung màn hình, rồi kéo trượt mảnh giấy qua lại để lấy các mảnh nhỏ ra.

Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố

Kẹt tài liệu

- Tài liệu bị kẹt ở đầu bộ ADF
- Tài liệu bị kẹt dưới nắp tài liệu
- Lấy các mảnh giấy nhỏ bị kẹt ra khỏi ADF

Tài liệu bị kẹt ở đầu bộ ADF

1. Lấy hết giấy không bị kẹt ra khỏi ADF.
2. Mở nắp ADF.
3. Kéo về phía bên trái để lấy tài liệu bị kẹt ra. Nếu tài liệu bị đứt hoặc rách, đảm bảo loại bỏ hoàn toàn các mảnh nhỏ hoặc mảnh giấy vụn để tránh kẹt giấy xảy ra lại.



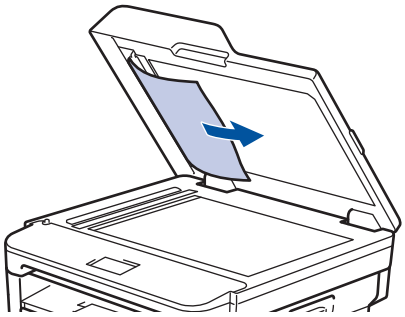
4. Đóng nắp ADF.
5. Bấm .

Thông tin liên quan

- Kẹt tài liệu

Tài liệu bị kẹt dưới nắp tài liệu

1. Lấy hết giấy không bị kẹt ra khỏi ADF.
2. Nâng nắp tài liệu lên.
3. Kéo về phía bên phải để lấy tài liệu bị kẹt ra. Nếu tài liệu bị đứt hoặc rách, đảm bảo loại bỏ hoàn toàn các mảnh nhỏ hoặc mảnh giấy vụn để tránh kẹt giấy xảy ra lại.



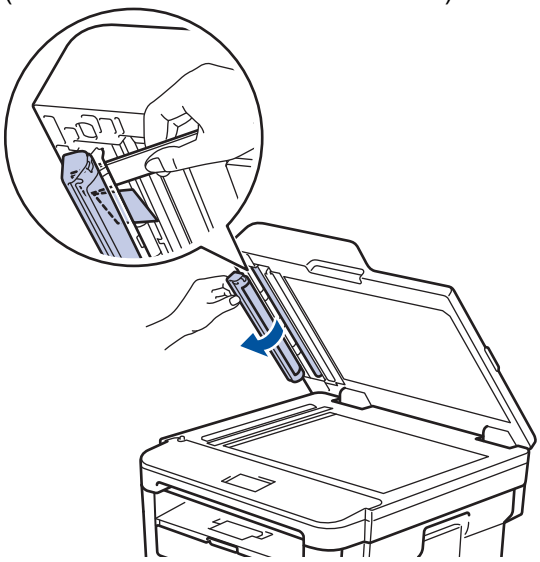
4. Đóng nắp tài liệu.
5. Bấm .

Thông tin liên quan

- Kẹt tài liệu

Lấy các mảnh giấy nhỏ bị kẹt ra khỏi ADF

1. Nâng nắp tài liệu lên.
2. Chèn một mảnh giấy cứng, chẳng hạn như mảnh bìa vào ADF để lấy các mảnh giấy nhỏ ra.
   (DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)



3. Đóng nắp tài liệu.
4. Bấm .

Thông tin liên quan

- Kẹt tài liệu

Kẹt giấy

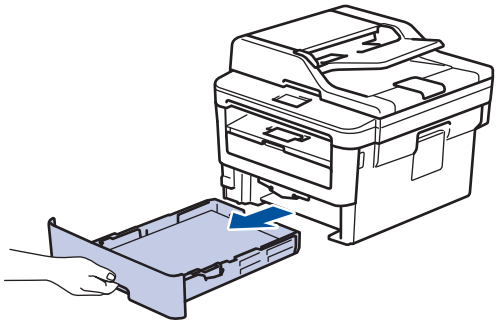
Luôn lấy giấy còn lại khỏi khay giấy và làm thẳng chồng giấy khi bạn thêm giấy mới. Điều này giúp ngăn việc nạp nhiều tờ giấy qua máy cùng một lúc và ngăn kẹt giấy.

- Giấy bị kẹt trong khay giấy
- Giấy bị kẹt trong khay MP
- Giấy bị kẹt ở khay giấy đầu ra
- Giấy bị kẹt ở phía sau máy
- Giấy bị kẹt bên trong máy
- Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

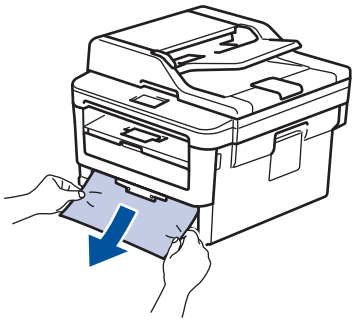
Giấy bị kẹt trong khay giấy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay giấy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.

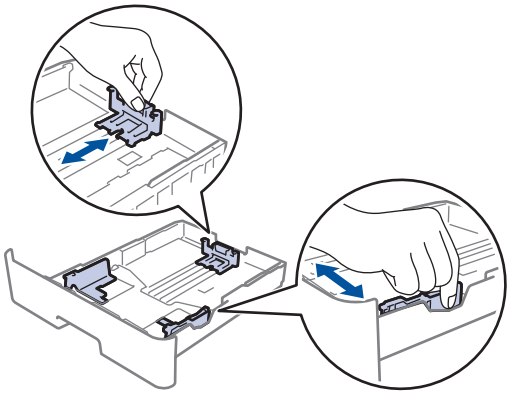


2. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.

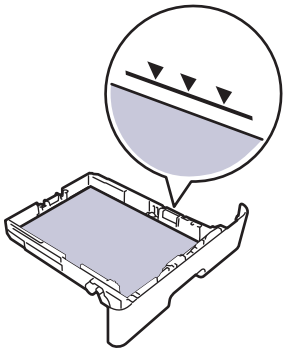


Kéo giấy bị kẹt xuống bằng cả hai tay cho phép bạn lấy giấy ra dễ dàng hơn.

3. Tãi đều chồng giấy để tránh kẹt giấy về sau và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với khổ giấy.



4. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).



5. Lắp chắc chắn khay giấy trở lại vào máy.

Thông tin liên quan

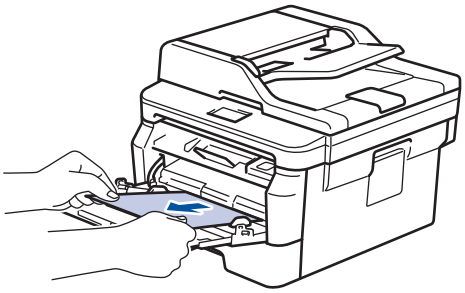
- Kẹt giấy

Giấy bị kẹt trong khay MP

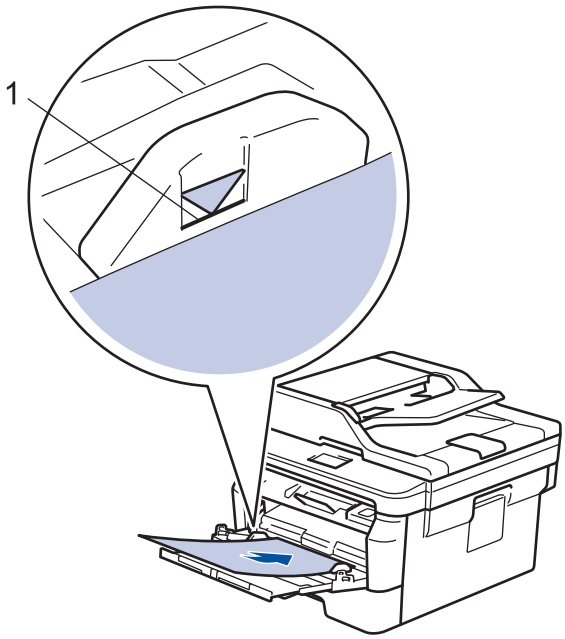
Model: DocuPrint M285 z

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay MP, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Lấy giấy ra khỏi khay MP.
2. Lấy toàn bộ giấy kẹt bên trong hoặc xung quanh khay MP.



3. Quạt ngăn xếp giấy và đặt trở lại vào khay MP.
4. Nạp lại giấy trong khay MP và đảm bảo giấy nằm dưới chiều cao tối đa của thanh dẫn giấy (1) ở cả hai mặt của khay.



5. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình LCD của máy.

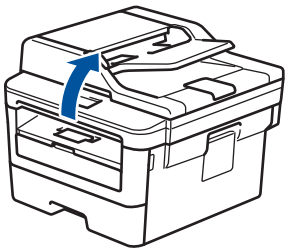
Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

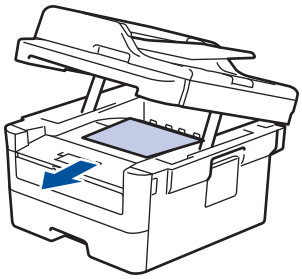
Giấy bị kẹt ở khay giấy đầu ra

Khi giấy bị kẹt trong khay giấy đầu ra, hãy thực hiện các bước sau:

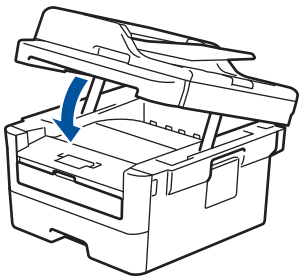
1. Sử dụng cả hai tay để mở máy quét.



2. Lấy giấy ra.



3. Đẩy máy quét xuống bằng cả hai tay để đóng máy lại.



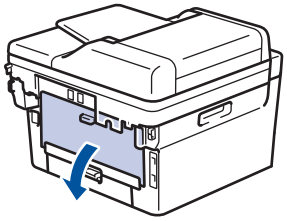
Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

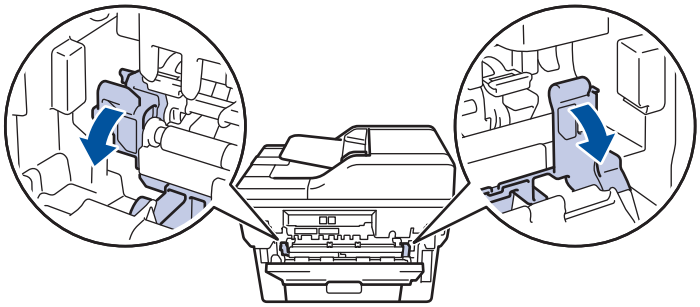
Giấy bị kẹt ở phía sau máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt ở phía sau máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp lưng.



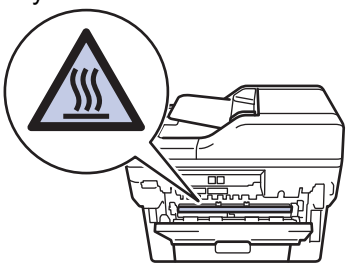
3. Kéo các móc màu xanh bên trái và phải về phía bạn để nhả nắp bộ sấy mực.



⚠ CẢNH BÁO

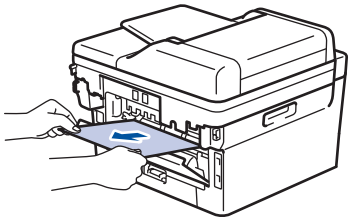
BỀ MẶT NÓNG

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.

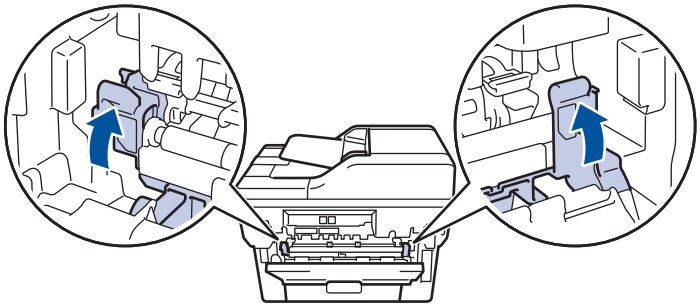


Nếu các cần phong bì màu xanh lá cây bên trong phần vỏ mặt lưng được kéo xuống vị trí phong bì, hãy nâng các cần này lên vị trí ban đầu trước khi kéo các vấu màu xanh lá cây xuống.

4. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi bộ sấy mực.



5. Đóng nắp bộ sấy mực.



Nếu bạn in trên phong bì, hãy kéo các cần phong bì màu xanh lá cây xuống vị trí phong bì lại lần nữa trước khi đóng vỏ mặt sau.

6. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.

Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

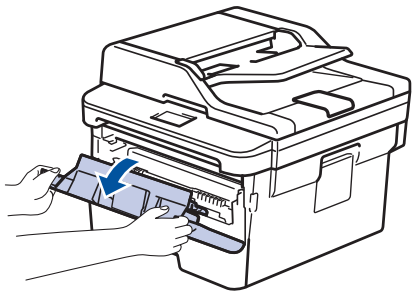
Giấy bị kẹt bên trong máy

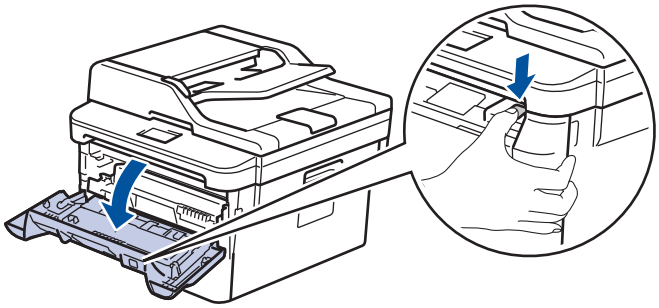
Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt bên trong máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

⚠ THẬN TRỌNG

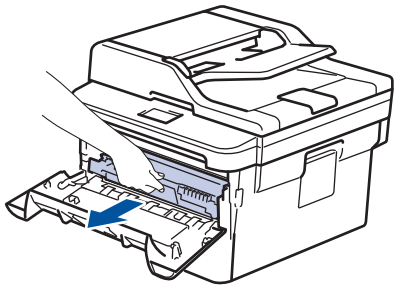
Không cố loại bỏ giấy kẹt sau bên trong sản phẩm, đặc biệt khi giấy cuộn quanh trục lăn nhiệt. Nếu không, nó có thể gây thương tích hoặc bỏng và thậm trí nghiêm trọng hơn, có thể phát ra khói nếu bạn tiếp vận hành sản phẩm khi có giấy kẹt. Nhanh chóng tắt sản phẩm và liên hệ đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn để biết thêm thông tin.

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp phía trước.





3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực.



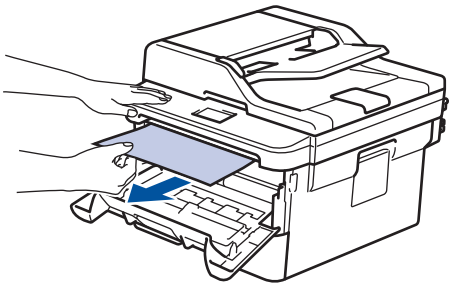
⚠ CẢNH BÁO

BỀ MẶT NÓNG

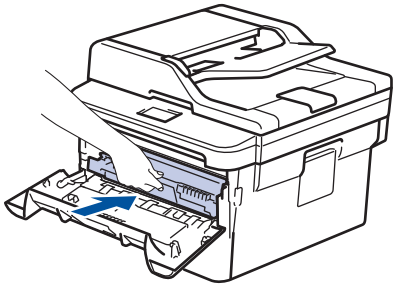
Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



4. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.



5. Lắp đặt hộp mực và cụm bộ trống mực vào máy.



6. Đóng nắp phía trước.

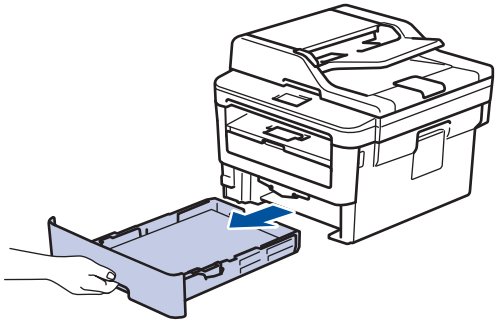
Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

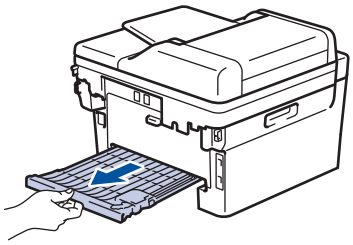
Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy thực hiện theo các bước sau:

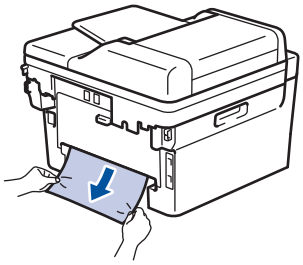
1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.

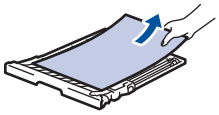


3. Ở phía sau máy, kéo hẳn khay in 2 mặt ra khỏi máy.

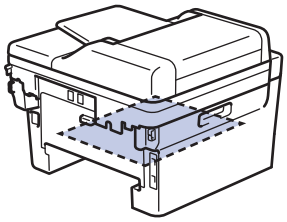


4. Két giấy bị kẹt ra khỏi máy hoặc ra khỏi khay in 2 mặt.

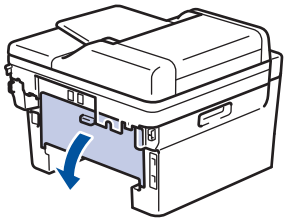




5. Lấy giấy có thể đã kẹt dưới máy do tĩnh điện.



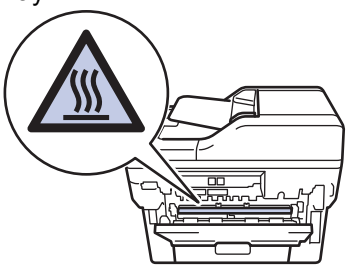
6. Nếu giấy không bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy mở nắp lưng.



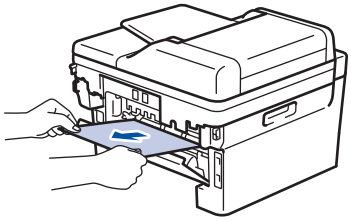
⚠ CẢNH BÁO

BỀ MẶT NÓNG

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



7. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi phần phía sau của máy.



8. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.
9. Lắp chắc chắn khay 2 mặt vào phía sau của máy.
10. Lắp chắc chắn khay giấy vào phía trước của máy.

Thông tin liên quan

- Kẹt giấy

Vấn đề khi in

Khó khăn	Gợi ý
Không có bản in	Đảm bảo rằng máy không ở chế độ Tắt nguồn. Nếu máy ở chế độ Tắt nguồn, bấm trên bảng điều khiển, rồi gửi lại dữ liệu in.
	Kiểm tra xem đã cài đặt và chọn đúng trình điều khiển máy in chưa.
	Kiểm tra xem Status Monitor hoặc bảng điều khiển của máy có hiển thị trạng thái lỗi hay không.
	Kiểm tra máy có đang trực tuyến không: • Windows® 7 và Windows Server® 2008 R2 Nhấp vào **(Bắt đầu) >Thiết bị và Máy in** . Bấm chuột phải vào **FX DocuPrint XXXXX** và bấm **Xem đang in gì**. Nhấp vào **Máy in** trong thanh menu. Đảm bảo **Sử dụng Máy in Gián tuyến** không được chọn. • Windows Server® 2008 Nhấp vào **(Start) ((Bắt đầu)) >Control Panel (Bảng điều khiển) > Hardware and Sound (Phần cứng và âm thanh) > Printers (Máy in)**. Bấm chuột phải vào **FX DocuPrint XXXXX**. Đảm bảo rằng **Use Printer Online (Sử dụng máy in trực tuyến)** không được liệt kê. Nếu có liệt kê, bấm vào tùy chọn này để thiết đặt trình điều khiển thành Trực tuyến. • Windows® 8 và Windows Server® 2012 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, bấm **Thiết lập** > **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng và Âm thanh**, bấm **Xem thiết bị và máy in**. Bấm chuột phải vào **FX DocuPrint XXXXX**. Bấm **Xem đang in gì**. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Bấm **Máy in** trong thanh menu và đảm bảo không chọn **Sử dụng Máy in Gián tuyến**. • Windows® 10 và Windows Server® 2016 Nhấp vào > **Hệ thống Windows** > **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng và Âm thanh**, bấm **Xem thiết bị và máy in**. Bấm chuột phải vào **FX DocuPrint XXXXX**. Bấm **Xem đang in gì**. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Bấm **Máy in** trong thanh menu và đảm bảo không chọn **Sử dụng Máy in Gián tuyến**. • Windows Server® 2012 R2 Bấm **Control Panel (Bảng điều khiển)** trên màn hình **Start (Bắt đầu)**. Trong nhóm **Hardware (Phần cứng)**, bấm **Xem thiết bị và máy in**. Bấm chuột phải vào **FX DocuPrint XXXXX**. Bấm **See what's printing (Xem đang in gì)**. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Bấm **Printer (Máy in)** trong thanh menu và đảm bảo rằng **Sử dụng Máy in Gián tuyến** không được chọn.
	• Mac

Khó khăn	Gợi ý
	Nhấp vào menu **System Preferences (Tùy chọn hệ thống)**, rồi chọn tùy chọn **Printers & Scanners (Máy in & máy quét)**. Khi máy đang ngoại tuyến, hãy xóa nó bằng cách sử dụng nút −, sau đó thêm nó bằng cách sử dụng nút +.
Máy không in hoặc đã dừng in.	Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.
Các đầu hoặc chân trang xuất hiện khi tài liệu hiển thị trên màn hình nhưng không hiển thị khi in tài liệu.	Có vùng không thể in ở trên cùng và dưới cùng của trang. Điều chỉnh lề trên cùng và dưới cùng trong tài liệu của bạn để cho phép in vùng này.
Máy in không như mong muốn hoặc in lộn xộn.	Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.
	Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.
	Xác nhận rằng trình điều khiển máy in Fuji Xerox được chọn trong cửa sổ In của ứng dụng của bạn.
Máy in đúng một vài trang đầu, rồi một vài trang sau bị mất chữ.	Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.
	Máy của bạn không nhận tất cả dữ liệu đã gửi từ máy tính. Đảm bảo rằng bạn đã kết nối cáp giao diện đúng cách.
Máy không in trên cả hai mặt của giấy mặc dù thiết lập trình điều khiển máy in là 2 mặt và máy hỗ trợ in 2 mặt tự động.	Kiểm tra thiết đặt khổ giấy trong trình điều khiển máy in. Bạn phải chọn giấy A4 60 đến 105 g/m^2.
Tốc độ in quá chậm.	Thử thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in. Độ phân giải cao nhất cần thời gian xử lý, gửi và in dữ liệu lâu hơn.
	Nếu bạn kích hoạt Chế độ im lặng, hãy bỏ kích hoạt Chế độ im lặng trên trình điều khiển máy hoặc thiết lập menu của máy.
Máy không nạp giấy.	Nếu có giấy trong khay giấy, đảm bảo rằng giấy nằm thẳng. Nếu giấy bị quăn, kéo thẳng giấy. Đôi khi bạn nên thử lấy giấy ra, lật ngược chồng giấy, rồi đặt lại vào khay giấy.
	Giảm lượng giấy trong khay giấy, rồi thử lại.
	(Dành cho các model có Khay MP)Đảm bảo rằng **Khay MP** không được chọn cho **Nguồn Giấy** trong trình điều khiển máy in. (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)Đảm bảo rằng **Bằng tay** không được chọn cho **Nguồn Giấy** trong trình điều khiển máy in.
	Vệ sinh trục cuộn lấy giấy.
Máy không nạp giấy từ Khay MP. (Dành cho các model có Khay MP)	Quạt giấy và đặt trở lại vào khay MP.
	Đảm bảo rằng **Khay MP** được chọn cho **Nguồn Giấy** trong trình điều khiển máy in.
Máy không nạp giấy từ Khe nạp bằng tay. (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)	Sử dụng cả hai tay để đẩy chắc chắn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay đến khi cạnh giấy trên cùng chạm vào trục lăn nạp giấy. Tiếp tục đẩy giấy chạm vào trục lăn đến khi máy nhận giấy và kéo giấy vào trong sâu hơn.
	Nạp lần lượt từng tờ giấy vào khe nạp bằng tay.
	Đảm bảo rằng **Bằng tay** được chọn cho **Nguồn Giấy** trong trình điều khiển máy in.

Khó khăn	Gợi ý
Máy không nạp phong bì.	(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Nạp lần lượt từng phong bì vào khe nạp bằng tay. Ứng dụng của bạn phải được thiết đặt để in khổ phong bì mà bạn đang sử dụng. Điều này thường được thực hiện trong menu Cài đặt trang hoặc Cài đặt tài liệu trong ứng dụng của bạn. (Dành cho các model có Khay MP) Nạp phong bì vào khay MP. Ứng dụng của bạn phải được thiết đặt để in khổ phong bì mà bạn đang sử dụng. Điều này thường được thực hiện trong menu Cài đặt trang hoặc Cài đặt tài liệu trong ứng dụng của bạn.

Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố
- Vệ sinh trục cuộn lấy giấy
- Nạp và in bằng cách sử dụng khay đa năng (Khay MP)

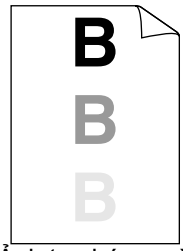
Cải thiện chất lượng in

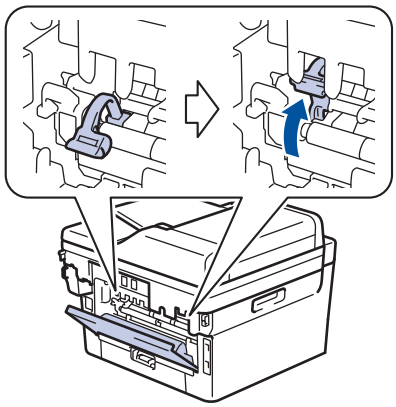
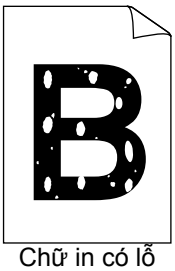
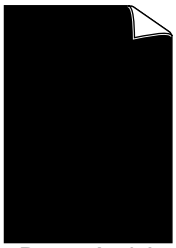
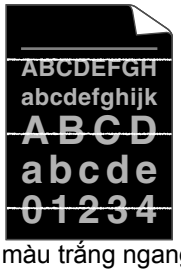
Nếu bạn có vấn đề về chất lượng in, hãy in trang kiểm tra trước tiên. Nếu bản in có chất lượng tốt, vấn đề có thể không phải ở máy. Kiểm tra các kết nối cáp giao diện và thử in tài liệu khác. Nếu bản in hoặc trang kiểm tra được in từ máy có vấn đề về chất lượng, hãy xem các ví dụ về chất lượng in xấu và thực hiện theo khuyến nghị trong bảng.

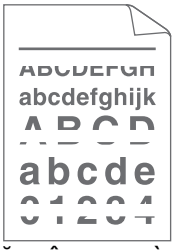
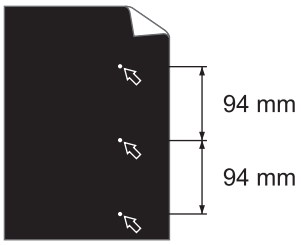
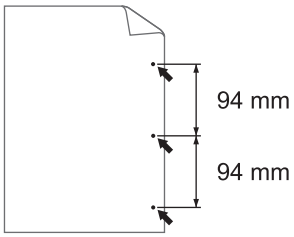
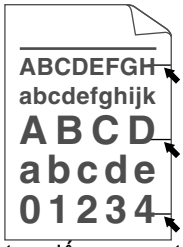
QUAN TRỌNG

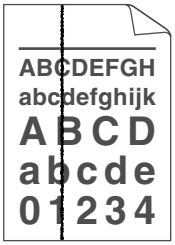
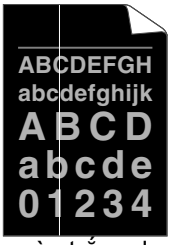
Sử dụng vật tư không phải của Fuji Xerox có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy.

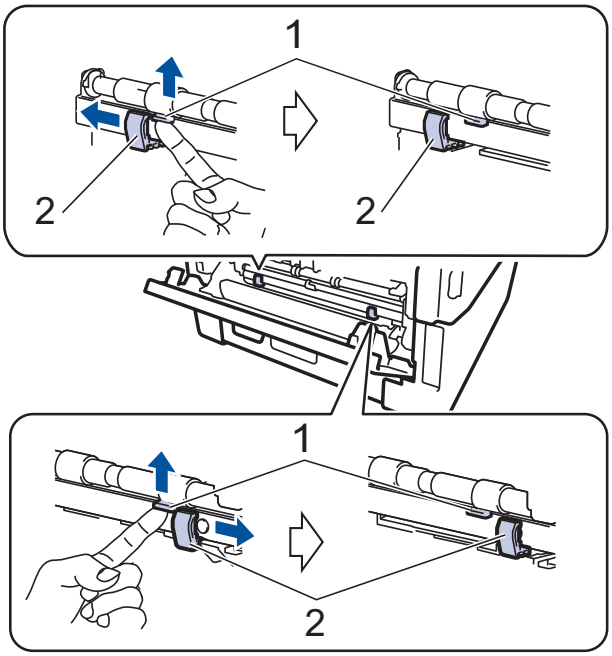
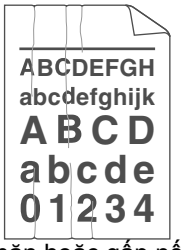
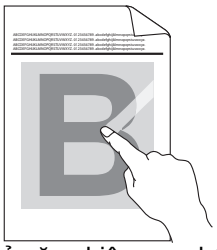
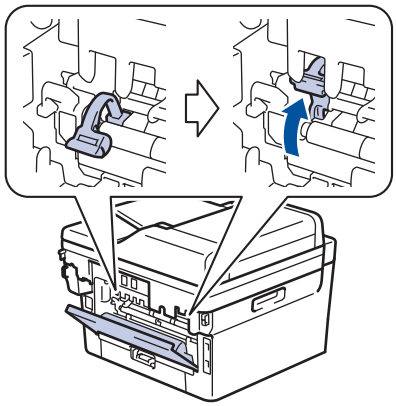
1. Để có chất lượng in tốt nhất, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phương tiện in được khuyến nghị. Đảm bảo bạn sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của chúng tôi.
2. Kiểm tra hộp mực và bộ trống mực có được lắp chính xác không.

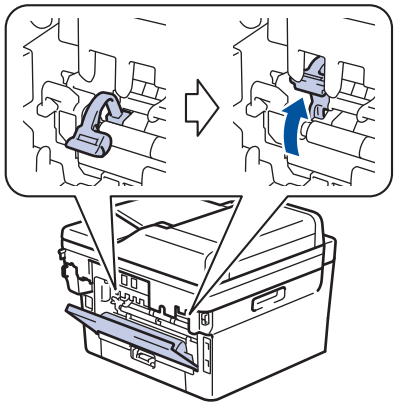
Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 Mờ	• Nếu máy cho biết trạng thái Thay mực in, lắp hộp mực mới vào. • Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện như độ ẩm, nhiệt độ cao, v.v... có thể gây ra lỗi in này. • Nếu toàn bộ trang giấy quá nhạt, chế độ Tiết kiệm mực in có thể được bật. Tắt chế độ Tiết kiệm mực in trong thiết đặt menu của máy hoặc trình điều khiển máy in. • Vệ sinh bộ trống mực. • Vệ sinh dây corona trên bộ trống mực. • Thay hộp mực mới mới vào. • Thay bộ trống mực mới vào.
 Nền màu xám	• Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như nhiệt độ và độ ẩm cao có thể tăng mức độ đổ bóng của nền. • Vệ sinh bộ trống mực. • Thay hộp mực mới mới vào. • Thay bộ trống mực mới vào.
 Ảnh tạo bóng mờ	• Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ thấp có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này. • Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in. • Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu. • Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	 • Vệ sinh bộ trống mực. • Thay bộ trống mực mới vào. • Thay hộp mực mới mới vào. • Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ bộ phận dịch vụ khách hàng của Fuji Xerox.
 Các đốm mực nhỏ	• Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển khớp với loại giấy bạn đang sử dụng. • Vệ sinh bộ trống mực. • Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới mới vào. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào. • Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ bộ phận dịch vụ khách hàng của Fuji Xerox.
 Chữ in có lỗ	• Chọn chế độ **Giấy dày** trong trình điều khiển máy in hoặc sử dụng giấy mỏng hơn bạn hiện đang sử dụng. • Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu. • Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm cao có thể khiến chữ in có lỗ. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 Đen toàn bộ	• Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 Các đường màu trắng ngang trang giấy	• Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in. • Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu. • Vấn đề có thể tự biến mất. In nhiều trang trắng để xóa vấn đề này, đặc biệt nếu máy không được sử dụng trong thời gian dài. • Vệ sinh bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 Các đường ngang trang giấy	• Vệ sinh bộ trống mực. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 Các đường mực màu đen trên khắp trang giấy	• Nếu bạn sử dụng giấy dày, có thể có các đường màu đen. Khi điều này xảy ra, hãy sử dụng giấy mỏng hơn loại bạn đang sử dụng.
 Các đường, dải hoặc gân sọc màu trắng ngang trang giấy	• Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ cao có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này. • Vệ sinh bộ trống mực. • Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi một vài trang, thay bộ trống mực mới.
 Đốm trắng trên văn bản và đồ họa đen cách quãng 94 mm  Đốm đen cách quãng 94 mm	• Tạo 10-15 bản sao của một tờ giấy trắng trơn. Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi in trang trắng, bộ trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo từ nhãn, kẹt trên trống mực. Vệ sinh bộ trống mực. ➤➤ *Thông tin liên quan*:*Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực* • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 Mực đen tạo dấu ngang trang giấy	• Nếu bạn sử dụng tờ giấy nhãn cho máy in laze, keo từ các tờ giấy đôi khi có thể dính vào bề mặt trống. Vệ sinh bộ trống mực. ➤➤ *Thông tin liên quan*:*Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực* • Nếu bạn sử dụng giấy có kẹp hoặc dập ghim, bộ trống mực có thể bị hỏng. • Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng. • Vệ sinh bộ trống mực. • Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới mới vào.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 Đường màu đen dọc trang giấy Trang in bị rây mực dọc trang giấy	• Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt vấu màu xanh lá cây. Đảm bảo vấu màu xanh lá cây của bộ trống mực nằm ở Vị trí Ban đầu. • Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới mới vào. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào. • Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ bộ phận dịch vụ khách hàng của Fuji Xerox.
 Các đường màu trắng dọc trang giấy	• Đảm bảo vật lạ chẳng hạn như mẩu giấy rách, giấy dính ghi chú hoặc bụi bẩn không ở trong máy và quanh hộp mực và bộ trống mực. • Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới mới vào. • Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.
 Hình ảnh bị lệch	• Đặt tài liệu chính xác trong ADF hoặc trên kính máy quét nếu việc in lệch chỉ xảy ra khi tạo bản sao. • Đảm bảo giấy hoặc phương tiện in khác được nạp chính xác trong khay giấy và thanh dẫn giấy không tỳ quá chặt hoặc quá lỏng vào chồng giấy. • Đặt thanh dẫn giấy chính xác. • Khay giấy có thể quá đầy. • Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. • Kiểm tra xem có vật rời ra, như giấy rách bên trong máy. • Nếu sự cố chỉ xảy ra trong khi in 2 mặt tự động, hãy kiểm tra giấy rách trong khay 2 mặt. Xác minh khay 2 mặt được chèn hoàn toàn và nắp lưng được đóng hoàn toàn.
 Ảnh quăn hoặc gợn sóng	• Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. Nhiệt độ và độ ẩm cao có thể khiến giấy bị quăn. • Nếu bạn không sử dụng máy thường xuyên, giấy có thể nằm trong khay giấy quá lâu. Lật ngược chồng giấy trong khay giấy. Ngoài ra, tãi chồng giấy, rồi xoay giấy 180° trong khay giấy. • Mở nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) để cho phép trang đã in chạy ra trên khay đầu ra hướng lên. • Chọn chế độ **Giảm thiểu Quăn Giấy** trong trình điều khiển máy in khi bạn không sử dụng phương tiện in được chúng tôi khuyến nghị. • Lật giấy trong khay giấy và in lại. Nếu sự cố vẫn không được khắc phục, hãy thay đổi các Cần chống uốn cong như sau: 1. Mở nắp lưng. 2. Nhấc cần (1) lên và trượt hai cần màu xám (2) theo hướng mũi tên.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	
 Nhăn hoặc gấp nếp	• Đảm bảo giấy được nạp đúng cách. • Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. • Lật ngược chồng giấy trong khay hoặc xoay giấy 180° trong khay đầu vào.
 Khả năng hiện mực kém	• Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.  • Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển máy in khớp với loại giấy bạn đang sử dụng. • Chọn chế độ **Cải thiện khả năng hiện mực** trong trình điều khiển máy in. Nếu lựa chọn này không cho thấy cải thiện rõ rệt, thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in trong **Loại vật liệu in** thành thiết đặt dày. Nếu bạn đang in phong bì, chọn **Bao thư Dày** trong thiết đặt loại phương tiện.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 Phong bì gấp nếp	• Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống đến vị trí của phong bì khi bạn in phong bì. Sau khi bạn in xong, đặt lại các cần về vị trí ban đầu. Kéo các cần lên cho đến khi chúng dừng lại.  • Đảm bảo phong bì được in với nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) mở. • (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo phong bì chỉ được nạp từ khe nạp bằng tay. • (Dành cho các model có Khay MP) Đảm bảo phong bì chỉ được nạp từ khay MP.

Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố
- Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực
- Giảm mức tiêu thụ mực
- Thay Hộp mực
- Thay Bộ trống mực

Vấn đề về điện thoại và fax

Đường dây hoặc kết nối điện thoại

Khó khăn	Gợi ý
Quay số không hoạt động. (Không có âm quay số)	Kiểm tra tất cả kết nối dây điện cho đường dây. Đảm bảo rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm trên tường cho điện thoại và ổ cắm LINE của máy. Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu bạn đăng ký dịch vụ DSL hoặc dịch vụ VoIP, liên hệ nhà cung cấp dịch vụ của bạn để được hướng dẫn kết nối.
	(Chỉ có sẵn đối với một số quốc gia). Thay đổi thiết đặt Tín hiệu/Xung
	Gửi fax thủ công bằng cách bấm nút Báo nhận và quay số. Chờ đến khi nghe thấy tín hiệu đang nhận fax rồi mới bấm nút Bắt đầu.
	Nếu không có âm quay số, kết nối điện thoại biết chắc có hoạt động và dây điện cho đường điện thoại với ổ cắm. Sau đó nhấc ống nghe điện thoại của điện thoại gắn ngoài và lắng nghe âm quay số. Nếu vẫn không có âm quay số, yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây và/hoặc ổ cắm trên tường.
Máy không trả lời khi được gọi.	Đảm bảo rằng máy đang ở chế độ nhận đúng với cài đặt của bạn. Kiểm tra âm quay số. Nếu có thể, gọi cho máy của bạn để nghe máy trả lời. Nếu vẫn không có tín hiệu trả lời, kiểm tra rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm điện thoại trên tường và ổ cắm LINE của máy. Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu không có chuông đổ khi bạn gọi máy của mình, yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây.

Xử lý cuộc gọi đến

Khó khăn	Gợi ý
Gửi Cuộc gọi fax đến máy.	Nếu bạn đã trả lời ở điện thoại có số máy nhánh hoặc điện thoại gắn ngoài, bấm Mã kích hoạt từ xa của bạn (thiết đặt mặc định theo nhà máy là *51). Nếu bạn đã trả lời ở điện thoại có số máy nhánh, bấm nút Bắt đầu để nhận fax. Khi máy của bạn trả lời, gác máy.
Tính năng tùy chỉnh trên một đường dây duy nhất.	Nếu bạn có dịch vụ Cuộc gọi chờ người gọi, Thư thoại, máy trả lời, hệ thống cảnh báo hoặc các tính năng tùy chỉnh khác trên một đường dây điện thoại duy nhất kết nối với máy của bạn, điều này có thể gây ra vấn đề khi gửi hoặc nhận fax. **Ví dụ:** Nếu bạn đăng ký Cuộc gọi chờ hoặc một số dịch vụ tùy chỉnh khác và tín hiệu của dịch vụ này đi qua đường dây trong khi máy của bạn đang gửi hoặc nhận fax, tín hiệu đó có thể tạm thời ngắt hoặc làm gián đoạn quá trình fax. Tính năng ECM (Chế độ sửa lỗi) của Fuji Xerox sẽ giúp khắc phục vấn đề này. Tình trạng này có liên quan đến ngành hệ thống điện thoại và là vấn đề thường gặp ở tất cả các thiết bị gửi và nhận thông tin trên một đường dây dùng chung duy nhất có các tính năng tùy chỉnh. Nếu công việc của bạn thực sự cần tránh

Khó khăn	Gợi ý
	những gián đoạn nhỏ, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng đường dây điện thoại riêng biệt không có tính năng tùy chỉnh nào.

Nhận fax

Khó khăn	Gợi ý
Không thể nhận fax.	Kiểm tra tất cả kết nối dây điện cho đường dây. Đảm bảo rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm trên tường cho điện thoại và ổ cắm LINE của máy. Nếu bạn đăng ký dịch vụ DSL hoặc dịch vụ VoIP, liên hệ nhà cung cấp dịch vụ của bạn để được hướng dẫn kết nối. Nếu bạn đang sử dụng hệ thống VoIP, hãy thử thay đổi cài đặt VoIP thành *Cơ bản (đối với VoIP)*. Điều này sẽ làm giảm tốc độ modem và tắt Chế độ Chỉnh sửa Lỗi (ECM).
	Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu bạn thấy tạp âm hoặc nhiễu trên đường dây fax, hãy liên hệ nhà cung cấp dịch vụ điện thoại ở địa phương bạn.
	Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ nhận đúng. Điều này được xác định bởi thiết bị gắn ngoài và dịch vụ thuê bao điện thoại mà bạn có trên cùng đường dây với máy Fuji Xerox. • Nếu bạn có đường dây fax riêng và muốn máy Fuji Xerox của mình tự động trả lời tất cả fax đến, bạn nên chọn chế độ Chỉ fax. • Nếu máy Fuji Xerox của bạn dùng chung đường dây với máy trả lời gắn ngoài, bạn nên chọn chế độ TAD gắn ngoài. Trong chế độ TAD gắn ngoài, máy Fuji Xerox của bạn sẽ tự động nhận fax đến và người gọi thoại sẽ có thể để lại tin nhắn trên máy trả lời của bạn. • Nếu máy Fuji Xerox của bạn dùng chung đường dây với các điện thoại khác và bạn muốn máy tự động trả lời tất cả các fax đến, bạn nên chọn chế độ Fax/Điện thoại. Trong chế độ Fax/Điện thoại, máy Fuji Xerox của bạn sẽ tự động nhận fax và thực hiện đổ chuông giả/kép để nhắc bạn trả lời cuộc gọi thoại. • Nếu bạn không muốn máy Fuji Xerox của mình tự động trả lời bất kỳ fax đến nào, bạn nên chọn chế độ Bằng tay. Ở chế độ Bằng tay, bạn phải trả lời tất cả các cuộc gọi đến và kích hoạt để máy nhận fax.
	Một thiết bị hoặc dịch vụ khác ở chỗ của bạn có thể trả lời cuộc gọi trước khi máy Fuji Xerox của bạn trả lời. Để kiểm tra điều này, giảm thiết đặt Độ trễ Đổ chuông: • Nếu Chế độ nhận được thiết đặt thành Chỉ Fax hoặc Fax/Điện thoại, giảm Số lần đổ chuông xuống một lần đổ chuông. • Nếu Chế độ nhận được thiết đặt thành TAD gắn ngoài, giảm số lần đổ chuông được lập trình trên máy trả lời của bạn xuống thành hai lần. • Nếu Chế độ nhận được thiết đặt thành Bằng tay, KHÔNG điều chỉnh thiết đặt Số lần đổ chuông.
	Nhờ người khác gửi thử fax cho bạn: • Nếu bạn nhận được bản fax thử thành công nghĩa là máy của bạn đang hoạt động đúng. Nhớ đặt lại Số lần đổ chuông hoặc thiết đặt máy trả lời của bạn về lại thiết đặt ban đầu. Nếu vấn đề nhận tái diễn sau khi đặt lại Số lần đổ chuông, nghĩa là có người, thiết bị

Khó khăn	Gợi ý
	hoặc dịch vụ thuê bao đang trả lời cuộc gọi fax trước khi máy có thể trả lời. • Nếu bạn không thể nhận được fax, nghĩa là có thiết bị hoặc dịch vụ thuê bao khác có thể đang can thiệp vào việc nhận fax của bạn hoặc có thể đường dây fax của bạn có vấn đề.
	Nếu bạn đang sử dụng máy trả lời điện thoại (chế độ TAD gắn ngoài) trên cùng đường dây với máy Fuji Xerox, đảm bảo rằng máy trả lời của bạn được cài đặt đúng. 1. Thiết đặt máy trả lời của bạn trả lời trong vòng một hoặc hai lần đổ chuông. 2. Ghi âm tin nhắn gửi đi trên máy trả lời của bạn. • Ghi âm năm giây im lặng ở đầu tin nhắn gửi đi của bạn. • Giới hạn thời gian nói của bạn trong 20 giây. • Kết thúc tin nhắn gửi đi của bạn bằng Mã kích hoạt từ xa cho người gửi fax bằng tay. Ví dụ: “Sau tiếng bíp, vui lòng để lại tin nhắn hoặc bấm *51 và Bắt đầu để gửi fax.” 3. Thiết đặt máy trả lời của bạn trả lời cuộc gọi. 4. Thiết đặt Chế độ nhận trong máy Fuji Xerox của bạn là TAD gắn ngoài.
	Đảm bảo rằng tính năng Phát hiện fax của máy Fuji Xerox đã được Bật. Nhận dễ dàng là tính năng cho phép bạn nhận fax ngay cả khi bạn đã trả lời cuộc gọi ở điện thoại gắn ngoài hoặc điện thoại có số máy nhánh.
	Nếu bạn thường xuyên gặp lỗi truyền do khả năng bị nhiễu đường dây điện thoại hoặc nếu bạn đang sử dụng hệ thống VoIP, thử thay đổi thiết đặt Tương thích sang *Cơ bản (đối với VoIP)*.
	Liên hệ người quản trị của bạn để kiểm tra Thiết đặt Secure Function Lock.

Gửi fax

Khó khăn	Gợi ý
Không thể gửi fax.	Kiểm tra tất cả kết nối dây điện cho đường dây. Đảm bảo rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm trên tường cho điện thoại và ổ cắm LINE của máy. Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu bạn đăng ký dịch vụ DSL hoặc dịch vụ VoIP, liên hệ nhà cung cấp dịch vụ của bạn để được hướng dẫn kết nối.
	Đảm bảo rằng bạn đã bấm Fax và máy ở chế độ Fax.
	In Báo cáo xác nhận truyền và kiểm tra lỗi.
	Liên hệ người quản trị của bạn để kiểm tra Thiết đặt Secure Function Lock.
	Yêu cầu bên kia kiểm tra xem máy nhận có giấy không.
Chất lượng gửi không tốt.	Thử thay đổi độ phân giải của bạn về Mịn hoặc Siêu Mịn. Tạo bản sao để kiểm tra hoạt động máy quét của máy. Nếu chất lượng sao chép kém, hãy vệ sinh máy quét.
Báo cáo xác nhận truyền cho biết KẾT QUẢ:LỖI.	Có thể đường dây tạm thời bị nhiễu hoặc có tạp âm. Thử gửi lại fax. Nếu bạn đang gửi báo cáo PC-Fax và nhận được KẾT QUẢ:LỖI trên Báo cáo xác nhận truyền, có thể máy của bạn đã hết bộ nhớ. Để giải phóng thêm dung lượng bộ nhớ, bạn có thể tắt Lưu trữ Fax, in thông báo

Khó khăn	Gợi ý
	fax trong bộ nhớ hoặc hủy gửi fax hẹn giờ. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây điện thoại của bạn.
	Nếu bạn thường xuyên gặp lỗi truyền do khả năng bị nhiễu đường dây điện thoại hoặc nếu bạn đang sử dụng hệ thống VoIP, thử thay đổi thiết đặt Tương thích sang Cơ bản (đối với VoIP).
Fax đã gửi trống trơn.	Đảm bảo rằng bạn nạp tài liệu đúng cách. Khi sử dụng bộ nạp ADF, nên để tài liệu ngửa lên. Khi sử dụng kính máy quét, nên để tài liệu úp xuống.
Có sọc dọc màu đen khi gửi.	Sọc dọc màu đen có trên bản fax bạn gửi thường là do bụi bẩn hoặc chất lỏng xóa trên dải kính. Vệ sinh dải kính.

In fax đã nhận.

Khó khăn	Gợi ý
• In dày đặc • Sọc ngang • Câu trên cùng và dưới cùng bị mất • Thiếu dòng 	Điều này thường là do kết nối điện thoại không tốt. Tạo bản sao; nếu bản sao của bạn có chất lượng tốt thì có thể kết nối của bạn không tốt do đường dây điện thoại có tạp âm hoặc bị nhiễu. Yêu cầu bên kia gửi lại fax.
Có sọc dọc màu đen khi nhận.	Dây corona để in có thể bị bẩn. Vệ sinh dây corona trong bộ trống mực.
	Máy quét của người gửi có thể bị bẩn. Yêu cầu người gửi tạo một bản sao để xem có phải vấn đề là do máy gửi không. Thử nhận từ máy fax khác.
Fax đã nhận xuất hiện dưới dạng trang bị tách hoặc trang trắng.	Lề trái và phải bị mất hoặc một trang được in trên hai trang.
	Bật Thu nhỏ tự động.

Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố
- Thiết đặt Phát hiện âm quay số
- Thiết đặt tương thích đường dây điện thoại cho hệ thống can nhiễu và VoIP

Thiết đặt Phát hiện âm quay số

Thiết đặt Âm quay số thành [Detection (Phát hiện)] sẽ rút ngắn thời gian phát hiện Âm quay số.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Dial Tone (Âm quay số)].
2. Bấm [Detection (Phát hiện)] hoặc [No Detection (Không có phát hiện)].
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Vấn đề về điện thoại và fax

Thiết đặt tương thích đường dây điện thoại cho hệ thống can nhiễu và VoIP

Có thể giải quyết vấn đề có thể xảy ra khi gửi và nhận fax do nhiễu đường dây điện thoại có thể xảy ra bằng cách giảm tốc độ modem để giảm thiểu lỗi khi truyền fax. Nếu bạn đang sử dụng dịch vụ Voice over IP (VoIP), Fuji Xerox khuyên bạn nên thay đổi khả năng tương thích về Basic (dành cho VoIP).

- VoIP là loại hệ thống điện thoại sử dụng kết nối Internet, không phải đường dây điện thoại truyền thống.
- Nhà cung cấp máy điện thoại thường cung cấp VoIP theo gói cùng với dịch vụ Internet và cáp.
- Fuji Xerox không khuyến nghị đường dây VoIP. Những hạn chế của VoIP nói chung có thể khiến một số chức năng của máy fax hoạt động không đúng.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Compatibility (Khả năng tương thích)].
2. Bấm [High (Cao)], [Normal (Bình thường)] hoặc [Basic (for VoIP) (Cơ bản (dành cho VoIP))].

Tùy chọn	Mô tả
High (Cao)	Chọn High (Cao) để thiết đặt tốc độ modem là 33600 bps.
Normal (Bình thường)	Chọn Normal (Bình thường) để thiết đặt tốc độ modem là 14400 bps.
Basic (for VoIP) (Cơ bản (dành cho VoIP))	Chọn Basic (for VoIP) (Cơ bản (dành cho VoIP)) để giảm tốc độ modem xuống 9600 bps và tắt Chế độ sửa lỗi (ECM). Trừ khi nhiễu là vấn đề thường xảy ra trên đường dây điện thoại của bạn, bạn chỉ nên dùng chế độ này khi cần thiết. Để cải thiện tính tương thích với hầu hết dịch vụ VoIP, Fuji Xerox khuyến nghị nên thay đổi tính tương thích thành Basic (for VoIP) (Cơ bản (dành cho VoIP)).

3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Vấn đề về điện thoại và fax

Vấn đề về mạng

- Thông báo lỗi cho Sự cố mạng
- Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Fuji Xerox ở đâu?
- Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây
- Máy Fuji Xerox của tôi không thể in, quét hoặc nhận PC-FAX qua mạng.
- Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Thông báo lỗi cho Sự cố mạng

Máy Fuji Xerox sẽ hiển thị thông báo lỗi nếu có lỗi xảy ra. Các thông báo lỗi thường gặp nhất được trình bày trong biểu đồ.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
A device is already connected. Press [OK]. (Thiết bị đã được kết nối. Bấm [OK].)	Hai thiết bị di động đã được kết nối với mạng Wi-Fi Direct khi máy Fuji Xerox là Chủ sở hữu nhóm (G/O).	Sau khi tắt kết nối hiện tại giữa máy Fuji Xerox và thiết bị di động khác, hãy thử định cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct. Bạn có thể xác nhận trạng thái kết nối bằng cách in Báo cáo cấu hình mạng.
Connection Error (Lỗi kết nối)	Các thiết bị khác cũng đang cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct.	Đảm bảo không có thiết bị khác nào cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct, rồi thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct.
Connection Failed (Kết nối không thành công)	Máy Fuji Xerox và thiết bị di động của bạn không thể kết nối trong khi cấu hình mạng Wi-Fi Direct.	• Di chuyển thiết bị di động lại gần máy Fuji Xerox của bạn. • Di chuyển máy Fuji Xerox của bạn và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở. • Nếu bạn đang sử dụng Phương pháp mã PIN của WPS, đảm bảo bạn đã nhập đúng mã PIN.
No Device (Không có thiết bị)	Khi cấu hình mạng Wi-Fi Direct, máy Fuji Xerox không thể tìm thấy thiết bị di động của bạn.	• Đảm bảo máy và thiết bị di động của bạn ở chế độ Wi-Fi Direct. • Di chuyển thiết bị di động lại gần máy Fuji Xerox của bạn. • Di chuyển máy Fuji Xerox của bạn và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở. • Nếu bạn đang cấu hình bằng tay mạng Wi-Fi Direct, đảm bảo bạn đã nhập đúng mật khẩu. • Nếu thiết bị di động của bạn có trang cấu hình để biết cách lấy địa chỉ IP, đảm bảo địa chỉ IP của thiết bị di động đã được cấu hình qua DHCP.
Wrong Date&Time, contact your administrator. (Sai Ngày tháng & Thời gian, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.)	Máy Fuji Xerox không nhận thời gian từ máy chủ thời gian SNTP hoặc bạn đã không cấu hình Ngày&Giờ cho máy.	• Đảm bảo thiết đặt để truy cập máy chủ thời gian SNTP được cấu hình đúng trong Quản lý trên nền web. • Xác nhận thiết đặt **Date&Time (Ngày & giờ)** của máy chính xác trong Quản lý trên nền web.

Thông tin liên quan

- Vấn đề về mạng

Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Fuji Xerox ở đâu?

- Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn

Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây

Tắt bộ định tuyến không dây của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt không dây. Nếu bạn không thể giải quyết được vấn đề, hãy làm theo hướng dẫn sau:

Điều tra vấn đề bằng cách sử dụng Báo cáo WLAN.

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/Khóa mạng) không chính xác.	• Chọn và xác nhận rằng bạn đang sử dụng thiết đặt bảo mật chính xác. - Xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để biết thông tin về cách tìm thiết đặt bảo mật. - Tên nhà sản xuất hoặc số model của điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây có thể được sử dụng làm thiết đặt bảo mật mặc định. - Tham khảo ý kiến của nhà sản xuất điểm truy cập/bộ định tuyến, nhà cung cấp Internet hoặc người quản trị mạng của bạn.	Không dây
Địa chỉ MAC của máy Fuji Xerox của bạn không được cho phép.	Xác nhận rằng Địa chỉ MAC của máy Fuji Xerox được cho phép trong bộ lọc. Bạn có thể tìm thấy Địa chỉ MAC trên bảng điều khiển của máy Fuji Xerox.	Không dây
Điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn đang ở chế độ tàng hình (không quảng bá SSID).	• Nhập bằng tay tên SSID hoặc Khóa mạng chính xác. • Kiểm tra tên SSID hoặc Khóa mạng trong hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn và cấu hình lại cài đặt mạng không dây.	Không dây
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/mật khẩu) không chính xác.	• Xác nhận SSID và mật khẩu. - Khi bạn đang cấu hình mạng bằng tay, SSID và mật khẩu được hiển thị trên máy Fuji Xerox của bạn. Nếu thiết bị di động của bạn hỗ trợ cấu hình bằng tay, SSID và mật khẩu sẽ được hiển thị trên màn hình thiết bị di động của bạn.	Wi-Fi Direct
Bạn đang sử dụng Android™ 4.0.	Nếu thiết bị di động của bạn ngắt kết nối (khoảng sáu phút sau khi sử dụng Wi-Fi Direct), thử cấu hình một lần bấm bằng WPS (được khuyến nghị) và thiết đặt máy Fuji Xerox làm Chủ sở hữu nhóm.	Wi-Fi Direct
Máy Fuji Xerox của bạn được đặt quá xa so với thiết bị di động.	Di chuyển máy Fuji Xerox đến gần thiết bị di động trong phạm vi khoảng 3.3 feet (1 mét) khi bạn cấu hình thiết đặt mạng Wi-Fi Direct.	Wi-Fi Direct
Có một số chướng ngại vật (ví dụ như tường hoặc đồ đạc) giữa máy của bạn và thiết bị di động.	Di chuyển máy Fuji Xerox của bạn đến khu vực không có chướng ngại vật.	Wi-Fi Direct
Có một máy tính không dây, thiết bị hỗ trợ Bluetooth®, lò vi sóng hoặc điện thoại không dây kỹ thuật số ở gần máy Fuji Xerox hoặc thiết bị di động.	Di chuyển các thiết bị khác ra xa khỏi máy Fuji Xerox hoặc thiết bị di động.	Wi-Fi Direct
Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng vẫn không thể hoàn tất việc cấu hình Wi-Fi Direct, hãy thực hiện như sau:	• Tắt máy Fuji Xerox của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct. • Nếu bạn đang sử dụng máy Fuji Xerox của mình làm máy khách, xác nhận có bao nhiêu thiết bị được cho phép trong mạng Wi-Fi Direct hiện tại, rồi kiểm tra xem bao nhiêu thiết bị được kết nối.	Wi-Fi Direct

Thông tin liên quan

- Vấn đề về mạng

Máy Fuji Xerox của tôi không thể in, quét hoặc nhận PC-FAX qua mạng.

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng. (Tính năng quét qua mạng không hoạt động.)	• Windows® Cấu hình Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba để cho phép Quét qua mạng. Để thêm cổng 54925 cho Quét qua mạng, nhập thông tin sau: - Trong trường **Tên**: Nhập mô tả bất kỳ, ví dụ: Fuji Xerox NetScan. - Trong trường **Số cổng**: Nhập 54925 - Trong trường **Giao thức**: UDP được chọn. Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba hoặc liên hệ nhà sản xuất phần mềm. • Mac (iPrint&Scan) Trong thanh menu **Finder (Trình tìm kiếm)**, nhấp vào**Go (VÀO)** > **Applications (Ứng dụng)** > **Fuji Xerox**, rồi nhấp đúp vào biểu tượng iPrint&Scan. Cửa sổ iPrint&Scan sẽ xuất hiện. Nhấp vào nút **Select your Machine (Chọn Máy in của bạn)**, và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình để chọn lại máy kết nối mạng của bạn. (trình điều khiển TWAIN) Trong thanh menu **Finder (Trình tìm kiếm)**, nhấp vào **Go (VÀO)** > **Applications (Ứng dụng)** > **Fuji Xerox** > **TWAIN Driver Utility**, rồi nhấp đúp vào biểu tượng Trình chọn Thiết bị. Cửa sổ Trình chọn Thiết bị sẽ xuất hiện. Chọn lại máy trong mạng của bạn, đảm bảo **Status (Trạng thái)** là **idle (chạy không)**, rồi bấm **OK (OK)**.	Có dây/Không dây
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng. (Tính năng nhận PC-Fax qua mạng không hoạt động.) (Windows®)	Đặt Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba để cho phép PC-FAX Rx. Để thêm cổng 54926 cho PC-FAX Rx qua mạng, nhập thông tin sau: • Trong trường **Tên**: Nhập mô tả bất kỳ, ví dụ: Fuji Xerox PC-FAX Rx. • Trong trường **Số cổng**: Nhập 54926 • Trong trường **Giao thức**: UDP được chọn. Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba hoặc liên hệ nhà sản xuất phần mềm.	Có dây/Không dây
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng.	Một số phần mềm bảo mật có thể chặn truy cập mà không hiển thị hộp thoại thông báo bảo mật ngay cả sau khi đã cài đặt thành công. Để cho phép truy cập, xem hướng dẫn dành cho phần mềm bảo mật của bạn hoặc hỏi nhà sản xuất phần mềm.	Có dây/Không dây
Máy Fuji Xerox của bạn không được được gán địa chỉ IP có sẵn.	• Xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con. Xác nhận rằng cả địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con của máy tính và máy Fuji Xerox của bạn là chính xác và nằm trên cùng một mạng. Để biết thêm thông tin về cách xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con, hỏi người quản trị mạng của bạn.	Có dây/Không dây
Công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính của bạn.	• Nếu công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính của bạn, xóa công việc đó.	Có dây/Không dây

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
	• Nếu không, bấm đúp vào biểu tượng máy in trong thư mục sau và hủy bỏ tất cả các tài liệu: - Windows® 7 Bấm **(Bắt đầu)** > **Thiết bị và Máy in** > **Máy in và Fax**. - Windows® 8 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào **Thiết đặt** > **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng và Âm thanh**, nhấp vào **Xem thiết bị và máy in** > **Máy in**. - Windows® 10 và Windows Server® 2016 Nhấp vào > **Hệ thống Windows** > **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng và Âm thanh**, nhấp vào **Xem thiết bị và máy in** > **Máy in**. - Windows Server® 2008 Bấm **Bắt đầu** > **Pa-nen Điều khiển** > **Máy in**. - Windows Server® 2012 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào **Thiết đặt** > **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng**, nhấp vào **Xem thiết bị và máy in** > **Máy in**. - Windows Server® 2012 R2 Bấm **Control Panel (Bảng điều khiển)** trên màn hình **Start (Bắt đầu)**. Trong nhóm **Hardware (Phần cứng)**, bấm **Xem thiết bị và máy in**. - macOS v10.11.x, v10.12.x, v10.13.x Nhấp vào **System Preferences (Tùy chọn hệ thống)** > **Printers & Scanners (Máy in & máy quét)**.	
Máy Fuji Xerox của bạn không được kết nối với mạng không dây.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in.	Không dây

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng máy Fuji Xerox của bạn vẫn không thể in và quét, hãy gỡ cài đặt phần mềm và các trình điều khiển của Fuji Xerox rồi cài đặt lại chúng.

Thông tin liên quan

- Vấn đề về mạng
- Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Kiểm tra	Hành động	Giao diện
Kiểm tra xem máy Fuji Xerox, điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng mạng của bạn có được bật không.	**Kiểm tra như sau:** • Dây nguồn được kết nối đúng và máy Fuji Xerox được bật. • Điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng được bật và nút liên kết đang nhấp nháy. • Đã tháo hết bao bì bảo vệ khỏi máy. • Hộp mực và bộ trống mực được lắp đặt chính xác. • Nắp phía trước và nắp lưng được đóng hoàn toàn. • Giấy được nạp vào khay giấy đúng cách. • (Đối với mạng có dây) Cáp mạng được kết nối chắc chắn với máy Fuji Xerox và với bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng.	Có dây/Không dây
Kiểm tra **Link Status** trong Báo cáo Cấu hình Mạng hoặc trang Cài đặt Máy in.	In Báo cáo cấu hình mạng và kiểm tra xem **Ethernet Link Status** hoặc **Wireless Link Status** có là **Link OK** không.	Có dây/Không dây
Kiểm tra xem bạn có thể "kiểm tra kết nối" máy Fuji Xerox từ máy tính của mình hay không.	Kiểm tra kết nối máy Fuji Xerox từ máy tính của bạn bằng cách sử dụng địa chỉ IP hoặc tên nút trong cửa sổ nhắc lệnh Windows® hoặc ứng dụng Mac Terminal: kiểm tra kết nối `<ipaddress>` hoặc `<nodename>`. • Thành công: Máy Fuji Xerox của bạn đang hoạt động chính xác và được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn. • Không thành công: Máy Fuji Xerox của bạn không được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn. Xác nhận rằng địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con được thiết đặt chính xác.	Có dây/Không dây
Kiểm tra xem máy Fuji Xerox của bạn có được kết nối với mạng không dây không.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in.	Không dây

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng bạn vẫn đang gặp vấn đề, xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để tìm thông tin về SSID và Khóa mạng, rồi thiết đặt chính xác các mục này.

Thông tin liên quan

- Vấn đề về mạng
- Máy Fuji Xerox của tôi không thể in, quét hoặc nhận PC-FAX qua mạng.

Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google

Khó khăn	Gợi ý
Máy Fuji Xerox của tôi không được hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật.
	Kiểm tra xem Google Cloud Print™ đã được bật hay chưa.
	Kiểm tra xem máy của bạn đã được đăng ký với Google Cloud Print™ hay chưa. Nếu máy chưa được đăng ký, hãy thử đăng ký lại.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng của bạn. ➤➤ *Thông tin liên quan*
	Một số tệp tin nhất định có thể không in được hoặc có thể không xuất hiện chính xác khi được hiển thị.
Tôi không thể đăng ký máy Fuji Xerox của tôi với Google Cloud Print™.	Đảm bảo máy của bạn đã được kết nối với mạng có thể truy cập Internet.
	Kiểm tra xem ngày và thời gian có được đặt đúng trên máy của bạn hay không.
Tôi không thấy thông báo xác nhận trên máy Fuji Xerox khi tôi thử đăng ký với Google Cloud Print™, ngay cả sau khi lặp lại các bước đăng ký.	Đảm bảo máy Fuji Xerox của bạn không hoạt động trong quá trình thực hiện đăng ký với Google Cloud Print™.

Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố

Các vấn đề về AirPrint

Khó khăn	Gợi ý
Máy Fuji Xerox của tôi không được hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy Fuji Xerox của bạn đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng. ➤➤ *Thông tin liên quan*
	Di chuyển thiết bị di động lại gần điểm truy cập không dây/bộ định tuyến hoặc máy của Fuji Xerox của bạn.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy Fuji Xerox của bạn đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng. ➤➤ *Thông tin liên quan*
Tôi đang cố gắng in một tài liệu nhiều trang từ một thiết bị iOS, nhưng lại CHỈ in được trang đầu tiên.	Đảm bảo bạn đang chạy phiên bản hệ điều hành mới nhất. Tham khảo bài viết hỗ trợ của Apple sau đây để biết thêm thông tin về AirPrint: support.apple.com/kb/HT4356.

Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố

Các vấn đề khác

Khó khăn	Gợi ý
Máy sẽ không bật.	Các điều kiện bất lợi về kết nối điện (như sét hoặc điện áp tăng vọt) có thể đã kích hoạt cơ chế an toàn bên trong của máy. Rút phích cắm dây nguồn. Chờ mười phút, rồi rút phích cắm dây nguồn và bấm để bật máy. Nếu vấn đề vẫn không được giải quyết và bạn đang sử dụng bộ ngắt điện, ngắt kết nối thiết bị này để đảm bảo rằng đây không phải là nguyên nhân gây ra vấn đề. Cắm dây nguồn của máy trực tiếp vào ổ cắm điện khác trên tường mà bạn đã biết là có hoạt động. Nếu vẫn không có điện, thử cáp điện khác.
Máy không thể in dữ liệu EPS có bao gồm nhị phân bằng trình điều khiển máy in mô phỏng PS3.	**(Windows®)** Để in dữ liệu EPS, thực hiện như sau: 1. Đối với Windows® 7 và Windows Server® 2008 R2: Nhấp vào **Bắt đầu** nút > **Thiết bị và Máy in**. Đối với Windows Server® 2008: Bấm nút **Bắt đầu** > **Thiết bị và Máy in**. Đối với Windows® 8 và Windows Server® 2012: Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, bấm **Thiết đặt** > **Pa-nen Điều khiển**. Trong **Phần cứng và Âm thanh** [1] nhóm, bấm **Xem thiết bị và máy in**. Đối với Windows® 10 và Windows Server® 2016: Nhấp vào > **Hệ thống Windows** > **Pa-nen Điều khiển**. Trong nhóm **Phần cứng và Âm thanh**, nhấp vào **Xem thiết bị và máy in**. Đối với Windows Server® 2012 R2: Bấm **Control Panel (Bảng điều khiển)** trên màn hình **Start (Bắt đầu)**. Trong nhóm **Hardware (Phần cứng)**, bấm **Xem thiết bị và máy in**. 2. Nhấp chuột phải vào biểu tượng **FX DocuPrint XXXXX PS3 emulate**, chọn **Thuộc tính Máy in**. 3. Từ tab **Thiết đặt thiết bị** chọn TBCP (Giao thức truyền thông nhị phân có thẻ) trong **Giao thức Đầu ra**.
Không thể cài đặt phần mềm Fuji Xerox.	**(Windows®)** Nếu có cảnh báo Phần mềm Bảo mật xuất hiện trên màn hình máy tính trong khi cài đặt, hãy thay đổi thiết đặt Phần mềm Bảo mật để cho phép chương trình cài đặt sản phẩm của Fuji Xerox hoặc chương trình khác chạy. **(Macintosh)** Nếu bạn đang sử dụng chức năng tường lửa của phần mềm chống vi-rút hoặc chống phần mềm gián điệp, tạm thời vô hiệu chức năng này, rồi cài đặt phần mềm Fuji Xerox của bạn.

[1] Đối với Windows Server® 2012: **Phần cứng và Âm thanh**

Khó khăn khi sao chép

Khó khăn	Gợi ý
Không thể sao chép.	Đảm bảo rằng bạn đã bấm Sao chép và máy ở chế độ Sao chép.
	Liên hệ người quản trị của bạn để kiểm tra Thiết đặt Secure Function Lock.
Bản sao có sọc dọc màu đen.	Sọc dọc màu đen có trên bản sao thường là do bụi hoặc chất lỏng điều chỉnh trên dải kính hoặc dây corona bị bẩn. Vệ sinh dải kính, kính máy quét, thanh trắng và nhựa trắng phía trên.
Bản sao trống trơn.	Đảm bảo rằng bạn nạp tài liệu đúng cách.

Khó khăn trong khi quét

Khó khăn	Gợi ý
Lỗi TWAIN hoặc Thu nhận Hình ảnh Windows (WIA) xuất hiện khi bắt đầu quét. (Windows®)	Đảm bảo rằng trình điều khiển Fuji Xerox TWAIN hoặc Thu nhận Hình ảnh Windows (WIA) được chọn làm nguồn chính trong ứng dụng quét của bạn. Ví dụ: trong Nuance™ PaperPort™ 14SE, nhấp vào **Desktop (Màn hình desktop)** > **Scan Settings (Thiết đặt quét)** > **Select (Chọn)** để chọn trình điều khiển Fuji Xerox TWAIN/Thu nhận Hình ảnh Windows (WIA).
Lỗi TWAIN xuất hiện khi bắt đầu quét. (Mac)	Đảm bảo rằng trình điều khiển Fuji Xerox TWAIN được chọn làm nguồn chính.
OCR không hoạt động.	Thử tăng độ phân giải quét.
Không thể quét.	Liên hệ người quản trị của bạn để kiểm tra Thiết đặt Secure Function Lock.

Khó khăn về phần mềm

Khó khăn	Gợi ý
Không thể cài đặt phần mềm hoặc in.	(Windows®) Chạy lại chương trình cài đặt. Chương trình này sẽ sửa chữa và cài đặt lại phần mềm.

Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố

Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn

Nếu màn hình LCD hiển thị:

- [Print Unable (Không thể in)] ##
- [Scan Unable (Không thể quét)] ##

Chúng tôi khuyến nghị nên truyền fax của bạn đến máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn.

Bạn cũng có thể chuyển báo cáo Nhật ký fax để xem có fax nào bạn phải chuyển đi không.

Nếu có thông báo lỗi trên màn hình LCD sau khi bạn truyền fax, hãy ngắt kết nối máy Fuji Xerox của bạn khỏi nguồn điện trong vài phút, rồi kết nối lại.

Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố
- Truyền Fax đến máy Fax khác
- Truyền fax đến máy tính của bạn
- Truyền báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác

Truyền Fax đến máy Fax khác

Nếu bạn chưa cài đặt ID Trạm của mình, bạn không thể vào chế độ Truyền Fax.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Service (Dịch vụ)] > [Data Transfer (Truyền dữ liệu)] > [Fax Transfer (Truyền fax)].
2. Thực hiện một trong các thao tác sau:
   - Nếu màn hình LCD hiển thị [No Data (Không có dữ liệu)], không còn fax nào trong bộ nhớ của máy. Bấm [Close (Đóng)].
   - Nhập số fax để chuyển tiếp fax đến.
3. Bấm [Fax Start (Bắt đầu fax)].

Thông tin liên quan

- Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn

Truyền fax đến máy tính của bạn

1. Đảm bảo bạn đã cài đặt phần mềm và các trình điều khiển trên máy tính của bạn, rồi bật **PC-FAX Receive** trên máy tính.

   Thực hiện một trong các thao tác sau:

   - (Windows® 7)

     Từ menu (**Start (Bắt đầu)**), chọn **All Programs (Tất cả chương trình)** > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.

     Nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Nhấp vào **PC-FAX** trong thanh điều hướng bên trái, rồi nhấp vào **Nhận**.

   - (Windows® 8 và Windows® 10)

     Bấm (**Fuji Xerox Utilities**), rồi bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **PC-FAX** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Nhận**.

2. Đảm bảo bạn đã thiết đặt `[PC Fax Receive (Nhận fax máy tính)]` trên máy.

   Nếu fax có trong bộ nhớ của máy khi bạn cài đặt Nhận PC-FAX, màn hình LCD hiển thị `[Send Fax to PC? (Gửi fax vào máy tính?)]`.

3. Thực hiện một trong các thao tác sau:

   - Để chọn Bật hoặc Tắt cho thiết đặt In sao lưu, bấm `[Yes (Có)]`.
   - Để bật PC-Fax, bấm `[No (Không)]`.

4. Bấm .

Thông tin liên quan

- Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn

Truyền báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác

Nếu bạn chưa cài đặt ID trạm của mình, bạn không thể vào chế độ truyền fax.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Service (Dịch vụ)] > [Data Transfer (Truyền dữ liệu)] > [Report Transfer (Truyền báo cáo)].
2. Nhập số fax đích cho Nhật ký fax.
3. Bấm [Fax Start (Bắt đầu fax)].

Thông tin liên quan

- Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn

Thông tin về máy

- Kiểm tra số sê-ri
- Kiểm tra phiên bản firmware
- Tổng quan về Chức năng Đặt lại
- Thiết đặt lại máy Fuji Xerox của bạn

Kiểm tra số sê-ri

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Machine Info. (Thông tin máy)] > [Serial No. (Số sêri)].
   Máy hiển thị số sê-ri trên màn hình LCD.
2. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thông tin về máy

Kiểm tra phiên bản firmware

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Machine Info. (Thông tin máy)] > [Firmware Version (Phiên bản phần sụn)].
   Máy hiển thị phiên bản firmware trên màn hình LCD.
2. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thông tin về máy

Tổng quan về Chức năng Đặt lại

Các loại chức năng đặt lại sau có thể sử dụng:

Rút cáp giao diện trước khi bạn chọn chức năng Đặt lại thiết đặt mạng, chức năng Đặt lại tất cả thiết đặt hoặc chức năng Đặt lại theo nhà máy.

1. Đặt lại máy

   Bạn có thể đặt lại tất cả các thiết đặt máy mà bạn đã thay đổi, như Ngày và thời gian và Số lần đổ chuông.

   Danh bạ, báo cáo fax và lịch sử cuộc gọi sẽ được lưu lại. (Đối với DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)
2. Thiết đặt lại cài đặt mạng (Đối với DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)

   Đặt lại máy chủ in về thiết đặt mặc định theo nhà máy (bao gồm thông tin Mật khẩu và Địa chỉ IP).
3. Thiết đặt lại cài đặt danh bạ và fax (Đối với DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)

   Chức năng này đặt lại các thiết đặt sau:
   - Danh bạ

     (Địa chỉ và Nhóm)
   - Công việc fax đã lập trình trong bộ nhớ
   - ID trạm

     (tên và số)
   - Thông báo trang bìa
   - Tùy chọn fax từ xa

     (Mã truy cập từ xa, Lưu trữ fax, Chuyển tiếp fax, Gửi PC-Fax và Nhận PC-Fax (chỉ với Windows®))
   - Báo cáo

     (Báo cáo xác nhận truyền/ Danh sách chỉ mục điện thoại/ Nhật ký fax)
   - Mật khẩu khóa thiết đặt
4. Đặt lại tất cả các thiết đặt

   Bạn có thể đặt lại tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt theo nhà máy.

   Chức năng Đặt lại tất cả các thiết đặt xử lý nhanh hơn Đặt lại theo nhà máy.
5. Đặt lại theo nhà máy

   Sử dụng Tất cả chức năng Đặt lại Thiết đặt để đặt lại tất cả thiết đặt của máy thành các thiết đặt ban đầu tại nhà máy.

   Chức năng Đặt lại theo nhà máy xử lý lâu hơn Đặt lại tất cả các thiết đặt.

   Fuji Xerox thực sự khuyến nghị bạn nên thực hiện thao tác này khi bạn vứt bỏ máy của mình.

Rút phích cắm cáp giao diện trước khi bạn chọn chức năng Đặt lại thiết đặt mạng, chức năng Đặt lại tất cả các thiết đặt hoặc chức năng Đặt về thiết đặt mặc định.

Thông tin liên quan

- Thông tin về máy

Thiết đặt lại máy Fuji Xerox của bạn

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Reset (Đặt lại)].
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị các loại chức năng đặt lại, rồi bấm chức năng đặt lại mà bạn muốn sử dụng.
   Màn hình LCD [Machine will reboot after resetting. Press [OK] for 2 seconds to confirm. (Máy sẽ khởi động lại sau khi đặt lại.Nhấn [OK] trong 2 giây để xác nhận.)].
3. Bấm tùy chọn trong bảng để khởi động lại máy hoặc thoát quy trình này.

Tùy chọn	Mô tả
Bấm OK trong 2 giây	Khởi động lại máy. Máy sẽ bắt đầu quá trình đặt lại.
Cancel (Hủy)	Máy sẽ thoát mà không khởi động lại.

Nếu bạn không khởi động lại máy, quá trình đặt lại sẽ không hoàn tất và thiết đặt của bạn sẽ vẫn như cũ.

4. Bấm .

Bạn cũng có thể đặt lại thiết đặt Mạng bằng cách bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Network (Mạng)] > [Network Reset (Đặt lại mạng)].

Thông tin liên quan

- Thông tin về máy

Bảo trì thường lệ

- Thay thế vật tư.
- Vệ sinh máy
- Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận

Thay thế vật tư.

Bạn phải thay thế vật tư khi máy chỉ báo rằng tuổi thọ vật tư đã hết.

Sử dụng vật tư không phải của Fuji Xerox có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy. Hộp mực và bộ trống mực là hai vật tư riêng biệt. Đảm bảo rằng cả hai được lắp đặt thành một cụm. Tên vật tư của dòng máy có thể khác nhau tùy thuộc vào từng quốc gia.

LƯU Ý

- Liên hệ văn phòng Fuji Xerox tại địa phương của bạn để biết thêm thông tin chi tiết.
- Đảm bảo niêm kín túi đựng vật tư đã sử dụng để bột mực in không tràn khỏi hộp mực.
- Thải bỏ vật phẩm tiêu hao đã sử dụng theo quy định của địa phương, tách riêng vật phẩm tiêu hao với rác thải sinh hoạt. Nếu bạn có thắc mắc, vui lòng gọi đến văn phòng phụ trách thải rác ở địa phương bạn. Đảm bảo niêm kín lại mục tiêu hao để vật liệu bên trong không tràn ra.
- Chúng tôi khuyên nên đặt các vật tư đã sử dụng và vật tư mới trên một mảnh giấy để tránh vô ý làm vật liệu bên trong tràn ra hoặc vương vãi.
- Nếu bạn sử dụng giấy không hoàn toàn tương đương với phương tiện in được khuyên dùng, tuổi thọ của vật tư và bộ phận máy có thể giảm.
- Tuổi thọ dự kiến của mỗi hộp mực được dựa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Tần suất thay thế sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, tỉ lệ phần trăm che phủ, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Tần suất thay thế vật tư không phải hộp mực sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Thao tác cẩn thận với hộp mực. Nếu mực vương vãi vào tay hoặc quần áo của bạn, ngay lập tức lau hoặc rửa vết mực bằng nước lạnh.

⚠ CẢNH BÁO

- Tuyệt đối không sử dụng máy hút bụi để hút mực bị đổ và dư lượng mực trong sản phẩm này, hộp mực hoặc lọ mực. Nó có thể bắt lửa do tia lửa điện bên trong máy hút bụi và gây cháy nổ. Sử dụng chổi lau nhà hoặc khăn ướt để lau mực đổ. Nếu bạn làm đổ lượng mực lớn, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương của bạn.
- Tuyệt đối không bỏ hộp mực vào ngọn lửa đang cháy. Mực còn lại trong hộp mực có thể bắt lửa và gây thương tích do bỏng hoặc cháy nổ. Nếu bạn không cần sử dụng hộp mực đã qua sử dụng nữa, hãy liên hệ với đại diện của Fuji Xerox tại địa phương để tiêu hủy.

⚠ THẬN TRỌNG

- Giữ hộp trống mực (hoặc trống mực nếu không phải loại có hộp mực) và hộp mực tránh xa tầm tay trẻ em. Nếu trẻ em vô tình nuốt phải mực, hãy móc nó ra, rửa miệng bằng nước sạch, uống nước và đi khám bác sĩ ngay.
- Khi thay thế hộp trống mực (hoặc trống mực nếu không phải loại có hộp mực) và hộp mực, cần thận trọng không làm đổ mực. Trong trường hợp làm đổ mực, tránh tiếp xúc với quần áo, da, mắt và miệng, cũng như hít phải.
- Nếu làm đổ mực lên da và quần áo, hãy rửa sạch bằng xà phòng và nước. Nếu mặc bắn vào mắt, hãy rửa sạch bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút cho đến khi hết kích ứng. Đi khám bác sĩ nếu cần.

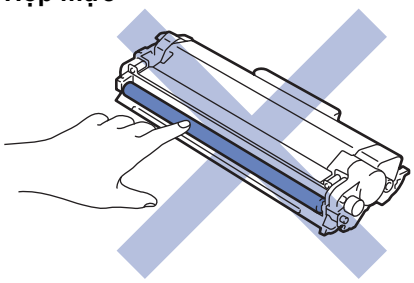
QUAN TRỌNG

- Các máy của Fuji Xeroxsản được thiết kế để làm việc trong điều kiện kỹ thuật đặc biệt và sẽ làm việc với mức hiệu suất tối ưu khi được sử dụng với các hộp mực chính hãng của Fuji Xerox. Fuji Xerox không thể đảm bảo hiệu suất tối ưu này nếu sử dụng mực hoặc hộp mực có thông số kỹ thuật khác. Máy không thể phát hiện ra mực và hộp mực về bất kỳ thông số kỹ thuật nào khác một cách chính xác, nhưng có thể

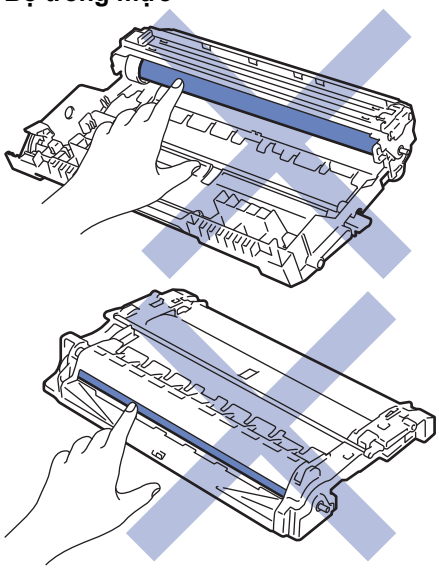
phát hiện các mục đó như hộp mực tiêu chuẩn. Do đó, Fuji Xerox không khuyến nghị sử dụng hộp mực không phải là hộp mực Fuji Xerox Original hoặc đổ lại mực cho hộp mực đã sử dụng bằng mực in từ nguồn khác. Nếu gây ra hỏng hóc đối với trống mực hoặc các bộ phận khác của máy này do sử dụng mực hoặc hộp mực không phải là sản phẩm chính hãng của Fuji Xerox, do không có khả năng tương thích hoặc không phù hợp với máy này, phiếu bảng hàng có thể sẽ không bao trả cho quá trình sửa chữa những hỏng hóc này.

- Để có hiệu suất tốt nhất, hãy sử dụng trống mực và hộp mực chính hãng của Fuji Xerox. In bằng bộ trống mực hoặc hộp mực của bên thứ ba có thể không chỉ làm giảm chất lượng in mà còn cả chính chất lượng và tuổi thọ của máy. Phạm vi bảo hành không áp dụng cho các vấn đề xảy ra do sử dụng bộ trống mực và hộp mực của bên thứ ba.
- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

Hộp mực



Bộ trống mực

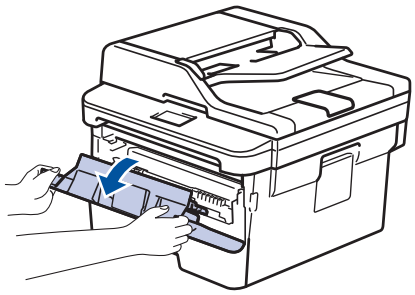


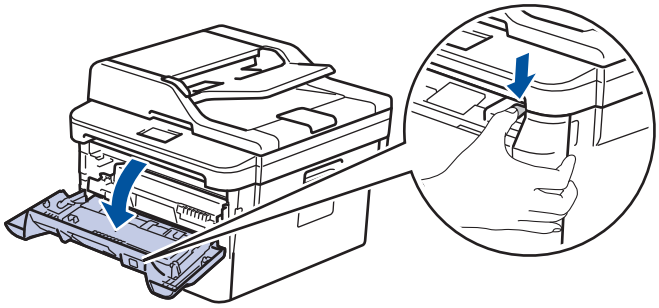
Thông tin liên quan

- Bảo trì thường lệ
- Thay Hộp mực
- Thay Bộ trống mực
- Vật tư

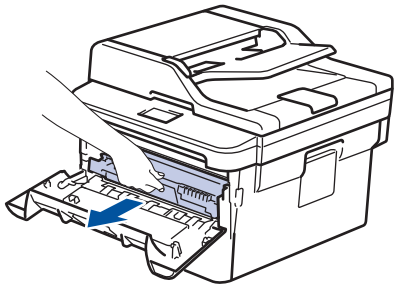
Thay Hộp mực

1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.

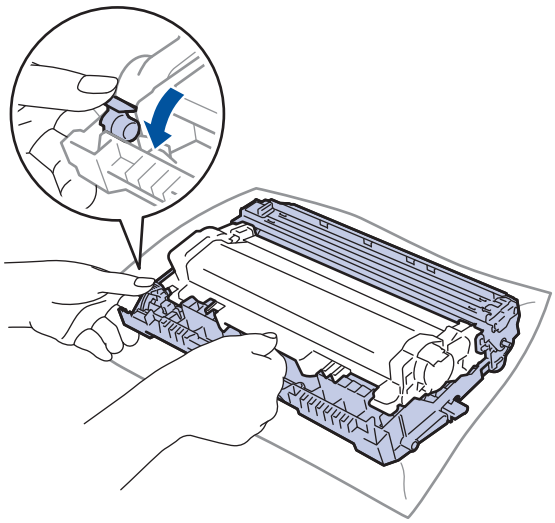




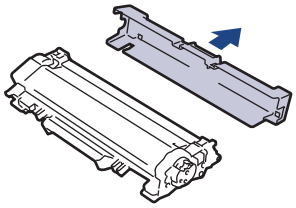
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



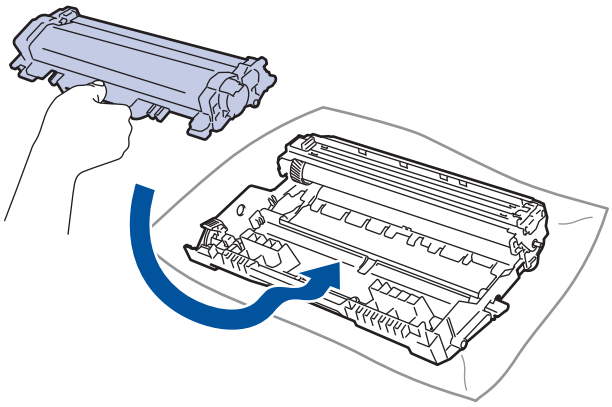
4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống và lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực.



5. Mở bao bì hộp mực mới.
6. Tháo nắp bảo vệ.

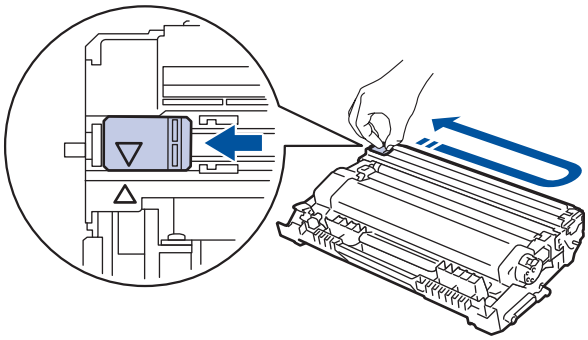


7. Đẩy mạnh hộp mực mới vào bộ trống mực cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



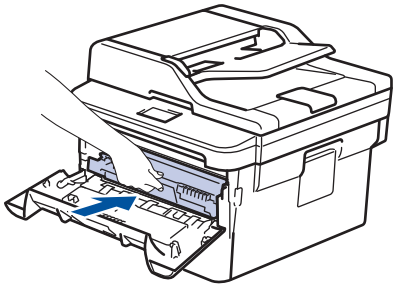
Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

8. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

9. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



10. Đóng nắp phía trước của máy.

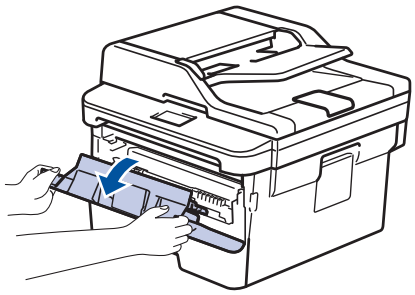
- Sau khi thay hộp mực, KHÔNG ĐƯỢC tắt máy hoặc mở nắp phía trước cho đến khi màn hình của máy trở về Chế độ Sẵn sàng.
- Hộp mực đi kèm với máy Fuji Xerox của bạn là hộp mực Hộp thư đến.
- Bạn nên chuẩn bị sẵn hộp mực mới để sẵn sàng sử dụng khi bạn thấy cảnh báo Mực in sắp hết.
- Để đảm bảo chất lượng in cao, chúng tôi khuyến nghị chỉ nên sử dụng hộp mực Fuji Xerox Original. Nếu bạn muốn mua hộp mực khác, liên hệ Đại lý Bán hàng của Fuji Xerox.
- KHÔNG mở bao bì hộp mực mới cho đến khi bạn sẵn sàng lắp hộp mực mới.
- Nếu để mở bao bì hộp mực trong thời gian dài, tuổi thọ mực in sẽ bị rút ngắn.
- Fuji Xerox khuyến nghị bạn KHÔNG nên đổ đầy lại hộp mực đi kèm với máy của bạn. Chúng tôi cũng khuyến nghị bạn chỉ nên sử dụng hộp mực thay thế Fuji Xerox Original. Việc sử dụng hoặc cố sử dụng mực in và/hoặc hộp mực của bên thứ ba trong máy Fuji Xerox có thể gây hỏng máy và/hoặc có thể dẫn đến chất lượng in không đạt yêu cầu. Chế độ bảo hành có hạn của chúng tôi không áp dụng cho bất kỳ vấn đề nào gây ra bởi việc sử dụng mực in và/hoặc hộp mực của bên thứ ba. Để bảo vệ khoản đầu tư của bạn và thu được hiệu suất cao từ máy Fuji Xerox, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng Vật tư Fuji Xerox Original

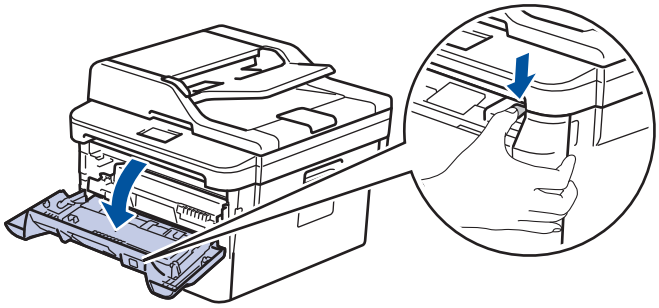
Thông tin liên quan

- Thay thế vật tư.
- Cải thiện chất lượng in

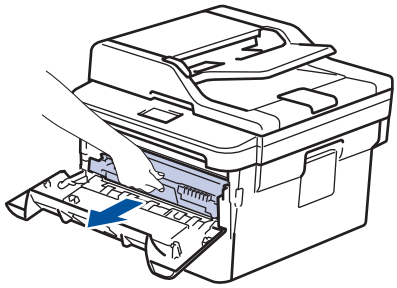
Thay Bộ trống mực

1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.

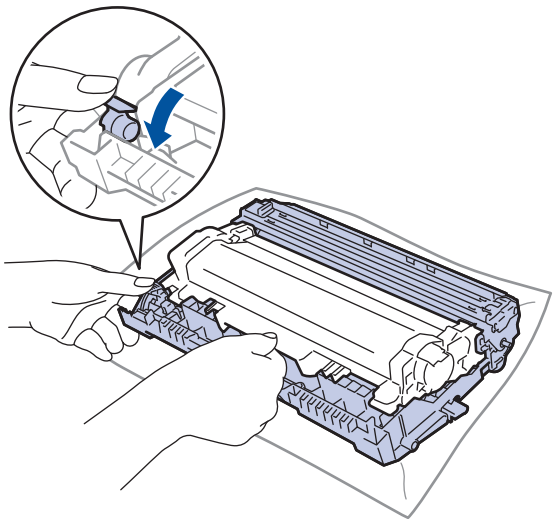




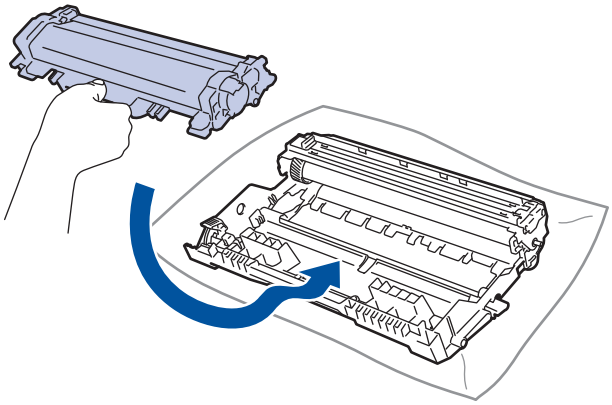
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống và lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực.

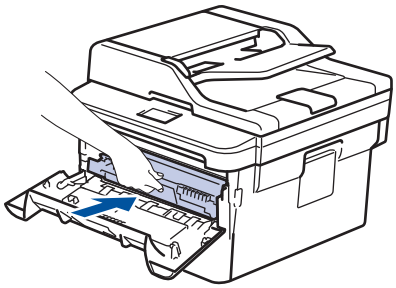


5. Mở bao bì bộ trống mới.
6. Đẩy mạnh hộp mực vào bộ trống mực mới cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



8. Đóng nắp phía trước của máy.
9. Đặt lại bộ đếm của bộ trống mực.

Để biết thêm thông tin về cách đặt lại bộ đếm của bộ trống mực, hãy xem *Cách Thay Bộ Trống Từ*.

LƯU Ý

- Hao mòn trống mực xảy ra do việc sử dụng, quay trống mực và tương tác với giấy, mực in và các vật liệu khác trong đường dẫn giấy. Khi thiết kế sản phẩm này, Fuji Xerox đã quyết định sử dụng số lần quay trống mực làm yếu tố hợp lý để xác định tuổi thọ trống mực. Khi trống mực đạt đến giới hạn quay do nhà máy thiết lập tương ứng với sản lượng trang định mức, màn hình LCD của sản phẩm sẽ khuyên bạn nên thay trống mực. Sản phẩm sẽ tiếp tục hoạt động; tuy nhiên, chất lượng in có thể không được tối ưu.
- Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng.
- Có nhiều yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, như nhiệt độ, độ ẩm, loại giấy, loại mực in được sử dụng, v.v... Trong điều kiện lý tưởng, tuổi thọ trung bình của trống mực được ước tính khoảng 12.000 trang (dựa trên 1 trang mỗi tác vụ [trang đơn A4/Letter]. Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại giấy và kích thước giấy.

  Vì chúng tôi không kiểm soát được các yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, chúng tôi không thể đảm bảo số lượng trang tối thiểu mà trống mực của bạn sẽ in được.
- Để có hiệu suất tốt nhất, chỉ sử dụng mực in chính hãng của Fuji Xerox.
- Chỉ nên sử dụng máy trong môi trường sạch sẽ, không có bụi, có đủ độ thông thoáng.
- In bằng bộ trống mực không phải của Fuji Xerox có thể không chỉ làm giảm chất lượng in mà còn cả chính chất lượng và tuổi thọ của máy. Phạm vi bảo hành không áp dụng cho các vấn đề xảy ra do sử dụng bộ trống mực không phải của Fuji Xerox.

Thông tin liên quan

- Thay thế vật tư.
- Cải thiện chất lượng in

Vệ sinh máy

Thường xuyên vệ sinh bên ngoài và bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

Khi bạn thay hộp mực hoặc bộ trống mực, hãy nhớ vệ sinh bên trong máy. Nếu các trang in bị rây mực in, hãy vệ sinh bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

⚠ CẢNH BÁO

- KHÔNG sử dụng các chất dễ cháy, bất kỳ loại chất xịt nào, hoặc dung môi/chất lỏng hữu cơ có chứa cồn hoặc amoniac để vệ sinh bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Làm như vậy có thể gây ra hỏa hoạn. Thay vào đó, chỉ sử dụng khăn khô, không có xơ.
- Khi vệ sinh sản phẩm này, hãy sử dụng chất làm sạch được chỉ định dành riêng cho nó. Các chất làm sạch khác có thể làm giảm hiệu suất của sản phẩm. Tuyệt đối không được sử dụng dung dịch vệ sinh để tránh bị cháy nổ.



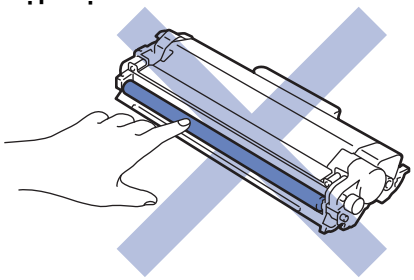
⚠ THẬN TRỌNG

- Khi vệ sinh sản phẩm này, luôn tắt và rút điện sản phẩm. Tiếp xúc với bộ phận bên trong máy có điện có thể bị điện giật.

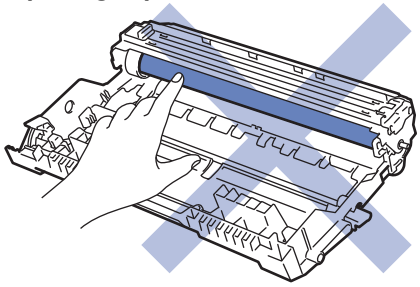
QUAN TRỌNG

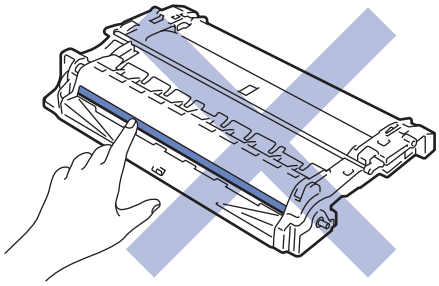
- KHÔNG sử dụng cồn isopropyl để lau vết bẩn trên bảng điều khiển. Việc này có thể làm nứt bảng điều khiển.
- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

Hộp mực



Bộ trống mực



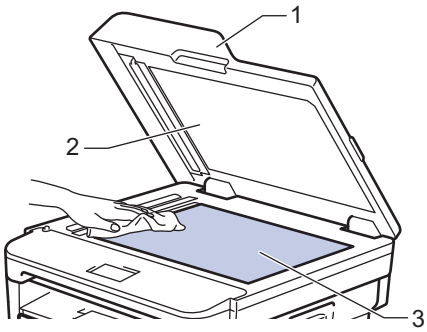


Thông tin liên quan

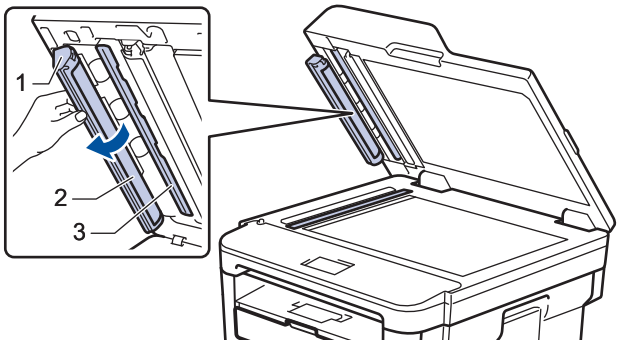
- Bảo trì thường lệ
- Vệ sinh máy quét
- Vệ sinh màn hình cảm ứng LCD
- Vệ sinh Dây Corona
- Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực
- Vệ sinh trục cuộn lấy giấy

Vệ sinh máy quét

1. Bấm và giữ để tắt máy.
2. Nâng nắp tài liệu (1) lên. Vệ sinh mặt nhựa trắng (2) và dải kính máy quét (3) nằm dưới mặt nhựa bằng khăn ẩm mềm không có xơ.



3. (DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z) Mở nắp kính máy quét (1), rồi làm sạch thanh trắng còn lại (2) và dải kính máy quét (3) .



4. Đóng nắp tài liệu.
5. Bấm để bật máy.

Thông tin liên quan

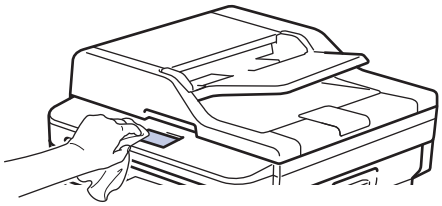
- Vệ sinh máy

Vệ sinh màn hình cảm ứng LCD

QUAN TRỌNG

KHÔNG sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa dạng lỏng nào (kể cả ethanol).

1. Bấm và giữ để tắt máy.
2. Vệ sinh màn hình cảm ứng bằng khăn khô, mềm, không có xơ.



3. Bấm để bật máy.

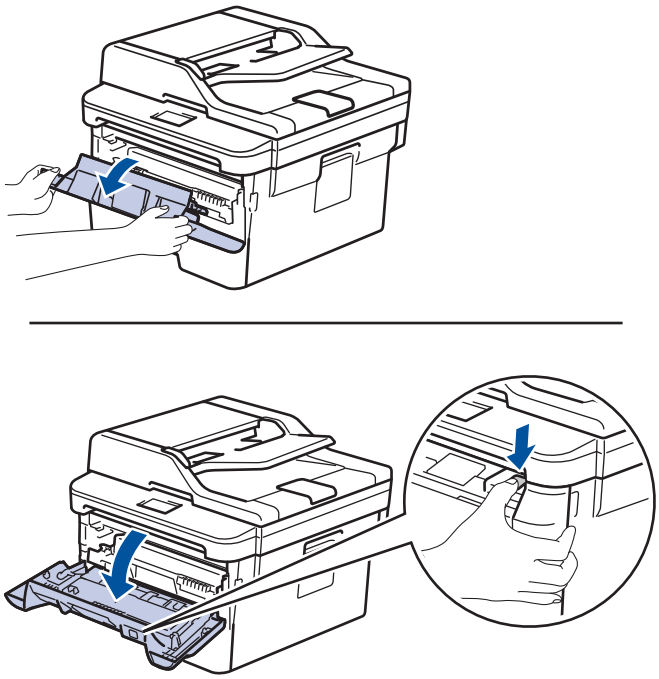
Thông tin liên quan

- Vệ sinh máy

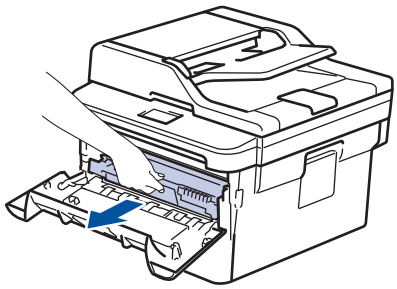
Vệ sinh Dây Corona

Nếu bạn gặp phải vấn đề về chất lượng in hoặc bảng điều khiển hiển thị trạng thái `[Drum! (Trống! )]`, hãy vệ sinh dây corona.

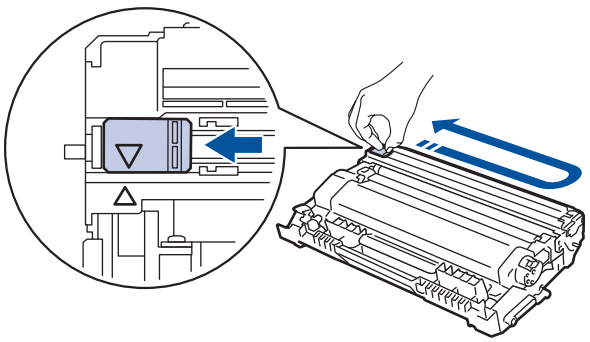
1. Mở nắp phía trước.



2. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.

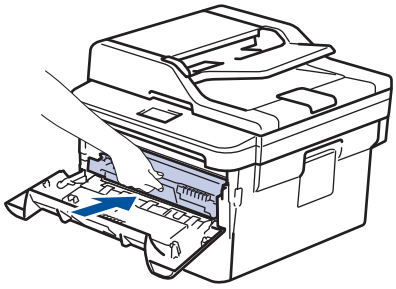


3. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

4. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



5. Đóng nắp phía trước của máy.

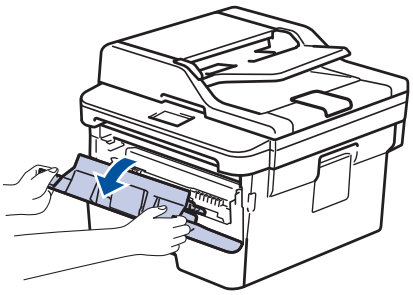
Thông tin liên quan

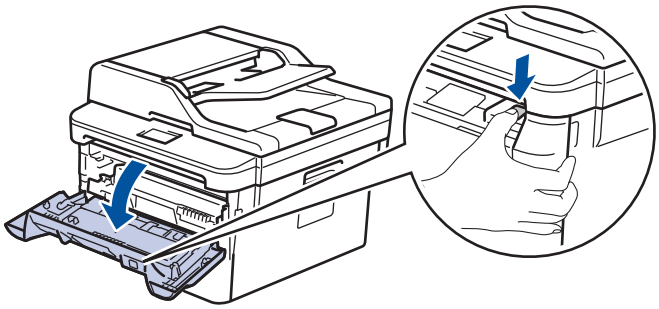
- Vệ sinh máy

Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực

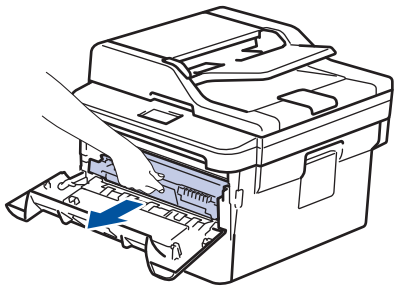
Nếu bản in ra có chấm hoặc dấu lặp lại khác cách quãng 94 mm, trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo dán từ nhãn bị mắc vào bề mặt trống mực.

1. Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ Sẵn sàng.
2. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Print Reports (In báo cáo)] > [Drum Dot Print (In đốm mực của trống mực)].
3. Bấm [Yes (Có)].
   Máy in Tờ kiểm tra đốm mực của trống mực
4. Bấm .
5. Bấm và giữ để tắt máy.
6. Mở nắp phía trước.

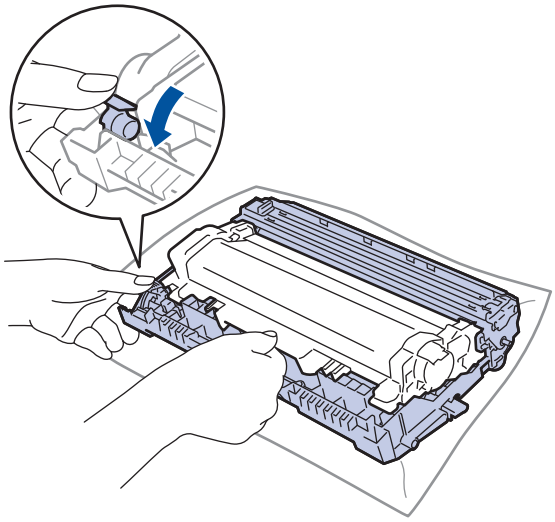




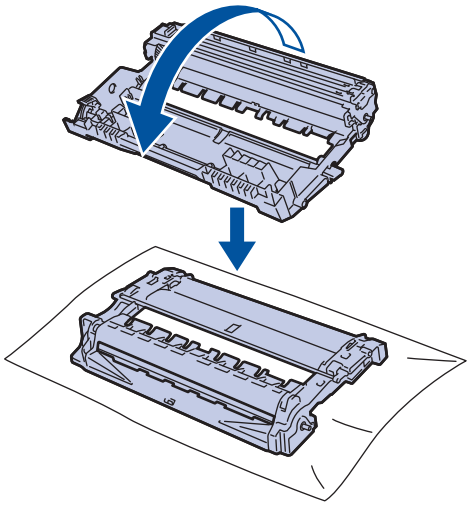
7. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



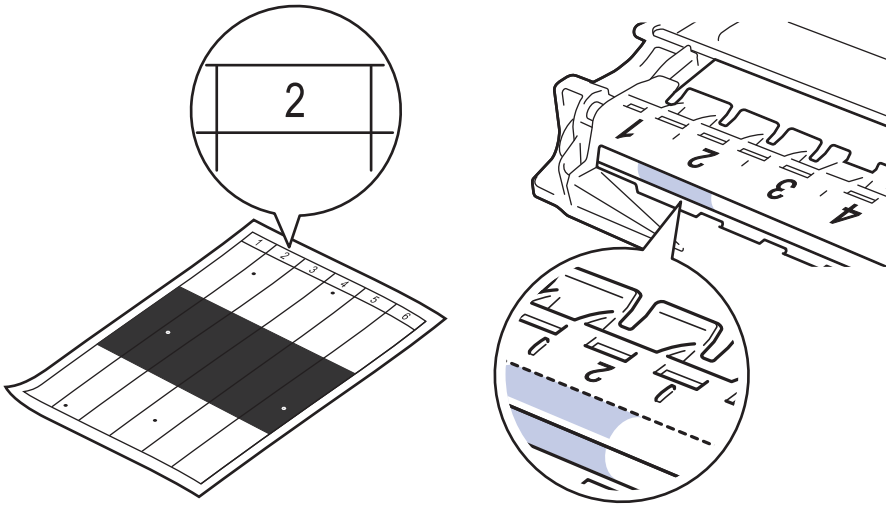
8. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống và lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực.



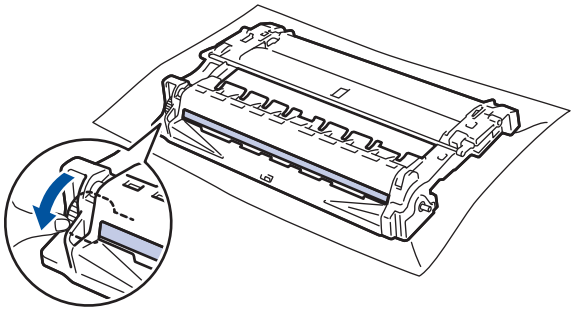
9. Xoay bộ trống mực như trong hình minh họa. Đảm bảo bánh răng của bộ trống mực ở bên trái.



10. Sử dụng các điểm đánh dấu được đánh số bên cạnh ống lăn của trống mực để tìm dấu vết trên trống mực. Ví dụ: một đốm mực trong cột 2 trên tờ kiểm tra có nghĩa là có một dấu vết trong vùng "2" của trống mực.



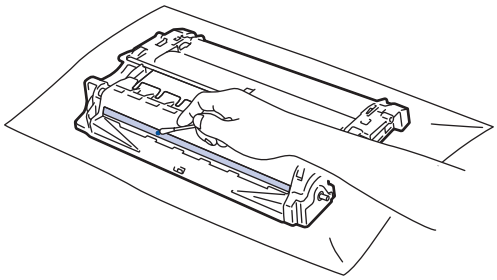
11. Xoay cạnh của bộ trống mực về phía bạn trong khi quan sát bề mặt trống mực để tìm dấu hiệu.



QUAN TRỌNG

- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào bề mặt của bộ trống mực, mà chỉ được chạm vào bánh răng ở đầu bộ trống mực.

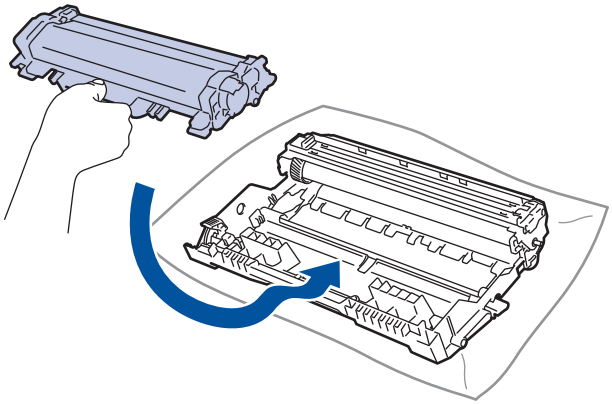
12. Nhẹ nhàng lau bề mặt trống mực bằng tăm bông khô cho đến khi không còn dấu vết hoặc vật lạ trên bề mặt.



LƯU Ý

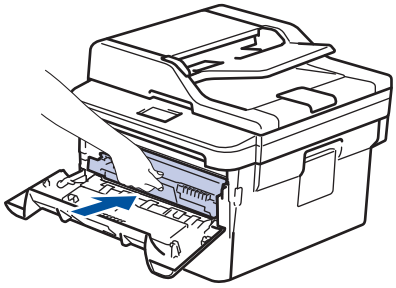
KHÔNG vệ sinh bề mặt của trống nhạy quang bằng vật sắc nhọn hoặc bất kỳ chất lỏng nào.

13. Đẩy mạnh hộp mực vào bộ trống mực cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

14. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



15. Đóng nắp phía trước của máy.
16. Bấm để bật máy.

Thông tin liên quan

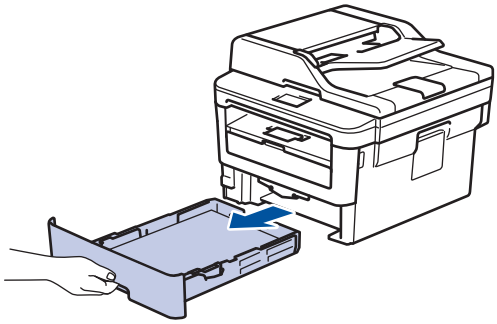
- Vệ sinh máy
- Cải thiện chất lượng in

Vệ sinh trục cuộn lấy giấy

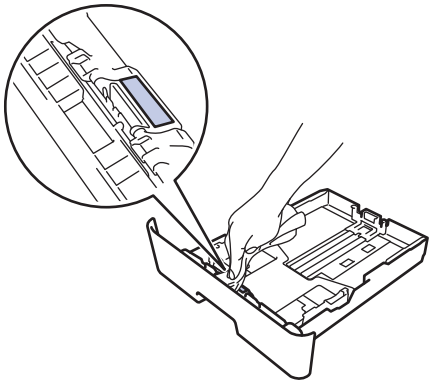
Vệ sinh ống lăn lấy giấy theo định kỳ có thể giúp ngăn ngừa tình trạng kẹt giấy bằng cách đảm bảo rằng giấy đã được nạp đúng.

Nếu bạn gặp vấn đề về nạp giấy, hãy vệ sinh trục cuộn lấy giấy như sau:

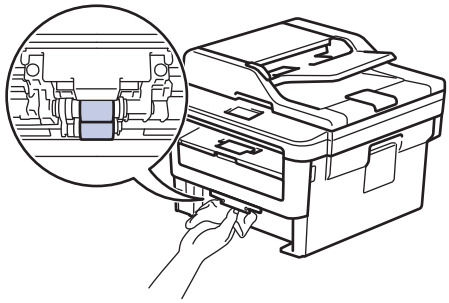
1. Bấm và giữ để tắt máy.
2. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



3. Nếu giấy được nạp hoặc có vật gì đó bị kẹt bên trong khay giấy, hãy lấy vật bị kẹt ra.
4. Vắt kiệt khăn không có xơ được ngâm trong nước ấm ấm, rồi lau miếng đệm của bộ phận chia tách trên khay giấy để loại bỏ bụi.



5. Lau hai trục cuộn lấy giấy bên trong máy để loại bỏ bụi.



6. Nạp lại giấy và lắp lại chắc chắn khay giấy vào máy.
7. Bấm để bật máy.

Thông tin liên quan

- Vệ sinh máy
- Vấn đề khi in

Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Machine Info. (Thông tin máy)] > [Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)].
2. Màn hình LCD hiển thị tuổi thọ còn lại ước chừng của trống mực.
3. Bấm .

Để hiển thị tuổi thọ ước chừng còn lại của hộp mực, bấm trên màn hình LCD.

Thông tin liên quan

- Bảo trì thường lệ

Thiết đặt máy

Cài đặt và các tính năng tùy chỉnh, tạo các phím tắt và thao tác với các tùy chọn được hiển thị trên màn hình LCD của máy để làm máy Fuji Xerox của bạn trở thành một công cụ làm việc hiệu quả hơn.

- Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển
- Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn

Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển

- Trong trường hợp mất điện (Lưu trữ bộ nhớ)
- Thiết đặt chung
- Lưu thiết đặt ưa thích của bạn dưới dạng lối tắt
- In báo cáo
- Bảng thiết đặt và tính năng

Trong trường hợp mất điện (Lưu trữ bộ nhớ)

Thiết đặt menu của bạn được lưu trữ vĩnh viễn và trong trường hợp mất điện, sẽ không bị xóa.Thiết đặt tạm thời (ví dụ: Độ tương phản, Chế độ nước ngoài) sẽ bị mất.

- Trong thời gian mất điện, máy sẽ lưu lại ngày và thời gian và tác vụ mà bộ định thời fax đã lập trình (ví dụ: Fax Trễ) trong khoảng 60 giờ. Các công việc fax khác trong bộ nhớ của máy sẽ không bị mất.

Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển

Thiết đặt chung

- Điều chỉnh âm lượng của máy
- Thay đổi theo Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày
- Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ
- Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu
- Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn
- Thiết đặt ngày và thời gian
- Thiết đặt múi giờ
- Điều chỉnh độ sáng của đèn nền LCD
- Thay đổi thời gian duy trì bật đèn nền của màn hình LCD
- Thiết đặt ID trạm của bạn
- Cài đặt Âm và Rung của Chế độ Quay số
- Giảm mức tiêu thụ mực
- Thiết đặt chế độ tiếp tục
- Tìm hiểu về tính năng Nhận Fax trong Chế độ Tiếp tục
- Thêm tiền tố vào mọi số fax
- Ngăn quay số nhầm số (Hạn chế quay số)
- Giảm tiếng ồn khi in
- Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

Điều chỉnh âm lượng của máy

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [Volume (Âm lượng)].
2. Bấm vào một trong các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
Ring (Chuông)	Điều chỉnh âm lượng đổ chuông.
Beep (Bíp)	Điều chỉnh âm lượng khi bạn bấm nút, thao tác sai hoặc sau khi bạn gửi hoặc nhận fax.
Speaker (Loa ngoài)	Điều chỉnh âm lượng loa.

3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Off (Tắt)], [Low (Thấp)], [Med (Trung bình)] hoặc [High (Cao)], rồi bấm vào tùy chọn mà bạn muốn.
4. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Thay đổi theo Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày

Bạn có thể đặt chương trình của máy thay đổi sang Thời gian Tiết kiệm Ánh sáng Ban ngày.

Để tiến một giờ hoặc lùi một giờ, chọn thiết đặt theo bảng sau. Đảm bảo bạn đã thiết đặt ngày và thời gian chính xác trong thiết đặt Ngày & thời gian.

Model áp dụng	Tiến 1 giờ	Lùi 1 giờ
Tất cả các model	To Summer Time (Theo giờ mùa hè)	To Winter Time (Theo giờ mùa đông)

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Date & Time (Ngày & Giờ)] > [Clock Change (Thay đổi đồng hồ)].
2. Bấm [To Summer Time (Theo giờ mùa hè)] hoặc [To Winter Time (Theo giờ mùa đông)].
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ

Thiết đặt Chế độ ngủ (hay Chế độ tiết kiệm điện) có thể giảm tiêu thụ điện năng. Khi ở Chế độ ngủ, máy hoạt động như thể đã tắt. Máy sẽ thức dậy và bắt đầu in khi nhận được công việc in hoặc fax. Sử dụng những hướng dẫn này để thiết đặt hẹn giờ (đếm ngược) trước khi máy vào Chế độ Ngủ.

- Bạn có thể chọn thời gian máy phải ở chế độ nghỉ trước khi máy đi vào Chế độ ngủ.
- Bộ hẹn giờ sẽ khởi động lại nếu thực hiện bất kỳ thao tác nào trên máy, chẳng hạn như nhận công việc in.

1. Bấm  [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [Ecology (Sinh thái)] > [Sleep Time (Thời gian ngủ)].
2. Nhập thời gian (tối đa 50 phút) máy sẽ duy trì ở chế độ nghỉ trước khi đi vào Chế độ ngủ, rồi bấm [OK].
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu

Nếu máy ở chế độ Ngủ và không nhận được bất kỳ lệnh nào trong một khoảng thời gian nhất định, máy sẽ tự động vào chế độ Ngủ sâu. Khoảng thời gian sẽ dựa trên dòng máy và thiết đặt cụ thể của bạn.

Chế độ Ngủ sâu sử dụng ít điện năng hơn chế độ Ngủ.

Model áp dụng	Bảng điều khiển của Máy ở Chế độ Ngủ sâu	Những điều kiện sẽ đánh thức máy
DocuPrint M275 z/ DocuPrint M285 z	Đèn nền của màn hình LCD tắt và đèn LED của nút nguồn sẽ sáng và mờ dần.	• Máy nhận được một lệnh. • Có người đã bấm ,  hoặc nhấn trên màn hình LCD cảm ứng.

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn

Nếu máy ở Chế độ ngủ sâu trong một khoảng thời gian nhất định thì tùy theo model và thiết đặt của bạn, máy sẽ tự động đi vào Chế độ tắt nguồn. Máy không nhập Chế độ Tắt Nguồn khi máy được kết nối với mạng hoặc đường dây điện thoại, hoặc có dữ liệu in bảo mật trong bộ nhớ (Chỉ có ở một số model nhất định).

- Để bắt đầu in, bấm trên bảng điều khiển, rồi gửi công việc in.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [Ecology (Sinh thái)] > [Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)].
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Off (Tắt)], [1 hour (1 giờ)], [2 hours (2 giờ)], [4 hours (4 giờ)] hoặc [8 hours (8 giờ)], rồi bấm vào tùy chọn bạn muốn.
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Thiết đặt ngày và thời gian

1. Bấm  [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Date & Time (Ngày & Giờ)] > [Date (Ngày)].
2. Nhập hai chữ số cuối của năm bằng màn hình LCD, rồi bấm [OK].
3. Nhập hai chữ số cho tháng bằng màn hình LCD, rồi bấm [OK].
4. Nhập hai chữ số cho ngày bằng màn hình LCD, rồi bấm [OK].
5. Bấm [Clock Type].
6. Bấm [12h Clock] hoặc [24h Clock].
7. Bấm [Time].
8. Để nhập thời gian, thực hiện một trong các thao tác sau:
   - Nếu bạn đã chọn [12h Clock] là định dạng trong thiết đặt [Clock Type], nhập thời gian (theo định dạng 12 giờ) bằng màn hình LCD.

     Bấm  để chọn [AM] hoặc [PM].

     Bấm [OK].
   - Nếu bạn chọn [24h Clock] là định dạng trong thiết đặt [Clock Type], nhập thời gian (theo định dạng 24 giờ) bằng màn hình LCD.

     Bấm [OK].

     (Ví dụ: nhập 19:45 nghĩa là 7:45 PM).
9. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Thiết đặt múi giờ

Thiết đặt múi giờ cho địa điểm của bạn trên máy.

1. Bấm  [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Date & Time (Ngày & Giờ)] > [Time Zone (Múi giờ)].
2. Nhập múi giờ của bạn.
3. Bấm [OK].
4. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Điều chỉnh độ sáng của đèn nền LCD

Nếu khó đọc chữ trên màn hình LCD, bạn có thể thay đổi thiết đặt độ sáng.

1. Bấm  [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [LCD Settings (Thiết đặt LCD)] > [Backlight (Đèn nền)].
2. Bấm vào tùy chọn [Light (Sáng)], [Med (Trung bình)] hoặc [Dark (Tối)].
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Thay đổi thời gian duy trì bật đèn nền của màn hình LCD

Đặt thời gian duy trì bật đèn nền của màn hình LCD.

1. Bấm  [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [LCD Settings (Thiết đặt LCD)] > [Dim Timer (Hẹn giờ tắt đèn nền)].
2. Bấm vào tùy chọn mà bạn muốn:
   - [10Secs (10 giây)]
   - [30Secs (30 giây)]
   - [1Min (1 phút)]
   - [2Mins (2 phút)]
   - [3Mins (3 phút)]
   - [5Mins (5 phút)]
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Thiết đặt ID trạm của bạn

Thiết đặt máy in ID trạm, ngày và thời gian fax ở đầu mỗi fax bạn gửi.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Station ID (ID trạm)] > [Fax].
2. Nhập số fax của bạn (tối đa 20 chữ số) bằng màn hình LCD, rồi bấm [OK].
3. Bấm [Tel (Điện thoại)].
4. Nhập số điện thoại của bạn (tối đa 20 chữ số) bằng màn hình LCD, rồi bấm [OK].
5. Bấm [Name (Tên)].
6. Nhập tên của bạn (tối đa 20 chữ số) bằng màn hình LCD, rồi bấm [OK].

- Bấm A 1 @ để chuyển đổi giữa chữ, số và ký tự đặc biệt. (Các ký tự có sẵn có thể thay đổi tùy theo quốc gia của bạn).
- Nếu bạn nhập sai ký tự, bấm ◀ hoặc ▶ để di chuyển con trỏ đến ký tự đó và bấm X. Bấm ký tự đúng.
- Để chèn khoảng trắng, bấm [Space (Không gian)].
- Thông tin thêm ➤➤ *Thông tin liên quan*

7. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung
- Cách nhập văn bản trên máy Fuji Xerox của bạn

Cài đặt Âm và Rung của Chế độ Quay số

Máy Fuji Xerox của bạn được thiết đặt cho dịch vụ quay số Âm. Nếu bạn có dịch vụ quay số Xung (xoay), bạn phải thay đổi chế độquay số.

Tính năng này không có ở một số quốc gia.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Tone/Pulse (Âm/Nhịp)].
2. Bấm [Tone (Âm)] hoặc [Pulse (Nhịp)].
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Giảm mức tiêu thụ mực

Sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in có thể làm giảm mức tiêu thụ mực. Khi tính năng Tiết kiệm Mực in được đặt thành bật, mực in trên tài liệu của bạn sẽ mờ hơn.

Chúng tôi KHÔNG khuyến nghị bạn sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in để in ảnh hoặc các hình ảnh thang đo màu xám.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [Ecology (Sinh thái)] > [Toner Save (Tiết kiệm mực)].
2. Bấm [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)].
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung
- Cải thiện chất lượng in

Thiết đặt chế độ tiếp tục

Chế độ Tiếp tục buộc máy phải tiếp tục in sau khi bảng điều khiển hiển thị Thay mực.

Máy sẽ tiếp tục in cho đến khi màn hình LCD hiển thị Hết mực.
Thiết đặt theo nhà máy là Dừng lại.

- Khi bảng điều khiển chỉ báo lỗi, bạn không thể thay đổi chế độ.
- Nếu bạn tiếp tục in ở Chế độ tiếp tục, chúng tôi không thể đảm bảo chất lượng in.
- Trong khi sử dụng Chế độ tiếp tục, bản in có thể trông nhạt màu.
- Sau khi thay hộp mực mới vào, Chế độ tiếp tục sẽ trở về thiết đặt mặc định (Dừng).

1. Bấm  [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [Replace Toner (Thay hộp mực)].
2. Bấm [Continue (Tiếp tục)] hoặc [Stop (Dừng)].
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Tìm hiểu về tính năng Nhận Fax trong Chế độ Tiếp tục

Máy có thể lưu trữ các bản fax nhận được trong bộ nhớ nếu bạn chọn Chế độ Tiếp tục khi màn hình LCD hiển thị Thay mực.

Khi fax đã nhận được in trong Chế độ tiếp tục, màn hình LCD sẽ hỏi liệu chất lượng in của fax có tốt không.

Nếu chất lượng không tốt, chọn Không. Máy sẽ lưu trữ fax này trong bộ nhớ để bạn có thể in lại sau khi bạn thay hộp mực mới vào. Nếu chất lượng in tốt, chọn Có. Màn hình LCD sẽ hỏi liệu bạn có muốn xóa fax đã in khỏi bộ nhớ không.

Nếu bạn chọn không xóa, bạn sẽ được hỏi lại sau khi thay hộp mực mới vào.

- Máy có thể lưu trữ lên đến 500 bản fax trong bộ nhớ.
- Máy sẽ lưu trữ fax trong Chế độ tiếp tục kể cả khi bạn thay đổi thiết đặt Tiếp tục thành Dừng.
- Nếu bạn lắp đặt hộp mực mới khi màn hình LCD hiển thị Hết mực, máy sẽ hỏi liệu bạn có muốn in fax được lưu trữ hay không. Chọn In để in fax được lưu trữ.

Hết mực trong Chế độ tiếp tục

Khi màn hình LCD hiển thị Hết mực, máy sẽ dừng việc in. Nếu bộ nhớ đầy và bạn muốn tiếp tục nhận fax, bạn phải lắp đặt hộp mực mới.

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Thêm tiền tố vào mọi số fax

Thiết đặt tiền tố quay số sẽ tự động quay số được xác định sẵn trước mỗi số fax bạn quay. Ví dụ: Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu số 9 để quay số bên ngoài, sử dụng thiết đặt này để tự động quay số 9 cho mọi bản fax bạn gửi.

- Sử dụng số và ký hiệu từ 0 đến 9, # và *. (Bạn không thể sử dụng ! với bất kỳ số hoặc ký hiệu nào khác.)
- Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu gọi lại ngắt định thời (hookflash), bấm ! trên màn hình LCD.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Dial Prefix (Tiền tố quay số)].
2. Bấm [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)].

Tùy chọn	Mô tả
On (Bật)	Để kích hoạt thiết đặt số tiền tố, chọn On (Bật). Nếu bạn đã chọn On (Bật), chuyển sang bước tiếp theo để thiết đặt số tiền tố.
Off (Tắt)	Để bỏ kích hoạt thiết đặt số tiền tố, chọn Off (Tắt). Nếu bạn đã chọn Off (Tắt), bấm để thoát.

3. Bấm [Dial Prefix (Tiền tố quay số)].
4. Nhập số tiền tố (tối đa 5 chữ số) bằng màn hình LCD, rồi bấm [OK].

Để thay đổi số tiền tố, bấm ◄ hoặc ► để định vị con trỏ chuột dưới chữ số cần xóa và bấm . Sau đó bấm chữ số đúng.
Lặp lại cho đến khi có được số tiền tố chính xác, rồi bấm [OK].

5. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Ngăn quay số nhầm số (Hạn chế quay số)

Tính năng này giúp người dùng tránh được việc vô tình gửi fax hoặc gọi nhầm số. Bạn có thể thiết đặt máy để hạn chế quay số khi bạn sử dụng bàn phím quay số, Sổ địa chỉ và Phím tắt.

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Fax] > [Dial Restriction (Giới hạn quay số)].
2. Bấm vào một trong các tùy chọn sau:
   - [Dial Pad (Bàn phím quay số)]
   - [Address Book (Danh bạ)]

   Nếu bạn kết hợp số trong Danh bạ khi đang quay số, địa chỉ sẽ được nhận biết là đầu vào của bàn phím số và sẽ không bị hạn chế.
   - [Shortcuts (Lối tắt)]
3. Bấm vào một trong các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Mô tả
Enter # Twice (Nhập # hai lần)	Máy sẽ nhắc bạn nhập lại số và sau đó nếu bạn nhập lại đúng cùng một số đó thì máy sẽ bắt đầu quay số. Nếu bạn nhập lại số sai, màn hình LCD sẽ hiển thị thông báo lỗi.
On (Bật)	Máy sẽ hạn chế tất cả các lần gửi fax và cuộc gọi ra ngoài đối với phương thức quay số đó.
Off (Tắt)	Máy không hạn chế phương thức quay số này.

   - Thiết đặt [Enter # Twice (Nhập # hai lần)] sẽ không hoạt động nếu bạn sử dụng điện thoại gắn ngoài hoặc bấm [Hook (Báo nhận)] trước khi nhập số. Bạn sẽ không được yêu cầu phải nhập lại số.
   - Nếu bạn chọn [On (Bật)] hoặc [Enter # Twice (Nhập # hai lần)], bạn không thể sử dụng tính năng Phát tin.
4. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Giảm tiếng ồn khi in

Thiết đặt Chế độ Im lặng có thể giúp làm giảm tiếng ồn khi in. Khi Chế độ Im lặng được bật, tốc độ in sẽ giảm xuống. Thiết đặt theo nhà máy là tắt.

1. Bấm  [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)] > [Ecology (Sinh thái)] > [Quiet Mode (Chế độ im lặng)].
2. Bấm [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)].
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

Thay đổi ngôn ngữ cho màn hình LCD nếu cần.

Tính năng này không có ở một số quốc gia.

1. Bấm  [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)] > [Local Language (Ngôn ngữ địa phương)].
2. Bấm vào ngôn ngữ của bạn.
3. Bấm .

Thông tin liên quan

- Thiết đặt chung

Lưu thiết đặt ưa thích của bạn dưới dạng lối tắt

- Thêm phím tắt
- Thay đổi hoặc Xóa phím tắt

Thêm phím tắt

Bạn có thể thêm các thiết đặt Fax, Sao chép hoặc Quét mà bạn sử dụng thường xuyên nhất bằng cách lưu chúng dưới dạng Phím tắt. Sau đó, bạn có thể bấm Phím tắt để sử dụng các thiết đặt này thay vì phải nhập lại bằng tay.

Một số menu Phím tắt không có sẵn tùy theo model của bạn.

Những hướng dẫn này mô tả cách thêm một Phím tắt Sao chép. Các bước để thêm một Phím tắt Fax hoặc Quét rất giống nhau.

1. Bấm (`[Shortcuts (Lối tắt)]`).
2. Bấm nút mà bạn chưa thêm Phím tắt.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị ,`[Copy (Bản sao)]`, và sau đó bấm `[Copy (Bản sao)]`.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị các thiết đặt có sẵn, và sau đó bấm vào thiết đặt mà bạn muốn thay đổi.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị các tùy chọn có sẵn cho thiết đặt đó, rồi bấm vào tùy chọn mà bạn muốn.
   Lặp lại hai bước này cho đến khi bạn đã chọn tất cả thiết đặt và tùy chọn mà bạn muốn, sau đó bấm `[OK]`.
6. Sau khi bạn đã hoàn tất thay đổi thiết đặt, bấm `[Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)]`.
7. Đọc và xác nhận danh sách thiết đặt bạn đã chọn được hiển thị, rồi bấm `[OK]`.
8. Nhập tên cho Lối tắt bằng màn hình LCD, rồi bấm `[OK]`.

Thông tin liên quan

- Lưu thiết đặt ưa thích của bạn dưới dạng lối tắt

Thay đổi hoặc Xóa phím tắt

1. Bấm ([Shortcuts (Lối tắt)]).
2. Bấm ◀ hoặc ▶ để hiển thị Lối tắt mà bạn muốn thay đổi.
3. Bấm vào Lối tắt mà bạn muốn thay đổi.

   Các thiết đặt cho Phím tắt mà bạn đã chọn sẽ xuất hiện.

Để xóa Phím tắt hoặc chỉnh sửa tên, hãy bấm và giữ Phím tắt cho đến khi tùy chọn xuất hiện, và sau đó thực hiện theo các menu trên màn hình.

4. Bấm [Options (Tùy chọn)].
5. Thay đổi thiết đặt cho Lối tắt nếu cần thiết.
6. Bấm [OK].
7. Sau khi hoàn tất, bấm [Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)].
8. Đọc và xác nhận danh sách thiết đặt bạn đã chọn được hiển thị, rồi bấm [OK].
9. Thực hiện một trong các thao tác sau:
   - Để ghi đè lên Lối tắt, bấm [Yes (Có)].
   - Nếu bạn không muốn ghi đè lên Lối tắt, bấm [No (Không)] để nhập tên Lối tắt mới.

     Nhập tên mới bằng màn hình LCD, rồi bấm [OK].

Để chỉnh sửa tên, giữ để xóa tên hiện tại.

Bấm [OK] để xác nhận.

Thông tin liên quan

- Lưu thiết đặt ưa thích của bạn dưới dạng lối tắt

In báo cáo

- Báo cáo
- In báo cáo

Báo cáo

Các báo cáo sau có sẵn:

Sự truyền tải(DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)

Báo cáo Truyền gửi sẽ in Báo cáo Xác minh Truyền gửi cho lần gửi gần nhất của bạn.

Sổ địa chỉ(DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)

Báo cáo Danh bạ in danh sách theo thứ tự bảng chữ cái tên và số được lưu trữ trong bộ nhớ Danh bạ.

Nhật ký fax(DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)

Nhật ký Fax sẽ in ra một danh sách thông tin về 200 bản fax đến và đi mới nhất của bạn. (TX có nghĩa là Truyền, RX có nghĩa là Nhận)

Thiết đặt người dùng

Báo cáo Thiết đặt người dùng in danh sách thiết đặt hiện tại của bạn.

Thiết đặt máy in

Báo cáo Thiết đặt máy in sẽ in danh sách thiết đặt máy in hiện tại của bạn.

Cấu hình mạng (Các model có chức năng mạng)

Cấu hình mạng in danh sách thiết đặt mạng hiện tại của bạn.

Danh sách tệp tin cần in

Danh sách tệp tin cần in sẽ in danh sách phông chữ và macro được lưu trong máy.

In đốm mực của trống mực

Tính năng In đốm mực của trống mực sẽ in tờ đốm mực của trống mực, việc này rất hữu ích khi cần phải vệ sinh bộ trống mực.

Báo cáo WLAN (Các model có chức năng mạng không dây)

Báo cáo WLAN sẽ in chẩn đoán kết nối mạng LAN không dây.

Thông tin liên quan

- In báo cáo

In báo cáo

1. Bấm [Settings (Thiết đặt)] > [All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Print Reports (In báo cáo)].
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị báo cáo mà bạn muốn in, rồi bấm vào đó.
3. Thực hiện một trong các thao tác sau:
   - Nếu bạn chọn [XMIT Verify], thực hiện một trong các thao tác sau:
     - Để xem Báo cáo xác nhận truyền, bấm [View on LCD (Xem trên LCD)].
     - Để in Báo cáo xác nhận truyền, bấm [Print Report (In báo cáo)].
   - Nếu bạn chọn báo cáo khác, chuyển sang bước tiếp theo.
4. Bấm [Yes (Có)].
5. Bấm .

Thông tin liên quan

- In báo cáo

Bảng thiết đặt và tính năng

Bảng Thiết đặt sẽ giúp bạn hiểu lựa chọn và tùy chọn menu có trong chương trình của máy.

- Bảng thiết đặt (DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)
- Bảng tính năng (DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)

Bảng thiết đặt (DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)

([Settings (Thiết đặt)])

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Toner (Hộp mực)	**Toner Life (Tuổi thọ hộp mực)**	Xem tuổi thọ mực in còn lại ước chừng.
	Test Print (In thử)	In trang kiểm tra.
Network (Mạng)	**Wired LAN (LAN có dây)**	Truy cập menu thiết đặt LAN có dây.
	WLAN	Truy cập menu thiết đặt WLAN.
Tray Setting (Thiết đặt khay) (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)	**Paper Type (Loại giấy)**	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.
	Paper Size (Khổ giấy)	Thiết đặt khổ giấy trong khay giấy.
	Check Size (Kiểm tra cỡ)	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra xem khổ và loại giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy của máy có phù hợp không.
Tray Setting (Thiết đặt khay) (Dành cho các model có Khay MP)	**Paper Type (Loại giấy)**	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.
	Paper Size (Khổ giấy)	Thiết đặt khổ giấy trong khay giấy.
	Check Size (Kiểm tra cỡ)	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra xem khổ và loại giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy của máy có phù hợp không.
	Tray Use (Sử dụng Khay): Copy (Sao chép) (Chỉ có ở một số model nhất định)	Chọn khay sẽ được sử dụng cho Sao chép.
	Tray Use (Sử dụng Khay): Fax (Chỉ có ở một số model nhất định)	Chọn khay sẽ được sử dụng cho Fax.
	Tray Use (Sử dụng Khay): Print (In) (Chỉ có ở một số model nhất định)	Chọn khay giấy được sử dụng để In.
Wi-Fi Direct (Chuyển hướng Wi-Fi)	-	Truy cập menu thiết đặt Wi-Fi Direct.
Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)	-	Bật cài đặt máy sau cùng cùng lúc. • 2-sided Print:Long Edge (In 2 mặt: Cạnh dài) (Chỉ có ở một số model nhất định) • Sleep Time:0Min (Thời gian Chờ: 0 phút) • Dim Timer (Hẹn giờ tắt đèn nền): 10Secs (10giây)
All Settings (Tất cả thiết đặt)	-	Cấu hình thiết đặt chi tiết.

[All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [General Setup (Cài đặt chung)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Tray Setting (Thiết đặt khay) (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)	**Paper Type (Loại giấy)**	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.
	Paper Size (Khổ giấy)	Thiết đặt khổ giấy trong khay giấy.
	Check Size (Kiểm tra cỡ)	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra xem khổ và loại giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy của máy có phù hợp không.
Tray Setting (Thiết đặt khay) (Dành cho các model có Khay MP)	**Paper Type (Loại giấy)**	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.
	Paper Size (Khổ giấy)	Thiết đặt khổ giấy trong khay giấy.
	Check Size (Kiểm tra cỡ)	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra xem khổ và loại giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy của máy có phù hợp không.
	Tray Use (Sử dụng Khay): Copy (Sao chép) (Chỉ có ở một số model nhất định)	Chọn khay sẽ được sử dụng cho Sao chép.
	Tray Use (Sử dụng Khay): Fax (Chỉ có ở một số model nhất định)	Chọn khay sẽ được sử dụng cho Fax.
	Tray Use (Sử dụng Khay): Print (In) (Chỉ có ở một số model nhất định)	Chọn khay giấy được sử dụng để In.
Volume (Âm lượng)	**Ring (Chuông)**	Điều chỉnh âm lượng chuông.
	Beep (Bíp)	Điều chỉnh âm lượng tiếng bíp.
	Speaker (Loa ngoài)	Điều chỉnh âm lượng loa.
LCD Settings (Thiết đặt LCD)	**Backlight (Đèn nền)**	Điều chỉnh độ sáng đèn nền của màn hình LCD.
	Dim Timer (Hẹn giờ tắt đèn nền)	Thiết đặt thời gian duy trì bật đèn nền của màn hình LCD sau khi bạn trở về màn hình Trang chủ.
Screen Settings (Cài đặt màn hình)	**Scan Screen (Màn hình Quét)**	Thiết đặt cài đặt màn hình Quét mặc định.
Ecology (Sinh thái)	**Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)**	Bật cài đặt máy sau cùng cùng lúc. • 2-sided Print:Long Edge (In 2 mặt: Cạnh dài)(Chỉ có ở một số model nhất định) • Sleep Time:0Min (Thời gian Chờ: 0 phút) • Dim Timer (Hẹn giờ tắt đèn nền):10Secs (10giây)
	Toner Save (Tiết kiệm mực)	Tăng sản lượng trang của hộp mực.
	Sleep Time (Thời gian ngủ)	Thiết đặt số phút trước khi máy nhập Chế độ ngủ.
	Quiet Mode (Chế độ im lặng)	Giảm tiếng ồn khi in.

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Ecology (Sinh thái)	Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)	Thiết đặt số giờ mà máy sẽ duy trì ở chế độ Ngủ Sâu trước khi đi vào chế độ Tắt Nguồn. Chọn Off (Tắt) nếu bạn không muốn máy truy cập chế độ Tắt Nguồn.
Setting Lock (Khóa thiết đặt)	Set Password (Đặt mật khẩu)	Giới hạn người dùng không được ủy quyền thay đổi cài đặt máy.
	Lock Off=>On (Tắt=>Bật khóa)	
Replace Toner (Thay hộp mực)	-	Thiết đặt máy tiếp tục in sau khi màn hình LCD hiển thị Replace Toner (Thay hộp mực).

[All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Shortcut Settings (Thiết đặt lối tắt)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
(Chọn nút lối tắt.)	Edit Shortcut Name (Chỉnh sửa tên lối tắt)	Thay đổi tên lối tắt.
	Edit (Chỉnh sửa)	Thay đổi cài đặt phím tắt.
	Delete (Xóa)	Xóa lối tắt.

[All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Fax]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Setup Receive (Cài đặt nhận)	Receive Mode (Chế độ nhận)	-	Chọn Chế độ nhận phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
	Ring Delay (Số lần đổ chuông)	-	Thiết đặt số lần đổ chuông trước khi máy trả lời ở chế độ Fax hoặc Fax/Tel.
	F/T Ring Time (Thời gian đổ chuông F/T)	-	Thiết đặt độ dài của thời gian đổ chuông giả/kép trong chế độ Fax/Tel.
	Fax Preview (Xem trước fax)	-	Xem các bản fax đã nhận trên màn hình LCD.
	Fax Detect (Phát hiện fax)	-	Nhận thông báo fax tự động khi bạn trả lời cuộc gọi và nghe tín hiệu fax.
	Remote Codes (Mã từ xa)	-	Trả lời các cuộc gọi bằng số máy lẻ hoặc điện thoại bên ngoài và sử dụng các mã để bật hoặc tắt Mã Từ xa. Bạn có thể cá nhân hóa các mã.
	Auto Reduction (Tự động giảm)	-	Giảm khổ fax đến.
	PC Fax Receive (Nhận fax máy tính)	-	Thiết đặt máy để gửi fax đến máy tính của bạn. Bạn có thể bật tính năng an toàn In sao lưu.
	Memory Receive (Nhận bộ nhớ)	-	Thiết đặt máy để chuyển tiếp thông báo fax hoặc lưu trữ các bản fax đến vào bộ nhớ (để bạn có thể truy xuất các bản fax này trong khi bạn không ở gần máy của mình). Nếu bạn chọn Chuyển tiếp fax, bạn có thể bật tính năng an toàn In sao lưu.
	Fax Rx Stamp (Nhãn fax nhận)	-	In ngày và giờ nhận trên đầu các bản fax đã nhận.
	2-sided (2 mặt)	-	In fax đã nhận trên cả hai mặt giấy.
Setup Send (Cài đặt gửi)	Coverpage Message (Thông báo trang bìa)	-	Cài đặt bình luận của chính bạn cho trang bìa fax.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Setup Send (Cài đặt gửi)	Auto Redial (Tự động quay số lại)	-	Thiết đặt máy để quay lại số fax gần nhất sau năm phút, nếu không gửi được fax vì đường dây bận.
	Destination (Đích)	-	Thiết đặt máy để hiển thị thông tin đích trên màn hình LCD trong khi quay số fax.
Report Setting (Thiết đặt báo cáo)	Transmission (Truyền)	-	Chọn cài đặt ban đầu cho Báo cáo xác nhận truyền.
	Journal Period (Quãng in nhật ký)	Journal Period (Quãng in nhật ký)	Thiết đặt khoảng cách in tự động của Fax Journal. Nếu bạn chọn một tùy chọn, thay vì Tắt và 50 Bản fax Mỗi lần, bạn có thể đặt thời gian cho tùy chọn này. Nếu bạn chọn 7 Ngày Mỗi lần, bạn có thể đặt ngày trong tuần.
		Time (Giờ)	Nếu bạn chọn một tùy chọn, thay vì Tắt và 50 Bản fax Mỗi lần, bạn có thể đặt thời gian cho tùy chọn này. Nếu bạn chọn 7 Ngày Mỗi lần, bạn có thể đặt ngày trong tuần.
		Day (Thứ)	Nếu bạn chọn 7 Ngày Mỗi lần, bạn có thể đặt ngày trong tuần.
Print Document (In tài liệu)	-	-	In các bản fax đã nhận được lưu trữ trong bộ nhớ của máy.
Remote Access (Truy cập từ xa)	-	-	Thiết đặt mã của riêng bạn cho Gọi ra từ xa.
Dial Restriction (Giới hạn quay số)	Dial Pad (Bàn phím quay số)	-	Thiết đặt máy hạn chế quay số khi sử dụng bàn phím quay số.
	Address Book (Danh bạ)	-	Thiết đặt máy hạn chế quay số khi sử dụng Danh bạ.
	Shortcuts (Lối tắt)	-	Thiết đặt máy hạn chế quay số khi sử dụng Lối tắt.
Remaining Jobs (Công việc còn lại)	-	-	Kiểm tra tác vụ đã được đặt lịch nào có trong bộ nhớ của máy và hủy bỏ tác vụ đã chọn.

[All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Printer (Máy in)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Emulation (Trạng thái)	-	-	Chọn chế độ mô phỏng.
Print Options (Tùy chọn in)	Font List (Danh sách phông chữ)	PCL emulation	In danh sách font bên trong của máy.
		PS3 emulation	
	Test Print (In thử)	-	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt)	2-sided Print (In 2 mặt)	-	Bật hoặc vô hiệu in 2 mặt và chọn cạnh dài hoặc cạnh ngắn.
	Single Image (Một ảnh)	-	Đối với một tác vụ in khi trang cuối là hình ảnh 1 mặt, chọn tuỳ chọn 1-sided Feed (Nạp giấy 1 mặt) để giảm thời gian in.
Auto Continue (Tiếp tục tự động)	-	-	Chọn cài đặt này nếu bạn muốn máy xóa bỏ các lỗi về khổ giấy và sử dụng giấy trong khay.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Tray Command (Lệnh đến khay)	-	-	Chọn đúng phiên bản mô phỏng khay HP LaserJet.
Reset Printer (Đặt lại máy in)	-	-	Khôi phục tất cả các thiết đặt máy in về thiết đặt theo nhà máy.

[All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Network (Mạng)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây)	TCP/IP	BOOT Method (Phương thức KHỞI ĐỘNG)	-	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nút. (tối đa 32 ký tự)
		WINS Configuration (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS thứ cấp.
		APIPA	-	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.
		IPv6	-	Bật hoặt tắt giao thức IPv6.
	Ethernet	-	-	Chọn chế độ liên kết Ethernet.
	Wired Status (Trạng thái có dây)	-	-	Xem trạng thái nối dây hiện tại.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Xem địa chỉ MAC của máy.
	Set to Default (Đặt về mặc định)	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng có dây về cài đặt của nhà máy.
	Wired Enable (Bật kết nối có dây)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện LAN có dây theo cách thủ công.
WLAN	TCP/IP	BOOT Method (Phương thức KHỞI ĐỘNG)	-	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
WLAN	TCP/IP	Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nút. (tối đa 32 ký tự)
		WINS Configuration (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS thứ cấp.
		APIPA	-	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.
		IPv6	-	Bật hoặt tắt giao thức IPv6.
	Setup Wizard (Cài đặt tiện ích)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng tay.
	WLAN Assistant (Hỗ trợ WLAN)	-	-	Cấu hình cài đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng đĩa cài đặt của Fuji Xerox.
	WPS	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng phương pháp bấm một nút.
	WPS w/ PIN Code (WPS có mã PIN)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng WPS với PIN.
	WLAN Status (Trạng thái WLAN)	Status (Trạng thái)	-	Xem trạng thái mạng không dây hiện tại.
		Signal (Tín hiệu)	-	Xem cường độ tín hiệu mạng không dây hiện tại.
		SSID	-	Xem SSID hiện tại.
		Comm. Mode (Chế độ liên lạc)	-	Xem Chế độ liên lạc hiện tại.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Xem địa chỉ MAC của máy.
	Set to Default (Đặt về mặc định)	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng không dây về cài đặt của nhà máy.
	WLAN Enable (Bật WLAN)	-	-	Bạt kết nối mạng không dây.
Wi-Fi Direct (Chuyển hướng Wi-Fi)	Push Button (Nút nhấn)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wi-Fi Direct (Chuyển hướng Wi-Fi)	PIN Code (Mã PIN)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.
	Manual (Bằng tay)	-	-	Cấu hình cài đặng mạng Wi-Fi Direct thủ công.
	Group Owner (Chủ nhóm)	-	-	Thiết đặt máy của bạn là Chủ sở hữu nhóm.
	Device Information (Thông tin thiết bị)	Device Name (Tên thiết bị)	-	Xem tên thiết bị của máy.
		SSID	-	Xem SSID của Chủ sở hữu nhóm. Khi máy không được kết nối, màn hình LCD hiển thị Không Kết nối.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Xem địa chỉ IP hiện tại của máy.
	Status Information (Thông tin trạng thái)	Status (Trạng thái)	-	Xem trạng thái mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
		Signal (Tín hiệu)	-	Xem cường độ tín hiệu mạng Wi-Fi Direct hiện tại. Khi máy của bạn đóng vai trò Chủ sở hữu nhóm, màn hình LCD luôn chỉ báo tín hiệu mạnh.
	I/F Enable (I/F bật)	-	-	Bật hoặc tắt kết nối Wi-Fi Direct.
NFC (Chỉ có ở một số model nhất định)	-	-	-	Bật hoặc tắt chức năng NFC.
Network Reset (Đặt lại mạng)	-	-	-	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt theo nhà máy.

[All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Print Reports (In báo cáo)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Transmission (Truyền)	View on LCD (Xem trên LCD)	Hiển thị Báo cáo Xác nhận Truyền của lần truyền cuối cùng.
	Print Report (In báo cáo)	In Báo cáo Xác nhận Truyền của lần truyền cuối cùng.
Address Book (Danh bạ)	-	In danh sách tên và số được lưu trữ trong Danh bạ.
Fax Journal (Nhật ký fax)	-	In danh sách thông tin về 200 fax đến và gửi đi gần nhất của bạn. (TX nghĩa là Truyền. RX nghĩa là Nhận).
User Settings (Thiết đặt người dùng)	-	In danh sách thiết đặt của bạn.
Printer Settings (Thiết đặt máy in)	-	In danh sách thiết đặt Máy in của bạn.
Network Configuration (Cấu hình mạng)	-	In danh sách thiết đặt Mạng của bạn.

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Print File List (In danh sách tệp)	-	In một danh sách dữ liệu đã lưu trong bộ nhớ máy.
Drum Dot Print (In đốm mực của trống mực)	-	In tờ kiểm tra chấm trên trống mực.
WLAN Report (Báo cáo WLAN) (Đối với các model có chức năng mạng không dây)	-	In kết quả kết nối LAN không dây.

[All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Machine Info. (Thông tin máy)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Serial No. (Số sêri)	-	Kiểm tra số sê-ri máy của bạn.
Firmware Version (Phiên bản phần sụn)	**Main Version (Phiên bản chính)**	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
	Sub1 Version (Phiên bản phụ 1)	
Page Counter (Bộ đếm số trang)	**Total (Tổng)**	Kiểm tra tổng số trang mà máy đã in.
	Fax	
	Copy (Bản sao)	
	Print (In)	
	Other (Khác)	
Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)	**Drum (Trống)**	Kiểm tra tỷ lệ phần trăm tuổi thọ của vật tư còn sử dụng được.

[All Settings (Tất cả thiết đặt)] > [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Date & Time (Ngày & Giờ)	**Date (Ngày)**	Thêm ngày và thời gian trên màn hình và trong tiêu đề của fax bạn gửi.
	Time (Giờ)	
	Clock Type (Loại đồng hồ)	Chọn định dạng thời gian (12 giờ hoặc 24 giờ).
	Time Zone (Múi giờ)	Thiết đặt múi giờ của bạn.
Station ID (ID trạm)	**Fax**	Nhập tên và số fax của bạn để nó xuất hiện trên mỗi trang bạn fax.
	Tel (Điện thoại)	
	Name (Tên)	
Tone/Pulse (Âm/Nhịp)	-	Chọn chế độ đang quay số.
Dial Tone (Âm quay số)	-	Rút ngắn khoảng tạm dừng dò âm quay số.
Dial Prefix (Tiền tố quay số)	-	Thiết đặt số tiền tố được đặt trước số fax mỗi lần bạn quay số.
Compatibility (Khả năng tương thích)	-	Điều chỉnh sự cân bằng cho các khó khăn truyền tải. Nhà cung cấp dịch vụ VoIP cung cấp sự hỗ trợ fax bằng cách sử dụng các tiêu chuẩn khác nhau. Nếu bạn thường gặp phải các lỗi truyền fax, hãy chọn Basic (đối với VoIP).
Reset (Đặt lại)	**Machine Reset (Đặt lại máy)**	Khôi phục toàn bộ cài đặt của máy mà bạn đã thay đổi.
	Network Reset (Đặt lại mạng)	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt theo nhà máy.

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Reset (Đặt lại)	**Address Book & Fax (Danh bạ & Fax)**	Xóa tất cả các số điện thoại và thiết đặt fax được lưu trữ.
	All Settings (Tất cả thiết đặt)	Khôi phục tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt theo nhà máy.
	Factory Reset (Đặt về thiết đặt mặc định)	Khôi phục tất cả thiết đặt về thiết đặt theo nhà máy.
Local Language (Ngôn ngữ địa phương) (Chỉ có sẵn đối với một số quốc gia).	-	Thay đổi ngôn ngữ cho màn hình LCD của bạn.

Thông tin liên quan

- Bảng thiết đặt và tính năng

Bảng tính năng (DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)



[Fax]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Redial (Quay số lại)(Pause (Tạm dừng))	-	-	-	Quay lại số được gọi gần nhất. Khi bạn nhập số fax hoặc số điện thoại trên bảng điều khiển cảm ứng, tính năng Quay số lại thay đổi thành Tạm dừng trên màn hình LCD. Bấm Tạm dừng khi bạn cần thời gian trễ khi quay số, như mã truy cập và số thẻ tín dụng. Bạn cũng có thể lưu tính năng tạm dừng khi bạn thiết lập các địa chỉ.
Hook (Báo nhận)	-	-	-	Bấm trước khi quay số nếu bạn muốn nghe để đảm bảo là máy fax đã trả lời, rồi bấm Fax Start (Bắt đầu Fax).
Address Book	 (**Search: (Tìm kiếm:)**)	-	-	Tìm kiếm trong Danh bạ.
	Edit (Chỉnh sửa)	-	-	Lưu trữ số trong Danh bạ, cài đặt số theo Nhóm để Quảng bá, thay đổi và xóa số trong Danh bạ.
	-	**Apply (Áp dụng)**	-	Bắt đầu gửi fax bằng cách sử dụng Danh bạ.
Call History (Lịch sử cuộc gọi) (Đối với một số quốc gia, **Outgoing Call (Cuộc gọi đi)**)	**Outgoing Call (Cuộc gọi đi)**	(Chọn Cuộc gọi đi)	**Edit (Chỉnh sửa)**	Chọn số từ lịch sử Cuộc gọi đi rồi gửi fax đến số đó, thêm số đó vào Danh bạ hoặc xóa số đó.
			Apply (Áp dụng)	
Fax Start (Bắt đầu fax)	-	-	-	Gửi fax.
Options (Tùy chọn)	**Fax Resolution (Độ phân giải fax)**	-	-	Thiết đặt độ phân giải cho fax gửi đi.
	Contrast (Độ tương phản)	-	-	Điều chỉnh độ tương phản.
	2-sided Fax (Fax 2 mặt) (Dành cho các model quét 2 mặt tự động)	-	-	Thiết đặt định dạng quét 2 mặt.
	Glass Scan Size (Kích thước quét kính)	-	-	Điều chỉnh vùng quét của kính máy quét để vừa với khổ tài liệu.
	Broadcasting (Phát tin)	**Add Number (Thêm số)**	**Add Number (Thêm số)**	Gửi cùng một thông báo fax đến nhiều số fax.
			Add from Address	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Options (Tùy chọn)	Broadcasting (Phát tin)	Add Number (Thêm số)	book (Thêm từ Danh bạ)	Gửi cùng một thông báo fax đến nhiều số fax.
			Search in Address book (Tìm kiếm trong Danh bạ)	
	Delayed Fax (Fax bị trễ)	Delayed Fax (Fax bị trễ)	-	Thiết đặt thời gian trong ngày mà fax gửi trễ sẽ được gửi đi.
		Set Time (Đặt giờ)	-	
	Real Time TX (Gửi fax thời gian thực)	-	-	Gửi fax mà không sử dụng bộ nhớ.
	Coverpage Setup (Cài đặt trang bìa)	Coverpage Setup (Cài đặt trang bìa)	-	Thiết đặt máy để tự động gửi một trang bìa mà bạn đã lập trình trước.
		Coverpage Message (Thông báo trang bìa)	-	
		Total Pages (Tổng số trang)	-	
	Overseas Mode (Chế độ nước ngoài)	-	-	Thiết đặt thành Bật nếu bạn gặp khó khăn khi gửi fax ra nước ngoài.
	Call History (Lịch sử cuộc gọi)	Outgoing Call (Cuộc gọi đi)	-	Chọn số từ lịch sử Cuộc gọi đi rồi gửi fax đến số đó, thêm số đó vào Danh bạ hoặc xóa số đó.
		Caller ID History (Lịch sử ID người gọi)	-	Chọn một số từ Lịch sử ID Người gọi, rồi gửi một bản fax đến số đó, thêm nó vào Danh bạ hoặc xóa bỏ nó.
	Address Book (Danh bạ)	 (Search: (Tìm kiếm:))	-	Tìm kiếm trong Danh bạ.
		Edit (Chỉnh sửa)	-	Lưu trữ số trong Danh bạ, cài đặt số theo Nhóm để Quảng bá, thay đổi và xóa số trong Danh bạ.
	Set New Default (Đặt mặc định mới)	-	-	Lưu thiết đặt của bạn làm mặc định.
	Factory Reset (Đặt về thiết đặt mặc định)	-	-	Khôi phục tất cả thiết đặt về thiết đặt theo nhà máy.
Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)	-	-	-	Lưu thiết đặt hiện tại làm lối tắt.

[Copy (Bản sao)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Start (Bắt đầu)	-	-	Tạo một bản sao thang đo màu đơn sắc hoặc màu xám.
Options (Tùy chọn)	Enlarge/Reduce (Phóng to/Thu nhỏ)	100%	-
		Enlarge (Phóng to)	Chọn tỉ lệ phóng to cho bản sao tiếp theo.
		Reduce (Thu nhỏ)	Chọn tỉ lệ thu nhỏ cho bản sao tiếp theo.
		Auto (Tự động)	Điều chỉnh khổ bản sao theo khổ giấy bạn đã thiết đặt.
		Custom(25-400%) (Tùy chỉnh(25-400%))	Nhập tỉ lệ phóng to hoặc thu nhỏ.
	Density (Mật độ)	-	Điều chỉnh mật độ.
	Tray Use (Sử dụng Khay) (Chỉ có ở một số model nhất định)	-	Chọn khay sẽ được sử dụng cho Sao chép.
	2-sided Copy (Sao chép 2 mặt) (Đối với model in 2 mặt tự động)	-	Tắt hoặc bật sao chép 2 mặt và chọn lật trên cạnh dài hoặc lật trên cạnh ngắn.
	2-sided Copy Page Layout (Bố cục trang sao chép 2 mặt) (Đối với model in 2 mặt tự động)	-	Chọn tùy chọn bố cục trang khi bạn tạo bản sao 2 mặt N trong 1 từ tài liệu 2 mặt.
	Quality (Số lượng)	-	Chọn độ phân giải của Bản sao cho loại tài liệu của bạn.
	Contrast (Độ tương phản)	-	Điều chỉnh độ tương phản.
	Stack/Sort (Chồng/Sắp xếp)	-	Chọn xếp chồng hoặc sắp xếp nhiều bản sao.
	Page Layout (Bố cục trang)	-	Tạo các bản sao N trong 1.
Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)	-	-	Lưu thiết đặt hiện tại làm lối tắt.

[Scan (Quét)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
to PC (vào PC)	to File (vào Tập tin)	(Chọn PC)	Options (Tùy chọn)	Quét và lưu tài liệu vào thư mục trên máy tính của bạn.
			Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)	
			Start (Bắt đầu)	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
to PC (vào PC)	to OCR (vào OCR)	(Chọn PC)	Options (Tùy chọn)	Chuyển đổi tài liệu đã quét của bạn thành tệp văn bản có thể chỉnh sửa được.
			Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)	
			Start (Bắt đầu)	
	to Image (vào Hình ảnh)	(Chọn PC)	Options (Tùy chọn)	Quét ảnh hoặc đồ họa vào ứng dụng đồ họa của bạn.
			Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)	
			Start (Bắt đầu)	
	to E-mail (vào E-mail)	(Chọn PC)	Options (Tùy chọn)	Gửi tài liệu được quét dưới dạng tập tin đính kèm email.
			Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)	
			Start (Bắt đầu)	
to FTP (vào FTP) (Chỉ có ở một số model nhất định)	(Tên cấu hình)	Options (Tùy chọn)	-	Quét tài liệu trực tiếp đến máy chủ FTP.
		Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)	-	
		Start (Bắt đầu)	-	
to Network (vào Mạng) (Chỉ có ở một số model nhất định)	(Tên cấu hình)	Options (Tùy chọn)	-	Gửi dữ liệu được quét đến máy chủ CIFS trên mạng cục bộ của bạn hoặc trên Internet.
		Save as Shortcut (Lưu thành Lối tắt)	-	
		Start (Bắt đầu)	-	
WS Scan (Quét WS) (Xuất hiện khi bạn cài đặt Trình quét dịch vụ web, hiển thị trong Trình khám phá mạng của máy tính.)	Scan (Quét)	-	-	Quét dữ liệu bằng giao thức Dịch vụ Web.
	Scan for E-mail (Quét cho E-mail)	-	-	
	Scan for Fax (Quét cho Fax)	-	-	
	Scan for Print (Quét để In)	-	-	

[Secure Print (In bảo mật)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Secure Print (In bảo mật)	(Chọn Người dùng)	(Chọn Tác vụ in bảo mật)	Bạn có thể in dữ liệu được lưu trong bộ nhớ của máy khi bạn nhập mật khẩu bốn số của mình. Chỉ hiện hoạt khi máy có dữ liệu in bảo mật.

([Shortcuts (Lối tắt)])

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Not Registered (Chưa đăng ký)	Copy (Bản sao)	Copy (Bản sao)	Enlarge/Reduce (Phóng to/Thu nhỏ)	Thay đổi thiết đặt trong Tùy chọn sao chép.
			Density (Mật độ)	
			Tray Use (Sử dụng Khay) (Chỉ có ở một số model nhất định)	
			2-sided Copy (Sao chép 2 mặt) (Đối với một số model nhất định)	
			2-sided Copy Page Layout (Bố cục trang sao chép 2 mặt) (Đối với một số model nhất định)	
			Quality (Số lượng)	
			Contrast (Độ tương phản)	
			Stack/Sort (Chồng/Sắp xếp)	
			Page Layout (Bố cục trang)	
		2in1(ID) Copy (Sao chép 2 trong 1(ID))	Density (Mật độ)	Thay đổi thiết đặt trong tùy chọn Sao chép ID 2 trong 1.
			Tray Use (Sử dụng Khay) (Chỉ có ở một số model nhất định)	
			Quality (Số lượng)	
			Contrast (Độ tương phản)	
			2in1/1in1 (2 trong 1/1 trong 1)	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Not Registered (Chưa đăng ký)	**Fax**	**Fax Resolution (Độ phân giải fax)**	-	Thiết đặt độ phân giải cho fax gửi đi.
		Contrast (Độ tương phản)	-	Điều chỉnh độ tương phản.
		2-sided Fax (Fax 2 mặt) (Dành cho các model quét 2 mặt tự động)	-	Chọn chế độ quét fax 2 mặt.
		Glass Scan Size (Kích thước quét kính)	-	Điều chỉnh vùng quét của kính máy quét để vừa với khổ tài liệu.
		Broadcasting (Phát tin)	**Add Number (Thêm số)**	Gửi cùng một thông báo fax đến nhiều số fax.
		Real Time TX (Gửi fax thời gian thực)	-	Gửi fax mà không sử dụng bộ nhớ.
		Coverpage Setup (Cài đặt trang bìa)	**Coverpage Setup (Cài đặt trang bìa)**	Thiết đặt máy để tự động gửi một trang bìa mà bạn đã lập trình trước.
			Coverpage Message (Thông báo trang bìa)	
			Total Pages (Tổng số trang)	
		Overseas Mode (Chế độ nước ngoài)	-	Thiết đặt thành Bật nếu bạn gặp khó khăn khi gửi fax ra nước ngoài.
		Call History (Lịch sử cuộc gọi)	-	Chọn một số từ Lịch sử ID Người gọi, rồi gửi một bản fax đến số đó, thêm nó vào Danh bạ hoặc xóa bỏ nó.
		Address Book (Danh bạ)	-	Lưu trữ số trong Danh bạ, cài đặt số theo Nhóm để Quảng bá, thay đổi và xóa số trong Danh bạ.
	Scan (Quét)	**to File (vào Tập tin)**	-	Quét và lưu tài liệu vào thư mục trên máy tính của bạn.
		to OCR (vào OCR)	-	Chuyển đổi tài liệu đã quét của bạn thành tệp văn bản có thể chỉnh sửa được.
		to Image (vào Hình ảnh)	-	Quét ảnh hoặc đồ họa vào ứng dụng đồ họa của bạn.
		to E-mail (vào E-mail)	-	Gửi tài liệu được quét dưới dạng tập tin đính kèm email.
		to Network (vào Mạng) (Chỉ có ở một số model nhất định)	-	Gửi dữ liệu được quét đến máy chủ CIFS trên mạng cục bộ của bạn hoặc trên Internet.
		to FTP (vào FTP)	-	Gửi dữ liệu được quét qua FTP.
Danh sách này xuất hiện khi mỗi tên Phím	**Edit Shortcut Name**	-	-	Thay đổi tên lối tắt.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
tắt được bấm trong 2 giây.	(Chỉnh sửa tên lối tắt)			
	Edit (Chỉnh sửa)	-	-	Thay đổi cài đặt phím tắt.
	Delete (Xóa)	-	-	Xóa lối tắt.

([Toner (Hộp mực)])

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
(Toner (Hộp mực))	Toner Life (Tuổi thọ hộp mực)	Xem tuổi thọ mực in còn lại ước chừng.
	Test Print (In thử)	In trang kiểm tra.

WiFi (Cài đặt Wi-Fi)

Sau khi thiết lập Wi-Fi®, bạn không thể thay đổi cài đặt từ màn hình Trang chính của bạn. Hãy thay đổi thiết đặt cho Wi-Fi trong màn hình Cài đặt.

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
WiFi (Cài đặt **Wi-Fi**)	Setup Wizard (Cài đặt tiện ích)	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng tay.
	WLAN Assistant (Hỗ trợ WLAN)	Cấu hình cài đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng đĩa cài đặt của Fuji Xerox.
	WPS	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng phương pháp bấm một nút.

Thông tin liên quan

- Bảng thiết đặt và tính năng

Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web
- Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa
- Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Fuji Xerox ở đâu?

Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

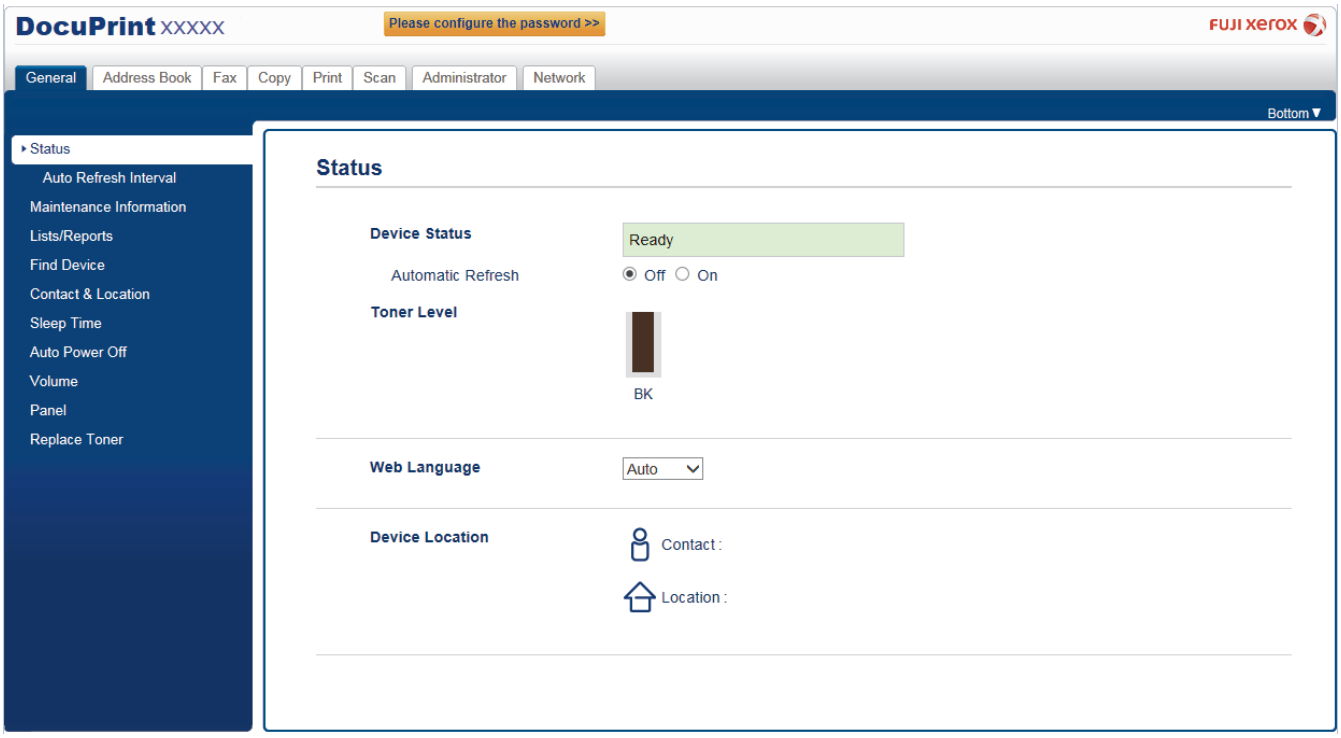
Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS).

- Quản lý dựa trên Web là gì?
- Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web
- Đặt mật khẩu đăng nhập cho tiện ích Quản lý trên nền Web
- Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web

Quản lý dựa trên Web là gì?

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS). Nhập địa chỉ IP của máy vào trình duyệt web để truy cập và thay đổi các thiết đặt máy chủ in của bạn.

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng Microsoft® Internet Explorer® 11/Edge cho Windows® và Safari 9/10/11 cho Mac. Đảm bảo rằng JavaScript và Cookie luôn được bật trong bất kỳ trình duyệt nào mà bạn dùng.
- Bạn phải sử dụng giao thức TCP/IP trên mạng của bạn và có địa chỉ IP hợp lệ được lập trình trong máy chủ in và máy tính của bạn.



- Màn hình thực tế có thể khác với màn hình được thể hiện ở trên.

Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giao thức bảo mật HTTPS khi định cấu hình cài đặt bằng tính năng Quản lý trên nền Web.
- Khi bạn sử dụng HTTPS để cấu hình tính năng Quản lý trên nền Web, trình duyệt của bạn sẽ hiển thị hộp thoại cảnh báo.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

   Ví dụ:

   http://192.168.1.2

- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.
  - Ví dụ:

    http://SharedPrinter

  Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.
  - Ví dụ:

    http://fxnxxxxxxxxxxx

  Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.
- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

3. Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .

Bây giờ bạn có thể thay đổi cài đặt máy chủ in.

Nếu bạn thay đổi cài đặt giao thức, bạn phải khởi động lại máy sau khi nhấp vào **Submit (Gửi)** để kích hoạt cấu hình.

Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Đặt mật khẩu đăng nhập cho tiện ích Quản lý trên nền Web

Chúng tôi khuyến nghị bạn nên thiết lập một mật khẩu đăng nhập để ngăn truy cập trái phép vào tiện ích Quản lý trên nền Web.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

   Ví dụ:

   http://192.168.1.2

- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.
  - Ví dụ:

    http://SharedPrinter

  Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.
  - Ví dụ:

    http://fxnxxxxxxxxxxx

  Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.
- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

---

3. Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .
4. Nhấp vào **Administrator (Quản trị viên)**.
5. Nhập mật khẩu mà bạn muốn sử dụng trong trường **Enter New Password (Nhập Mật khẩu mới)** (8-32 ký tự).
6. Nhập lại mật khẩu trong trường **Confirm New Password (Xác nhận Mật khẩu mới)**.
7. Nhấp vào **Submit (Gửi)**.

Trong tương lai, mỗi lần bạn truy cập vào tiện ích Quản lý trên nền Web, hãy nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, sau đó bấm .

Sau khi cấu hình các cài đặt, hãy đăng xuất bằng cách nhấp vào .

Nếu bạn chưa đặt mật khẩu đăng nhập trước đó, bạn cũng có thể đặt mật khẩu bằng cách nhấp vào nút **Please configure the password (Vui lòng định cấu hình mật khẩu)** trên trang web của máy.

Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giao thức bảo mật HTTPS khi định cấu hình cài đặt bằng tính năng Quản lý trên nền Web.
- Khi bạn sử dụng HTTPS để cấu hình tính năng Quản lý trên nền Web, trình duyệt của bạn sẽ hiển thị hộp thoại cảnh báo.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

   Ví dụ:

   http://192.168.1.2

- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.
  - Ví dụ:

    http://SharedPrinter

  Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.
  - Ví dụ:

    http://fxnxxxxxxxxxxx

  Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.
- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

3. Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .
4. Nhấp vào tab **Address Book (Sổ Địa chỉ)**.
5. Thêm hoặc cập nhật thông tin Danh bạ nếu cần.
6. Nhấp vào **Submit (Gửi)**.

Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web
- Cài đặt từ xa (Windows®)
- Cài đặt từ xa (Mac)

Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa

Chương trình Thiết đặt Từ xa cho phép bạn cấu hình nhiều cài đặt của máy Fuji Xerox của bạn từ máy tính. Khi bạn khởi động chương trình Thiết đặt Từ xa, các cài đặt trên máy Fuji Xeros của bạn sẽ được tải về máy tính của bạn và được hiển thị trên màn hình. Nếu bạn thay đổi cài đặt trên máy tính của mình, bạn có thể tải trực tiếp lên máy.

- Cài đặt từ xa (Windows®)
- Cài đặt từ xa (Mac)

Cài đặt từ xa (Windows®)

- Cài đặt máy Fuji Xerox từ máy tính của bạn (Windows®)
- Cài đặt máy Fuji Xerox bằng cách sử dụng ControlCenter4 (Windows®)
- Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng ControlCenter4 (Windows®)
- Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web

Cài đặt máy Fuji Xerox từ máy tính của bạn (Windows®)

Nếu Khóa Chức năng Bảo mật được đặt là Bật, bạn sẽ không thể sử dụng Cài đặt từ xa.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:
   - Windows® 7

     Nhấp vào **(Bắt đầu)** > **Tất cả các chương trình** > **Fuji Xerox** > **Fuji Xerox Utilities**.

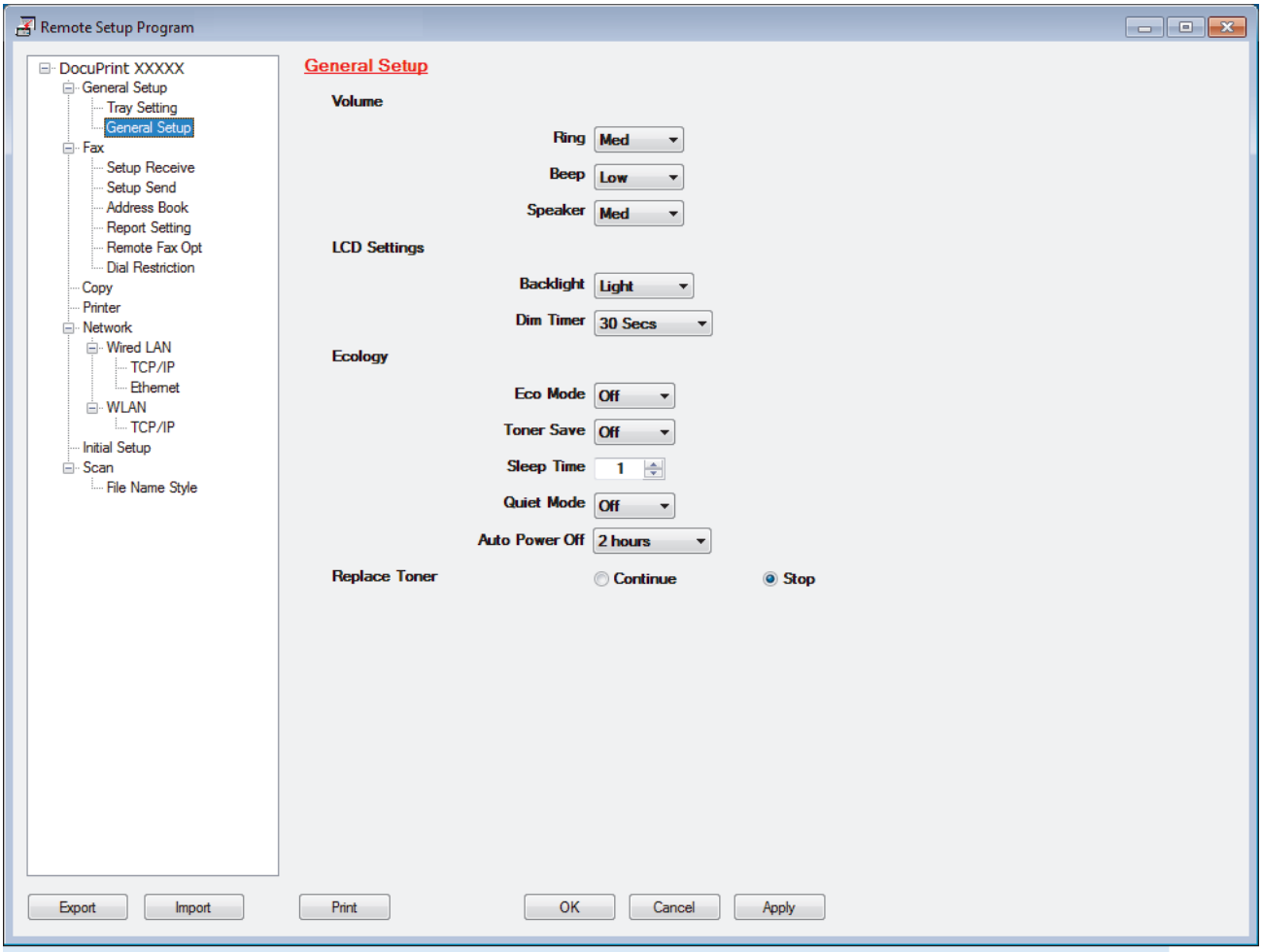
     Bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Cài đặt Từ xa**.
   - Windows® 8 và Windows® 10

     Khởi chạy **(Fuji Xerox Utilities)**, rồi bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Cài đặt Từ xa**.

   Cửa sổ Chương trình Cài đặt Từ xa sẽ xuất hiện.

Khi máy của bạn được kết nối thông qua Mạng, nhập mật khẩu khi được yêu cầu.

2. Cấu hình thiết đặt nếu cần.



Export (Xuất ra)

Bấm để lưu thiết đặt cấu hình hiện tại vào tập tin.

Bấm **Export (Xuất ra)** để lưu danh bạ của bạn hoặc tất cả thiết đặt cho máy của bạn.

Import (Nhập vào)

Nhấp để nhập tệp tin và đọc các thiết đặt của tệp tin.

Print (In)

Bấm để in mục đã chọn trên máy. Bạn không thể in dữ liệu cho đến khi dữ liệu được tải lên máy. Bấm **Apply (Áp dụng)** để tải dữ liệu mới lên máy, rồi bấm **Print (In)**.

OK

Bấm để bắt đầu tải dữ liệu lên máy, rồi thoát Chương trình cài đặt từ xa. Nếu có thông báo lỗi xuất hiện, xác nhận tính chính xác của dữ liệu, rồi bấm **OK**.

Cancel (Hủy)

Bấm để thoát Chương trình cài đặt từ xa mà không tải dữ liệu lên máy.

Apply (Áp dụng)

Bấm để tải dữ liệu lên máy mà không thoát Chương trình cài đặt từ xa.

3. Bấm **OK**.

- Nếu máy tính của bạn được bảo vệ bằng tường lửa và không thể sử dụng Cài đặt từ xa, bạn nên cấu hình thiết đặt tường lửa để cho phép liên lạc qua số cổng 137 và 161.
- Nếu bạn đang sử dụng Tường lửa Windows® và bạn đã cài đặt phần mềm Fuji Xerox và trình điều khiển từ đĩa cài đặt, các thiết đặt tường lửa cần thiết đã được thiết đặt sẵn.

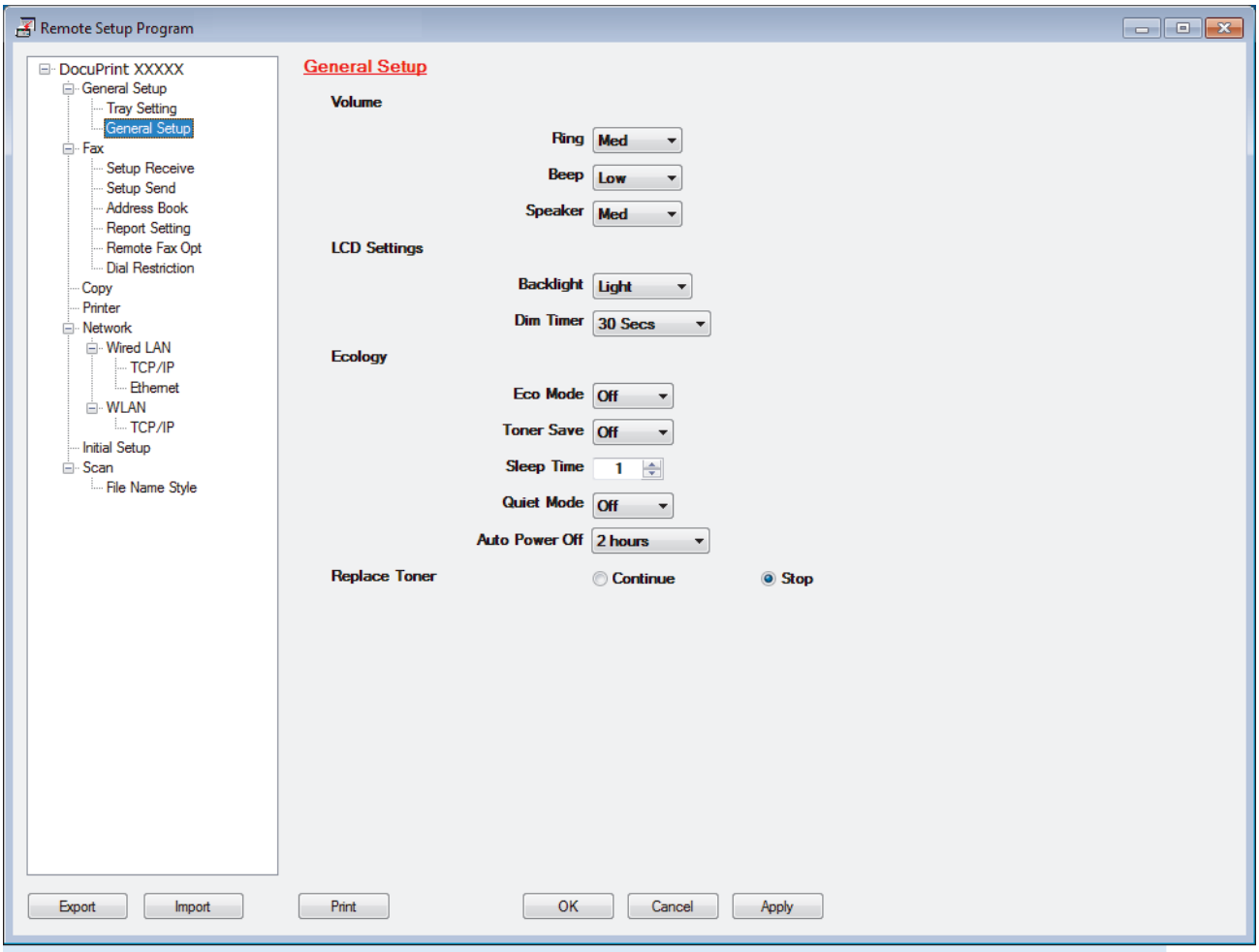
Thông tin liên quan

- Cài đặt từ xa (Windows®)

Cài đặt máy Fuji Xerox bằng cách sử dụng ControlCenter4 (Windows®)

Nếu Khóa Chức năng Bảo mật được đặt là Bật, bạn sẽ không thể sử dụng Cài đặt từ xa.

1. Bấm vào biểu tượng (**ControlCenter4**) trong khay tác vụ, rồi bấm **Mở**.
2. Bấm vào tab **Thiết đặt Thiết bị**.
3. Bấm nút **Cài đặt Từ xa**.
4. Cấu hình thiết đặt nếu cần.



Export (Xuất ra)

Bấm để lưu thiết đặt cấu hình hiện tại vào tập tin.

Bấm **Export (Xuất ra)** để lưu danh bạ của bạn hoặc tất cả thiết đặt cho máy của bạn.

Import (Nhập vào)

Nhấp để nhập tệp tin và đọc các thiết đặt của tệp tin.

Print (In)

Bấm để in mục đã chọn trên máy. Bạn không thể in dữ liệu cho đến khi dữ liệu được tải lên máy. Bấm **Apply (Áp dụng)** để tải dữ liệu mới lên máy, rồi bấm **Print (In)**.

OK

Bấm để bắt đầu tải dữ liệu lên máy, rồi thoát Chương trình cài đặt từ xa. Nếu có thông báo lỗi xuất hiện, xác nhận tính chính xác của dữ liệu, rồi bấm **OK**.

Cancel (Hủy)

Bấm để thoát Chương trình cài đặt từ xa mà không tải dữ liệu lên máy.

Apply (Áp dụng)

Bấm để tải dữ liệu lên máy mà không thoát Chương trình cài đặt từ xa.

5. Bấm **OK**.

- Nếu máy tính của bạn được bảo vệ bằng tường lửa và không thể sử dụng Cài đặt từ xa, bạn nên cấu hình thiết đặt tường lửa để cho phép liên lạc qua số cổng 137 và 161.
- Nếu bạn đang sử dụng Tường lửa Windows® và bạn đã cài đặt phần mềm Fuji Xerox và trình điều khiển từ đĩa cài đặt, các thiết đặt tường lửa cần thiết đã được thiết đặt sẵn.

Thông tin liên quan

- Cài đặt từ xa (Windows®)

Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng ControlCenter4 (Windows®)

Sử dụng Cài đặt từ xa thông qua CC4 để thêm hoặc thay đổi số trong Danh bạ trên máy tính của bạn.

Nếu Khóa Chức năng Bảo mật được đặt là Bật, bạn sẽ không thể sử dụng Cài đặt từ xa.

1. Bấm vào biểu tượng (**ControlCenter4**) trong khay tác vụ, rồi bấm **Mở**.
2. Bấm vào tab **Thiết đặt Thiết bị**.
3. Bấm nút **Sổ Địa chỉ**.
   Address Book (Sổ Địa chỉ) mở ra trong cửa sổ Cài đặt từ xa.
4. Thêm hoặc cập nhật thông tin Danh bạ nếu cần.
5. Bấm **OK**.

Thông tin liên quan

- Cài đặt từ xa (Windows®)

Cài đặt từ xa (Mac)

- Cài đặt máy Fuji Xerox bằng kết nối cáp USB (Mac)
- Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng Kết nối Cáp USB (Mac)
- Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web

Cài đặt máy Fuji Xerox bằng kết nối cáp USB (Mac)

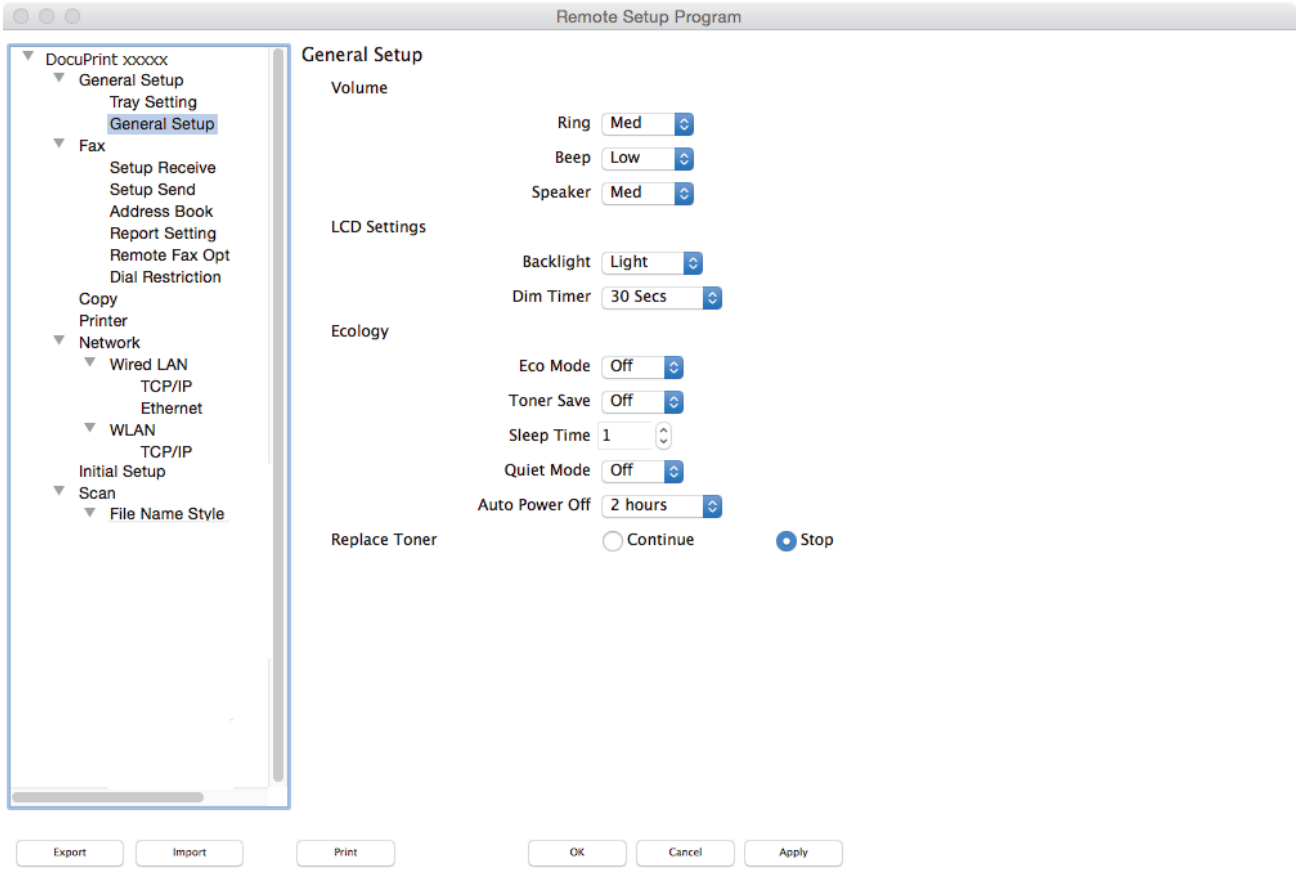
Sử dụng Cài đặt Từ xa để cài đặt máy Fuji Xerox bằng kết nối cáp USB.

Để sử dụng Cài đặt Từ xa, truy cập vào trang tải về cho model của bạn trên trang web của Fuji Xerox tại http://www.fujixeroxprinters.com/ và tài về tính năng Cài đặt Từ xa.

- Nếu Khóa Chức năng Bảo mật được đặt là Bật, bạn sẽ không thể sử dụng Cài đặt từ xa.
- Cài đặt Từ xa cho Mac chỉ hỗ trợ kết nối USB.

1. Trong thanh menu **Finder (Trình tìm kiếm)**, nhấp vào **Go (VÀO)** > **Applications (Ứng dụng)** > **Fuji Xerox**, rồi nhấp đúp vào biểu tượng Cài đặt Từ xa.

   Màn hình Chương trình Cài đặt Từ xa sẽ xuất hiện.



2. Cấu hình thiết đặt nếu cần.

Export (Xuất ra)

Bấm để lưu thiết đặt cấu hình hiện tại vào tập tin.

Bấm **Export (Xuất ra)** để lưu danh bạ của bạn hoặc tất cả thiết đặt cho máy của bạn.

Import (Nhập vào)

Nhấp để nhập tệp tin và đọc các thiết đặt của tệp tin.

Print (In)

Bấm để in mục đã chọn trên máy. Bạn không thể in dữ liệu cho đến khi dữ liệu được tải lên máy. Bấm **Apply (Áp dụng)** để tải dữ liệu mới lên máy, rồi bấm **Print (In)**.

OK

Bấm để bắt đầu tải dữ liệu lên máy, rồi thoát Chương trình cài đặt từ xa. Nếu có thông báo lỗi xuất hiện, nhập lại dữ liệu đúng, rồi bấm **OK**.

Cancel (Hủy)

Bấm để thoát Chương trình cài đặt từ xa mà không tải dữ liệu lên máy.

Apply (Áp dụng)

Bấm để tải dữ liệu lên máy mà không thoát Chương trình cài đặt từ xa.

3. Sau khi hoàn tất, bấm **OK**.

Thông tin liên quan

- Cài đặt từ xa (Mac)

Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng Kết nối Cáp USB (Mac)

Sử dụng tiện ích Cài đặt Từ xa để thêm hoặc thay đổi các số trong Sổ địa chỉ trên máy tính của bạn bằng kết nối cáp USB.

Để sử dụng Cài đặt Từ xa, truy cập vào trang tải về cho model của bạn trên trang web của Fuji Xerox tại http://www.fujixeroxprinters.com/ và tài về tính năng Cài đặt Từ xa.

- Nếu Khóa Chức năng Bảo mật được đặt là Bật, bạn sẽ không thể sử dụng Cài đặt từ xa.
- Cài đặt Từ xa cho Mac chỉ hỗ trợ kết nối USB.

1. Trong thanh menu **Finder (Trình tìm kiếm)**, nhấp vào **Go (VÀO)** > **Applications (Ứng dụng)** > **Fuji Xerox**, rồi nhấp đúp vào biểu tượng Cài đặt Từ xa.

   Màn hình Chương trình Cài đặt Từ xa sẽ xuất hiện.
2. Trong menu bên trái, nhấp vào **Address Book (Sổ Địa chỉ)** trong **Fax**.
3. Thêm hoặc cập nhật thông tin Danh bạ nếu cần.
4. Sau khi hoàn tất, bấm **OK**.

Thông tin liên quan

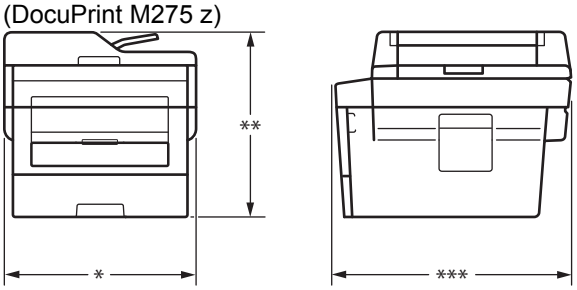
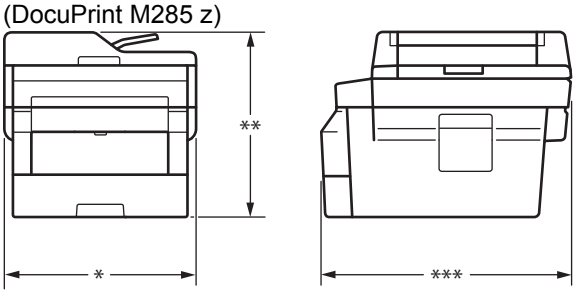
- Cài đặt từ xa (Mac)

Phục lục

- Thông số kỹ thuật
- Cách nhập văn bản trên máy Fuji Xerox của bạn
- Vật tư
- Liên hệ Fuji Xerox

Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật chung

Loại máy in		• Laze
Phương thức in		• Máy in laze quang điện tử
Dung lượng bộ nhớ	**Tiêu chuẩn**	• 256 MB
LCD (màn hình tinh thể lỏng)		• màn hình cảm ứng LCD màu 2,7 in. (67,5 mm) TFT [1]
Nguồn điện		• 220 to 240 V AC 50/60 Hz
Tiêu thụ điện năng (Trung bình)	**Tối đa**	• Khoảng 1104 W (220-240 V)
	In [2]	• Khoảng 475 W ở 25 °C (220-240 V)
	In (Chế độ im lặng) [2]	• Khoảng 260 W ở 25 °C (220-240 V)
	Sao chép [2]	• Khoảng 485 W ở 25 °C (220-240 V)
	Sẵn sàng [2]	• Khoảng 42 W ở 25 °C (220-240 V)
	Ngủ [2]	• Khoảng 6,4 W (220-240 V)
	Ngủ sâu [2]	• Khoảng 1,1 W (220-240 V)
	Tắt nguồn [2 3 4]	• Khoảng 0,03 W (220-240 V)
Kích thước (Xem phác thảo tiêu biểu|) (DocuPrint M275 z)  (DocuPrint M285 z) 		Đơn vị: mm • (DocuPrint M275 z) *** :** 410 **** :** 318,5 ***** :** 398,5 • (DocuPrint M285 z) *** :** 410 **** :** 318,5 ***** :** 426.5
Trọng lượng (có vật tư)		• (DocuPrint M275 z) 12,0 kg • (DocuPrint M285 z) 12,5 kg

Độ ồn	**Áp suất âm thanh**	**In**	• LpAm = 49 dB (A)
		In (Chế độ im lặng)	• LpAm = 44 dB (A)
		Sẵn sàng	• LpAm = 30 dB (A)
	Công suất âm thanh	**In**	• LWAd = 7,165 B (A)
		In (Chế độ im lặng)	• LWAd = 6,743 B (A)
		Sẵn sàng	• LWAd = 4,55 B (A)
Nhiệt độ	**Hoạt động**		• 10 đến 32,5 °C
	Lưu trữ		• 0 đến 40 °C
Độ ẩm	**Hoạt động**		• 20 đến 80% (không ngưng tụ)
	Lưu trữ		• 35 đến 85% (không ngưng tụ)
ADF (bộ nạp tài liệu tự động) (DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)			• Lên đến 50 tờ Để có được kết quả tốt nhất chúng tôi khuyến nghị: • Nhiệt độ: 20 đến 30 °C • Độ ẩm: 50 đến 70% • Giấy: 80 g/m^2

1 Đo theo đường chéo

2 Kết nối USB với máy tính

3 Được đo theo IEC 62301 Edition 2.0.

4 Mức tiêu thụ điện hơi khác nhau tùy vào môi trường sử dụng.

Thông số kỹ thuật về khổ tài liệu

Khổ tài liệu	**Độ rộng ADF** [1]	• 105 đến 215,9 mm
	Độ dài ADF [1]	• 147,3 đến 355,6 mm
	Độ rộng kính máy quét	• Tối đa 215,9 mm
	Độ dài kính máy quét	• Tối đa 300 mm

1 Chỉ áp dụng với các dòng máy ADF

Thông số kỹ thuật của phương tiện in

Đầu vào giấy	**Khay giấy (Chuẩn)**	**Loại giấy**	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế, Giấy dày
		Khổ giấy	• (Đối với Úc, New Zealand, Đảo Fiji, Papua New Guinea, Đảo Vanuatu và Hàn Quốc) A4, Letter, A5, A5 (Cạnh dài), A6, Executive • (Đối với Malaysia, Hồng Kông, Brunei, Singapore, Macao, Việt Nam, Lào, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Philippin và Indonesia) A4, Letter, A5, A5 (Cạnh dài), A6, Executive, Legal, Folio
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 163 g/m^2
		Sức chứa giấy tối đa	• Lên đến 250 tờ Giấy thường 80 g/m^2
	Khe nạp bằng tay (DocuPrint M275 z)	**Loại giấy**	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy dày, Giấy dày hơn, Giấy tái chế, Giấy bông, Nhãn, Phong bì
		Khổ giấy	• Chiều rộng: 76,2 đến 216 mm

Đầu vào giấy	**Khe nạp bằng tay** (DocuPrint M275 z)		• Chiều dài: 127 đến 355,6 mm • Phong bì: COM-10, DL, C5, Monarch
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 230 g/m^2
		Sức chứa giấy tối đa	• Từng tờ một
	Khay đa năng (Khay MP) (DocuPrint M285 z)	**Loại giấy**	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy dày, Giấy dày hơn, Giấy tái chế, Giấy bông, Nhãn, Phong bì
		Khổ giấy	• Chiều rộng: 76,2 đến 216 mm • Chiều dài: 127 đến 355,6 mm • Phong bì: COM-10, DL, C5, Monarch
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 230 g/m^2
		Sức chứa giấy tối đa	• Lên đến 30 tờ Giấy thường 80 g/m^2 • Phong bì: 2 phong bì
Đầu ra giấy [1]	**Khay đầu ra mặt sấp**		• Lên đến 120 tờ(úp xuống để chạy đến khay đầu ra giấy úp xuống) [2]
	Khay đầu ra mặt ngửa		• Một tờ (hướng lên để chạy đến khay đầu ra hướng lên)
2 mặt	**In 2 mặt tự động**	**Loại giấy**	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế
		Khổ giấy	• A4
		Trọng lượng giấy	• 60 đến 105 g/m^2

1 Đối với nhãn, chúng tôi khuyến nghị nên lấy tờ nhãn đã in ra khỏi khay giấy đầu ra ngay sau khi nhãn xuất ra từ máy để tránh bị nhòe mực.

2 Được tính toán với 80 g/m2 trong môi trường ôn hoà, không có độ ẩm.

Các thông số kỹ thuật của Máy Fax

Tương thích		• ITU-T Super Group 3
Hệ thống mã hóa		• MH / MR / MMR / JBIG
Tốc độ modem		• 33.600 bps (có Dự phòng tự động)
Nhận bản in 2 mặt		• Có
Gửi 2 mặt tự động		• Có (từ ADF)
Độ rộng quét		• Tối đa 208 mm
Độ rộng in		• Tối đa 208 mm
Thang độ xám		• 8 bit / 256 levels
Độ phân giải	**Ngang**	• 203 dpi
	Dọc	• Tiêu chuẩn: 98 dpi • Mịn: 196 dpi • Siêu mịn: 392 dpi • Ảnh: 196 dpi
Danh bạ		• 200 vị trí

Nhóm	• Lên đến 20
Phát tin	• 250 vị trí
Quay số lại tự động	• (Đối với Việt Nam, Thái Lan, Campuchia và Brunei) 1 lần ở các khoảng 5 phút • (Dành cho các quốc gia khác) 3 lần ở khoảng cách 5 phút
Truyền bộ nhớ	• Lên đến 500 trang [1]
Tiếp nhận khi hết giấy	• Lên đến 500 trang [1]

1 'Trang' tham chiếu đến 'Biểu đồ kiểm tra ITU-T #1' (thư thương mại thông thường, Độ phân giải chuẩn, mã JBIG).

Thông số kỹ thuật sao chép

Độ rộng bản sao	• Tối đa 210 mm
Sao chép 2 mặt tự động	• Có (từ ADF)
Sao chép phân loại	• Có
Sao chép nhiều	• Lên đến 99 trang
Phóng to/Thu nhỏ	• 25 đến 400% (tăng dần 1%)
Độ phân giải	• Tối đa 600 x 600 dpi
Lần sao chép đầu [1 2]	• (DocuPrint M275 z) Dưới 10 giây ở 23 °C • (DocuPrint M285 z) Dưới 9 giây ở 23 °C

1 Từ Chế độ sẵn sàng và khay chuẩn

2 Từ kính máy quét

Các thông số kỹ thuật của Máy quét

Màu / Đen trắng	• Có / Có
Tuân thủ TWAIN	• Có (Windows® 7 SP1 / Windows® 8 / Windows® 8.1 / Windows® 10) (macOS v10.11.x, v10.12.x, v10.13.x)
Tuân thủ Windows Image Acquisition (WIA)	• Có (Windows® 7 SP1 / Windows® 8 / Windows® 8.1 / Windows® 10)
Tuân thủ AirPrint	• Có (macOS v10.11.x, v10.12.x, v10.13.x)
Độ sâu Màu	• Xử lý màu 30 bit (Đầu vào) • Xử lý màu 24 bit (Đầu ra)
Thang Xám	• Xử lý màu 10 bit (Đầu vào) • Xử lý màu 8 bit (Đầu ra)
Độ phân giải [2]	• Lên đến 19200 x 19200 dpi (nội suy) • Up to 1200 x 1200 dpi (từ Kính máy quét) • Lên đến 600 x 600 dpi (từ ADF) [1]
Độ rộng quét	• Tối đa 210 mm
Quét 2 mặt tự động	• Có (từ ADF)

1 Chỉ model ADF

2 Quét tối đa 1200 × 1200 dpi với trình điều khiển Windows Image Acquisition (WIA) ở Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1 và Windows® 10 (độ phân giải lên đến 19200 × 19200 dpi có thể được chọn bằng cách sử dụng tiện ích của máy quét)

Thông số kỹ thuật của máy in

In 2 mặt tự động		• Có
Mô phỏng		• PCL6, PostScript® 3™, dựa trên máy chủ
Độ phân giải		• 600 x 600 dpi, chất lượng HQ1200 (2400 x 600), 1200 x 1200 dpi
Tốc độ in [1] [2]	**In 1 mặt**	• Lên đến 34 trang/phút (Khổ A4) Lên đến 36 trang/phút (Khổ Letter)
	In 2 mặt	• Lên đến 16 trang/phút (lên đến 8 tờ/phút) (Khổ A4) Lên đến 17 trang/phút (lên đến 8,5 tờ/phút) (Khổ Letter)
Lần in đầu tiên [3]		• (DocuPrint M275 z) Dưới 8,5 giây ở 23 °C • (DocuPrint M285 z) Dưới 7 giây ở 23 °C

1 Tốc độ in có thể thay đổi tuỳ thuộc vào loại tài liệu mà bạn in.

2 Tốc độ in có thể chậm hơn khi máy được kết nối bằng mạng LAN không dây.

3 Từ chế độ Sẵn sàng và khay tiêu chuẩn

Thông số kỹ thuật giao diện

USB [1] [2]	• USB 2.0 tốc độ cao Sử dụng cáp giao diện USB 2.0 không dài quá 2 m.
LAN	• 10Base-T/100Base-TX [3]
LAN không dây	• IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng) IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct®)
NFC	• Có

1 Máy của bạn có giao diện USB 2.0 tốc độ cao. Máy cũng có thể được kết nối với máy tính có giao diện USB 1.1.

2 Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.

3 Sử dụng cáp cặp xoắn thẳng suốt Loại 5 (trở lên).

Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ

Ethernet

10Base-T/100Base-TX

LAN không dây

IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng), IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct)

Giao thức (IPv4)

ARP, RARP, BOOTP, DHCP, APIPA(Auto IP), độ phân giải tên WINS/NetBIOS, bộ phân giải DNS, mDNS, bộ đáp ứng LLMNR, LPR/LPD, Custom Raw Port/Port9100, máy khách SMTP, IPP/IPPS, máy khách và máy chủ FTP, máy khách CIFS, SNMPv1/v2c/v3, máy chủ HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMP, các dịch vụ Web (In/quét), máy khách SNTP

(Các giao thức được hỗ trợ có thể thay đổi tùy thuộc vào model của bạn.)

Giao thức (IPv6)

NDP, RA, bộ phân giải DNS, mDNS, bộ đáp ứng LLMNR, LPR/LPD, Custom Raw Port/Port9100, IPP/IPPS, máy khách SMTP, máy khách và máy chủ FTP, máy khách CIFS, SNMPv1/v2c/v3, máy khách HTTP/HTTPS, máy khách và máy chủ TFTP, ICMPv6, máy khách SNTP, các dịch Web (In/quét)

(Các giao thức được hỗ trợ có thể thay đổi tùy thuộc vào model của bạn.)

Bảo mật mạng (có dây)

SMTP-AUTH, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP), SNMP v3

Bảo mật mạng (không dây)

SMTP-AUTH, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP), SNMP v3

Bảo mật mạng không dây

WEP 64/128 bit, WPA-PSK (TKIP/AES), WPA2-PSK (TKIP/AES)(Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES))

Chứng nhận không dây

Wi-Fi Certification Mark License (WPA™/WPA2™ - Personal), Wi-Fi Protected Setup (WPS) Identifier Mark License, Wi-Fi CERTIFIED™ Wi-Fi Direct

Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

Hệ điều hành và chức năng phần mềm được hỗ trợ

<table>
<tr><th colspan="2" rowspan="2">Nền tảng & phiên bản hệ điều hành của máy tính</th><th colspan="4">Giao diện máy tính</th><th rowspan="2">Bộ xử lý</th><th rowspan="2">Đối với trình điều khiển</th><th rowspan="2">Dung lượng đĩa cứng để Cài đặt</th></tr>
<tr><th>Parallel (IEEE1284)</th><th>USB [1]</th><th>10Base-T/ 100Base-TX [2] (Ethernet)</th><th>Không dây [3] 802.11b/g/n</th></tr>
<tr><td rowspan="9">Hệ điều hành Windows®</td><td>Windows® 7 SP1 / 8 / 8.1 [4] [5]</td><td rowspan="12">Không áp dụng</td><td colspan="3" rowspan="2">In
PC Fax [6]
Quét</td><td rowspan="3">bộ xử lý 32 bit (x86) hoặc 64 bit (x64)</td><td>650 MB</td><td>1,2 GB</td></tr>
<tr><td>Windows® 10 Home / 10 Pro / 10 Education / 10 Enterprise [4] [5]</td></tr>
<tr><td>Windows Server® 2008</td><td rowspan="6">Không áp dụng</td><td colspan="2" rowspan="6">In</td><td rowspan="2">50 MB</td><td rowspan="2">Không áp dụng</td></tr>
<tr><td>Windows Server® 2008 R2</td><td rowspan="5">Bộ xử lý 64 bit (x64)</td></tr>
<tr><td>Windows Server® 2012</td></tr>
<tr><td>Windows Server® 2012 R2</td><td>80 MB</td><td>400 MB</td></tr>
<tr><td>Windows Server® 2016</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Hệ điều hành Mac</td><td>macOS v10.11.x</td><td colspan="3" rowspan="3">In
PC-Fax (Gửi) [6]
Quét</td><td rowspan="3">Bộ xử lý Intel®</td><td rowspan="3">80 MB</td><td rowspan="3">400 MB</td></tr>
<tr><td>macOS v10.12.x</td></tr>
<tr><td>macOS v10.13.x</td></tr>
</table>

1 Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.

2 Chỉ với các model được hỗ trợ(DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)

3 Chỉ với các model được hỗ trợ(DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z)

4 Đối với Windows Image Acquisition (WIA), độ phân giải 1200x1200. Tiện ích Máy quét của Fuji Xerox Scanner cho phép độ phân giải lên đến 19200 x 19200 dpi.

5 PaperPort™ 14SE hỗ trợ Windows® 7, Windows® 8, Windows® 8.1 và Windows® 10.

6 PC-Fax chỉ hỗ trợ màu đen và trắng.

Để có cập nhật trình điều khiển mới nhất, hãy truy cập trang dành cho model của bạn trên trang web của Fuji Xerox tại http://www.fujixeroxprinters.com/.

Tất cả các nhãn hiệu, thương hiệu và tên sản phẩm là tài sản của các công ty tương ứng.

Thông tin liên quan

- Phục lục

Cách nhập văn bản trên máy Fuji Xerox của bạn

- Khi bạn cần nhập văn bản trên máy Fuji Xerox của mình, một bàn phím xuất hiện trên màn hình LCD.
- Các ký tự có sẵn có thể thay đổi tùy theo quốc gia của bạn.
- Bố cục bàn phím có thể thay đổi tùy theo thao tác mà bạn thực hiện.



- Bấm A 1 @ để chuyển đổi giữa chữ, số và ký tự đặc biệt.
- Bấm aA để chuyển đổi giữa chữ thường và chữ hoa.
- Để di chuyển con trỏ sang trái hoặc phải, bấm ◀ hoặc ▶.

Chèn khoảng trắng

- Để chèn khoảng trắng, bấm [Space (Không gian)].

Sửa đổi

- Nếu bạn đã nhập sai ký tự và muốn thay đổi ký tự đó, bấm ◀ hoặc ▶ để di chuyển con trỏ đến ký tự sai rồi bấm ⌫. Nhập ký tự đúng.
- Để chèn ký tự, bấm ◀ hoặc ▶ để di chuyển con trỏ đến vị trí đúng, rồi nhập ký tự.
- Bấm ⌫ cho mỗi ký tự bạn muốn xóa hoặc bấm và giữ ⌫ để xóa tất cả các ký tự.

Thông tin liên quan

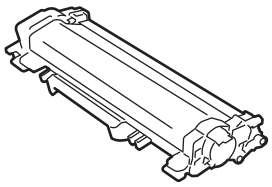
- Phục lục
- Thiết đặt ID trạm của bạn

Vật tư

Khi đến lúc phải thay thế các vật tư như mực in hoặc trống mực, một thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển của máy hoặc trong Status Monitor. Liên hệ với đại lý Fuji Xerox tại địa phương bạn.

- Tên model vật tư sẽ thay đổi tùy thuộc vào quốc gia và khu vực của bạn.

Hộp mực



Tên model vật tư	Tuổi thọ ước tính(Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
Mực in chuẩn: CT202876	Khoảng 1.200 trang [1] [2]	DocuPrint M275 z
Mực in hiệu suất cao: CT202877	Khoảng 3.000 trang [1] [2]	DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z
Mực in hiệu suất đặc biệt cao: CT202878	Khoảng 4.500 trang [1] [2]	DocuPrint M285 z

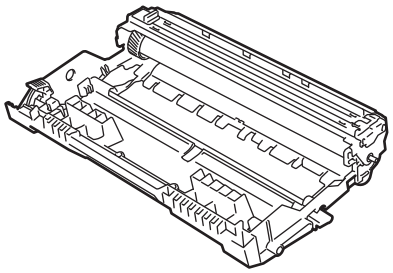
1 Hiệu suất hộp mực ước chừng được tuyên bố theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752.

2 Trang đơn A4/Letter

Tuổi thọ mực inbox trung bình được ước tính ở Khoảng 3.000 trang [1] dựa trên 1 trang mỗi tác vụ [trang một mặt khổ A4 hoặc Letter].

1 DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z

Bộ trống mực



Tên model vật tư	Tuổi thọ ước tính(Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
CT351134	Khoảng 12.000 trang [1]	DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z

1 Khoảng 12.000 trang dựa trên 1 trang mỗi công việc [trang đơn A4/Letter].Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại giấy và kích thước giấy.

Thông tin liên quan

- Phục lục
- Thay thế vật tư.

Liên hệ Fuji Xerox

QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải gọi đến dịch vụ khách hàng Fuji Xerox hoặc đại lý bán hàng Fuji Xerox tại địa phương.

Bộ phận Hỗ trợ Kỹ thuật

Fuji Xerox khuyến cáo khách hàng sử dụng các tài liệu hỗ trợ giao kèm theo sản phẩm, các chẩn đoán sản phẩm, thông tin trên Web và hỗ trợ qua email. Nếu không thành công, để có được dịch vụ theo bảo hành sản phẩm, Khách hàng phải thông báo cho bộ phận Hỗ trợ qua Điện thoại của Fuji Xerox hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của hãng về thiếu sót trước khi hết thời hạn bảo hành. Khách hàng sẽ hỗ trợ phù hợp cho nhân viên hỗ trợ qua điện thoại để giải quyết các vấn đề, chẳng hạn như khôi phục hệ điều hành, chương trình phần mềm và trình điều khiển cho cấu hình và cài đặt mặc định của họ, xác minh chức năng của sản phẩm được cung cấp bởi Fuji Xerox, thay thế các thiết bị có thể thay thế của khách hàng, và loại bỏ lỗi nạp giấy và làm sạch thiết bị và bảo dưỡng thường xuyên và bảo dưỡng phòng ngừa như đã được quy định.

Nếu sản phẩm của Khách hàng có các tính năng cho phép Fuji Xerox hoặc đại diện dịch vụ được ủy quyền của hãng chẩn đoán và khắc phục các sự cố sản phẩm từ xa, Fuji Xerox có thể yêu cầu Khách hàng cho phép truy cập từ xa tới sản phẩm.

Các dịch vụ trực tuyến

Bạn có thể tìm thông tin chi tiết về Sản phẩm và bảo hành tiêu hao trên trang web của chúng tôi tại

http://www.fujixeroxprinters.com/

Trợ lý Hỗ trợ Trực tuyến của Fuji Xerox sẽ cung cấp hướng dẫn và hướng dẫn khắc phục sự cố để giải quyết các vấn đề về máy in của bạn. Đó là một trợ giúp trực tuyến dễ tìm kiếm, dễ sử dụng. Để tìm hiểu thêm chi tiết, vui lòng truy cập vào dịch vụ hỗ trợ trực tuyến của chúng tôi tại

http://www.fujixeroxprinters.com/

Thông tin liên quan

- Phục lục

DocuPrint M275 z/DocuPrint M285 z

Hướng dẫn sử dụng trực tuyến

ME8157VI0-2 (Phiên bản 1)
Tháng 3 năm 2018